



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

TAN TAO GROUP
DEVELOPER OF CHOICE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2015 **ANNUAL**
SHAREHOLDERS'
MEETING
2015

Gain a head start, pioneer the future.



TAN TAO GROUP
YOUR HOME

Tổng quan về Tập Đoàn Tân Tạo <i>Overview of Tan Tao Group</i>	12	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT <i>Message from the Chairwoman</i>	04
Báo cáo và Đánh giá của Ban Tổng giám đốc <i>Report and Evaluation of the Board of Directors</i>	44	Báo cáo tình hình quản trị công ty <i>Administration Report Of Itaco</i>	28
Báo cáo kiểm toán của E&Y <i>Audit Report by E&Y</i>	60	Báo cáo của Ban Kiểm soát <i>Supervisory Board Report</i>	54
Các sự kiện nổi bật năm 2014 của Tập đoàn <i>Tan Tao Group's Top Events in 2014</i>	174	Báo cáo tình hình thực hiện tài chính năm 2014 và kế hoạch năm 2015 <i>Report for financial performance 2014 and plan 2015</i>	172
		Dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ 2015 <i>Draft Resolution of the 2015 General Shareholders Meeting</i>	184
MỤC LỤC <i>Table of content</i>			



Trước tiên cho tôi được gửi đến toàn thể cán bộ, Quý cổ đông và nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành vì sự ủng hộ của Quý vị.

Firstly, I would like to express sincere thanks to all staff, shareholders and investors for your support.

Một năm nữa đã qua, hôm nay thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo đến Quý cổ đông và nhà đầu tư sau khi đã nghiêm khắc đánh giá những mặt đã làm được, những tiềm năng của Công ty một cách toàn diện trong năm 2014 như sau:

Another year has passed and today, after closely and thoroughly assessing the achievements and potentials of the Company in 2014, on behalf of the Board of Management, I would like to report before our shareholders and investors as follows:

**1. Kết quả kinh doanh đạt kế hoạch nhưng còn khiêm tốn:
Business results reached the target but still modest:**

Mặc dù đã đạt kế hoạch và nghị quyết Đại hội cổ đông giao phó cho năm 2014 như báo cáo của Tổng giám đốc và kết quả kiểm toán của E & Y đưa ra, tuy nhiên, thật sự chưa đạt được kỳ vọng của Hội đồng quản trị, đặc biệt về kết quả kinh doanh còn chuyển biến chậm.

Although the business results met the planned target and as per resolution of the Annual Shareholders' Meeting 2014 as indicated in the Report of Chief Operating Officer and the E&Y's audit report, nevertheless, they did not meet the expectations of the Board of Management, especially the business results which still grew slowly.

Chúng ta đã kỳ vọng trong năm 2014 TPP sẽ có tác động tích cực, tuy nhiên, như đánh giá chung của Bộ KHĐT, các nhà đầu tư Nhật Bản đã có chiều hướng chậm lại. Năm 2013 chúng ta đã thu hút được nhiều nhà đầu tư Nhật Bản vào khu công nghiệp Tân Đức thì năm 2014 con số chỉ là 02.

We expected that the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) would have a positive impact, nevertheless, according to the assessment of the Ministry of Planning and Investment, investments from Japan has a declining trend. In 2013, we attracted a number of Japanese investors in Tan Duc Industrial Park, but only two in 2014.

**Nguyên nhân kết quả kinh doanh chưa cao do nguyên nhân chủ quan và khách quan.
Subjective and objective causes of low business results**

- (i) Nguyên nhân khách quan là do chúng ta phải đối mặt với khó khăn lớn trong việc ngân hàng không hoàn trả lại tài sản thế chấp theo tỷ lệ vốn chúng ta đã hoàn trả theo quy định của luật pháp hiện hành như trường hợp Ngân hàng VietinBank, tổng vay nợ gốc ban đầu là 435 tỷ đồng, chúng ta đã trả được gốc 258 tỷ và trả lãi 201 tỷ, còn nợ đến 31/12/2014 dư gốc là 177 tỷ. Mặc dù đã đề nghị rất nhiều lần nhưng VietinBank vẫn chưa giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây khó khăn cho chúng ta trong việc tách sổ đỏ cho các doanh nghiệp và điều này khiến chúng ta không thu tiền được tiền của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các ngân hàng ở Việt Nam có xu hướng định giá tài sản rất thấp. Trường hợp VietinBank, với diện 1.178.530 m2 thế chấp trị giá theo khung giá đền bù giải tỏa hướng dẫn của Tỉnh Long An là 5.892 tỷ đồng, nhưng chỉ được VietinBank định giá là 899 tỷ đồng.

Objectively, we faced significant difficulties since banks did not return the collateral in line with the rate of the loan repayment in accordance with the applicable laws. Taking into account the case of the loan from VietinBank: The total initial principal amount was VND 435 billion; about VND 258 billion in principal and the interest of VND 201 billion were paid, the outstanding principal amount was VND 177 billion



as of December 31, 2014. In spite our muptiple requests, VietinBank still has not returned the land ownership certificates (known as “red books”), which has made it difficult for us to separate the land ownership certificates for businesses, and it resulted in non-collection of payments from the businesses. Besides, Vietnamese banks tend to undervalue collateral assets. In the case of VietinBank, 1,178,530 m2 land area used as a collateral for Vietinbank is worth VND 5,892 billion in accordance with the land clearance and compensation price benchmark of Long An Province, but only appraised by VietinBank at VND 899 billion.

- (ii) Nguyên nhân chủ quan là do đội ngũ lãnh đạo và kinh doanh của chúng ta tỏ ra thụ động và kém nhiệt huyết. Sau nhiều năm gần bó cùng công ty với chính sách được hưởng đã khiến đội ngũ lãnh đạo có khuynh hướng ỷ lại và tạo ra sức ỳ lớn. Có lẽ đã đến lúc chúng ta phải mạnh dạn thay đổi nhân sự chủ chốt để truyền thêm lửa và nhiệt tình của tuổi trẻ cho đội ngũ lãnh đạo công ty.

Subjectively, there are also other factors that severely affected our accomplishment record for 2014 such as the passiveness, lack of enthusiasm and motivation on the part of the management and sales staff. After many years working in the Company and benefiting from supportive policies, the management tends to depend on others, which results in higher idleness. It is maybe time for us to courageously change key personnel to add the fire and energy of youth to the Company's management.

2. Sự định giá theo cảm tính và tin đồn đoán của thị trường chứng khoán hơn là phân tích thực lực và tiềm năng của công ty.

Stock evaluation based on the emotion and false rumors rather than analysis of actual real strength and potentials of the Company.

- (i) Mặc dù năm 2014 ITA tiếp tục đạt khối lượng giao dịch 1.004.248.840 cổ phiếu, đứng thứ 3 của sàn chứng khoán TP. HCM. Tuy nhiên giá trị giao dịch bình quân thấp hơn mệnh giá và phản ánh thấp hơn giá trị thật của Công ty.

Chúng ta hiện đang sở hữu 11.877.000 m2 đất sạch đã hoàn thành đền bù giải toả /đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ trong đó có 4.750.000 m2 đã hoàn thành cơ sở hạ tầng cùng 150.000 m2 nhà xưởng chúng ta đang sở hữu và cho thuê. Tuy nhiên, theo quy định về chế độ kế toán hiện hành, chỉ thể hiện trên giá trị tồn kho theo giá gốc khoảng 200 triệu USD. Thực tế giá trị tài sản thật tính theo giá chúng ta đang cho thuê phải là 1.2 tỷ USD.

Although ITA stock ranked among the top three in trading volume with 1,004,248,840 shares traded on the HOSE in 2014, nevertheless, its average trading price was lower than the face value and did not represent the actual value of the Company.

We currently own 11,877,000 m2 of cleared land, for which we have completed compensation and clearance has been issued for the land use right certificates, including 4,750,000 m2 of completed infrastructure and 150,000 m2 of factories for lease. Nevertheless, under current accounting standards, the value of inventory is only reflected at the original cost price of about US\$ 200 million. In reality, the real asset value (calculated based on our leasing price) is US\$ 1.2 billion.

Sở dĩ có sự chênh lệch lớn bởi vì toàn bộ công tác xây dựng hạ tầng, xây lắp nhà xưởng, văn phòng, nhà ở đều do chính chúng ta trực tiếp tổ chức thi công giúp chúng ta tiết kiệm được khoảng 30-40% chi phí lợi nhuận trong xây lắp giành cho các nhà thầu sẽ được trình bày kỹ hơn ở mục 3.



* Nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm Đại học Tân Tạo ngày 24/9/2011
Former State President Nguyen Minh Triet visited Tan Tao University on September 24, 2011.

The reason for the big difference is because the entire construction of infrastructure, factories, offices and houses has been directly undertaken by us, and has saved us about 30-40% profits for the construction of contractors, which will be presented in more detail in Section 3.

3. Trực tiếp triển khai xây dựng, giảm giá thành sản phẩm từ 30-40% giúp tăng lợi nhuận và tạo lợi thế riêng biệt cho công ty.

Direct deployment of construction, reduction of costs by 30-40% to increase profits and to create distinct advantages for the Company.

Có lẽ chưa có một Công ty đầu tư hạ tầng khu công nghiệp nào ở Việt Nam đã làm được như chúng ta là đã và đang tự tổ chức thi công mọi công trình, kết quả đạt được có thể kể đến:

There are no developers of industrial park infrastructure in Vietnam at this present time, who are capable of undertaking all construction work by themselves like us. Our achievements can be listed as follows:

- (i) Kể từ 2008 đến nay, chúng ta đã xây dựng được một đội ngũ kỹ sư và công nhân tay nghề đảm bảo trực tiếp tổ chức thi công các công trình lớn nhỏ: Từ hạ tầng kỹ thuật, đường xá, điện nước, đến các toà nhà lớn như bệnh viện, đại học, nhà cao tầng... Chúng ta đã trực tiếp tổ chức mua vật tư và đã cố gắng cao nhất thi công xây dựng để giảm giá thành và nâng cao chất lượng công trình.

Since 2008, we have developed highly skilled engineers and workers to ensure direct management of large and small construction projects, including technical infrastructure, roads, electricity and water, large buildings such as hospitals, universities, high-rise buildings ... We have directly purchased materials



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MESSAGE FROM THE CHAIRWOMAN

and strived the best to reduce costs and improve the quality of work completed.

- (ii) Chúng ta đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trạm trộn bê tông 1.500 m³/ngày từ năm 2014 đảm bảo thực hiện cung cấp bê tông cho các công trình của chúng ta vừa nhanh vừa giảm giá thành xây dựng.

We completed and put into use a concrete mixing plant of 1,500 m³ per day in 2014 to ensure the immediate supply of concrete for our works, and at the same time to reduce construction costs.

- (iii) Chúng ta đã có đội cơ khí lành nghề đảm bảo có thể thực hiện các công tác làm sắt, làm các sản phẩm phục vụ thi công nhà xưởng, đường xá và sản xuất các thiết bị trường học...

We have highly skilled mechanical workers who can carry out steel works and create products serving the construction of factories, roads and production of school equipment, etc...

- (iv) Chúng ta đã trang bị được một đội cơ giới có thể tự tổ chức đào, cuốc, san lấp mặt bằng kéo giá thành xuống thấp hơn thuê ngoài 50%.

We have a well equipped mechanical team to handle excavation, filling and leveling of sites, which help reduce 50% of the cost in comparison to using external contractors.

4. Các hoạt động đầu tư vào phát triển cung cấp dịch vụ tiện ích hoạt động khả quan làm nền tảng tạo giá trị gia tăng lớn cho công ty.

Investments towards development and provision of utility services satisfactorily operated lay the basis for creating add-on value to the company.

- (i) Tên tuổi của Đại học Tân Tạo với 06 Khoa gồm Khoa Y, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Khoa Công nghệ sinh học, Khoa Kỹ thuật, Khoa Ngôn ngữ và Nhân văn và Trường THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo đang ngày càng được khẳng định và đang theo đuổi kiểm định của Hoa Kỳ sẽ mở ra tiềm năng lớn cho chúng ta trong việc phát triển Thành Phố Tri thức Tân Đức trong tương lai gần.

Tan Tao University with its six Schools including School of Medicine, School of Economics and Business Administration, School of Bio-technology, School of Engineering, School of Humanities & Languages, and (Tan Tao Talented High School) is increasingly gaining recognition and on the path to achieving the US Accreditation, which has a great potential for us in the development of Tan Duc Knowledge City in the near future.

- (ii) Công ty phát triển gạo sạch ITARICE với một số thương hiệu gạo bắt đầu được thị trường đánh giá cao, thương hiệu gạo Nàng Yến đã đạt giải thưởng "TOP 10 Sản Phẩm và Dịch Vụ Tốt Cho Gia Đình và Trẻ Em 2014", "TOP 10 Thương Hiệu Nổi Tiếng ĐBSCL 2014", "Top 10 thương hiệu mạnh Việt Nam". Đặc biệt, ITARICE đã được Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp Trung tâm kiểm định chất lượng châu Á (ANQ) trao tặng Bằng khen & Cúp vàng Thương hiệu Xuất sắc Asean 2014. Và trong cuộc khảo sát 100 thương hiệu xuất sắc và nhà cung cấp uy tín ASEAN của VCCI tổ chức từ tháng 2-5/2015, ITA RICE đạt giải thưởng 'TOP 10 sản phẩm uy tín và thương hiệu mạnh phát triển bền vững ASEAN'

The Company has developed organic rice products with highly recognized brands on the market. The Nàng Yến branded rice won the "TOP 10 Products and Services for Family and Children Award for 2014", "TOP 10 Famous Brands in Mekong Delta region Award for 2014", and "Top 10 Vietnam Excellent Brands

Award". Especially, ITARICE was granted the Certificate of Merit and Golden Award for ASEAN Excellent Brand 2014 by the Vietnam Industry and Trade Information Centre of Ministry of Industry and Trade in association with the Asian Network for Quality (ANQ). In the survey of 100 excellent brands and prestigious suppliers in the ASEAN region conducted by the VCCI from February to May 2015, ITARice won the "TOP 10 Prestigious Products and Strong and Sustainable Brands of ASEAN".

Chúng ta có thể tự hào rằng: Thương hiệu gạo sạch của chúng ta đạt 61 tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính Nhật Bản và Hoa Kỳ. Trong năm, nhà máy sấy và xay xát của Itarice đã đi vào hoạt động, đã đạt được chứng nhận an toàn thực phẩm Quốc tế. Trước mắt, chúng ta tập trung phát triển thị trường trong nước vừa góp phần định hướng thói quen tiêu dùng các sản phẩm sạch vừa mang ý nghĩa rất nhân văn góp phần chống lại gạo bẩn, gạo giả Trung Quốc để bảo vệ giống nòi Việt Nam thông minh, khoẻ mạnh.

We are proud that our organic rice brands have met 61 export standards of the most stringent markets, especially Japan and the United States. During the year, ITARice's drying and milling plant was put into operation, and met international certification of food safety. In the initial stage, we focus, on the development of the domestic market and contribute to the orientation of our consumers on the use of organic products, spreading as much the message of human culture as the contribution to go against tainted rice from China in order to protect the intelligent and healthy Vietnamese population.

- (iii) Các hoạt động cung cấp dịch vụ tiện ích hoạt động khả quan, trong đó hoạt động dịch vụ cung cấp điện, nước, suất ăn công nghiệp và nhà trẻ mẫu giáo cho thấy tiềm năng khai thác lớn.

Provision of well managed and expanded utility services, including prime utilities such as electricity, water, food processing industry and kindergarten demonstrated a large potential to develop.

Dựa trên các kết quả đạt được, căn cứ vào sự đánh giá tình hình thực tế của doanh nghiệp, cùng với việc dự đoán xu thế phát triển nền kinh tế Việt Nam cho phép HĐQT và Ban Tổng giám đốc thống nhất đề ra nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 như sau:

Based on the achieved results and assessment of the actual situation of businesses along with the forecast of Vietnam's development trend, the Board of Management and the Board of Directors have agreed to set out the missions and plans for 2015 as follows:

1. **Khu CN Tân Tạo.** Hầu như đã cho thuê hết và giá cho thuê cao, do vậy HĐQT chủ trương từ năm 2015 sẽ tập trung vào đẩy mạnh kinh doanh các loại hình dịch vụ tiện ích, cụ thể:

Tan Tao Industrial Park. Most of the land has been leased at a high rent, therefore, the Board of Management will focus on expanding utility services, specifically as follows:

- (a) Tiếp tục mở rộng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp và các sản phẩm chế biến từ gạo sạch;
- To continue to improve and expand the provision of food processing industry and products derived from organic rice;*

- (b) Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cho thuê căn hộ và hoạt động nhà trẻ mẫu giáo hiện có;
- To strongly push forward business activities on leasing of apartments and operation of the existing kindergartens;*



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MESSAGE FROM THE CHAIRWOMAN

- (c) Khẩn trương thực hiện các thủ tục pháp lý để xây dựng trường chất lượng cao từ mẫu giáo đến cấp ba. Đây là một hướng đi tiềm năng khai thác lợi thế của khu công nghiệp Tân Tạo rất sầm uất và nhu cầu giáo dục chất lượng cao trong giáo dục phổ thông tăng nhanh. Đây là loại hình đặc thù và chúng ta có lợi thế rất lớn từ việc đã có kinh nghiệm triển khai thành công trường Năng Khiếu Cấp 3 Tân Tạo và Đại học Tân Tạo.

To promptly implement legal procedures to build high-quality schools from Kindergarten to High school. It is a potential direction to take advantage of the bustling Tan Tao Industrial Park and the rapidly increasing demand for high quality education up to high school level. It is a distinct model and we have a great advantage that we have the experience through the development of Tan Tao Talented High School and Tan Tao University.

2. Khu Công Nghiệp Tân Đức. Tan Duc Industrial Park.

- (a) Với lợi thế là một khu công nghiệp xanh – sạch đẹp nhất của cả nước nằm trong quần thể Đại học Tân Tạo, Khu đô thị tri thức E. City mới Tân Đức đang được hình thành và với giá thành hợp lý tương xứng với chất lượng sản phẩm cao cấp chúng ta sẽ tập trung thu hút những nhà đầu tư lớn và tiềm năng.

Considering that we have the advantage of being the cleanest and greenest, eco-friendly industrial park in the country which is strategically located in Tan Tao University complex, Tan Duc Knowledge E.City is increasingly growing and with a reasonable price corresponding to high quality products and services, we will focus on attracting large potential investors.

- (b) Đưa Bệnh viện Tân Tạo vào khai thác. Với lợi thế đã có một đội ngũ y bác sĩ tâm huyết và các nhà khoa học có tiếng và có tâm huyết, chúng ta sẽ tạo một sự khác biệt trong việc khai thác và phát triển bệnh viện Tân Tạo. Hoạt động này sẽ mang lại giá trị gia tăng cho Quần thể Khu Công nghiệp và Thành Phố tri thức Tân Đức với trái tim là Đại học Tân Tạo sẽ thu hút riêng các bệnh nhân cho các ngành chuyên biệt mà chúng ta có thể mạnh là: Chữa vô sinh, cột sống và tế bào gốc.

To put Tan Tao Hospital into operation. With the advantage of having highly dedicated physicians and renowned scientists, we will make a difference in its full use and by making sure of the fast the development of Tan Tao hospital. It will surely bring add-on value to the Tan Duc Knowledge City and Industrial Complex, of which Tan Tao University is the heart. We will admit patients in specialized fields such as infertility treatment, spinal treatment and stem cell treatment.

3. Tiếp tục cùng Đại học Tân Tạo và Itarice tham gia đầu tư vào lĩnh vực sản xuất gạo sạch và nghiên cứu các sản phẩm sạch có giá trị dinh dưỡng cao.

To continue with Tan Tao University and ITARICE to invest in organic rice production and research of organic products with high nutritional value.

4. Công tác nhân sự: Đây là năm đầu tiên Sinh viên Đại học Tân Tạo tốt nghiệp khoá đầu tiên, chúng ta sẽ chọn lọc những em nhiệt huyết và xuất sắc nhất một số sẽ được cấp học bổng gửi đi nước ngoài đào tạo Thạc sĩ trong khi TTU chưa được phép đào tạo ngành Thạc sĩ, một số sẽ được tuyển dụng đào tạo cho nhân sự 5-10 năm trước mắt.

Human resources: This year, Tan Tao University will have its very first graduates and we will select the most enthusiastic and excellent students to be granted scholarships to pursue Master's degrees overseas. Since TTU has not yet obtained permission to offer Master's degrees, some further graduates will be recruited for the Company during the next 5-10 years.

Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư, Năm 2015 Hội đồng quản trị xác định sẽ là năm bản lề, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các nền tảng để công ty thật sự tạo những bước nhảy vọt từ sau năm 2016 như khẩu hiệu đặt ra "Đón đầu cơ hội, tiến vào tương lai".

Lastly, to our shareholders and investors, we are determined to make 2015 as a year of better transition by the Board of Management. The Company will continue to build and lay the foundation to leap forward after 2016 and we will aspire to adhere to our slogan "Seize every opportunity, move forward to the future."

Rất mong sự ủng hộ của các cổ đông trung thành tiếp tục cùng chúng tôi đi tiếp trên con đường với mục tiêu phát triển bền vững và sẽ sớm có ngày được hưởng thành quả hoa thơm trái ngọt.

We look forward to receiving the support of loyal shareholders on the path to reach our objective of sustainable development so as to reach our fruitful achievements.

Kính chúc sức khoẻ đại hội và Quý cổ đông cùng nhà đầu tư. Chúc cho ITA thành công không phụ lòng tin yêu của Quý cổ đông!

Best wishes to the General Shareholders' Meeting, shareholders and investors. Wish Tan Tao Group great success to deserve the confidence of shareholders!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairwoman of the Board of Management

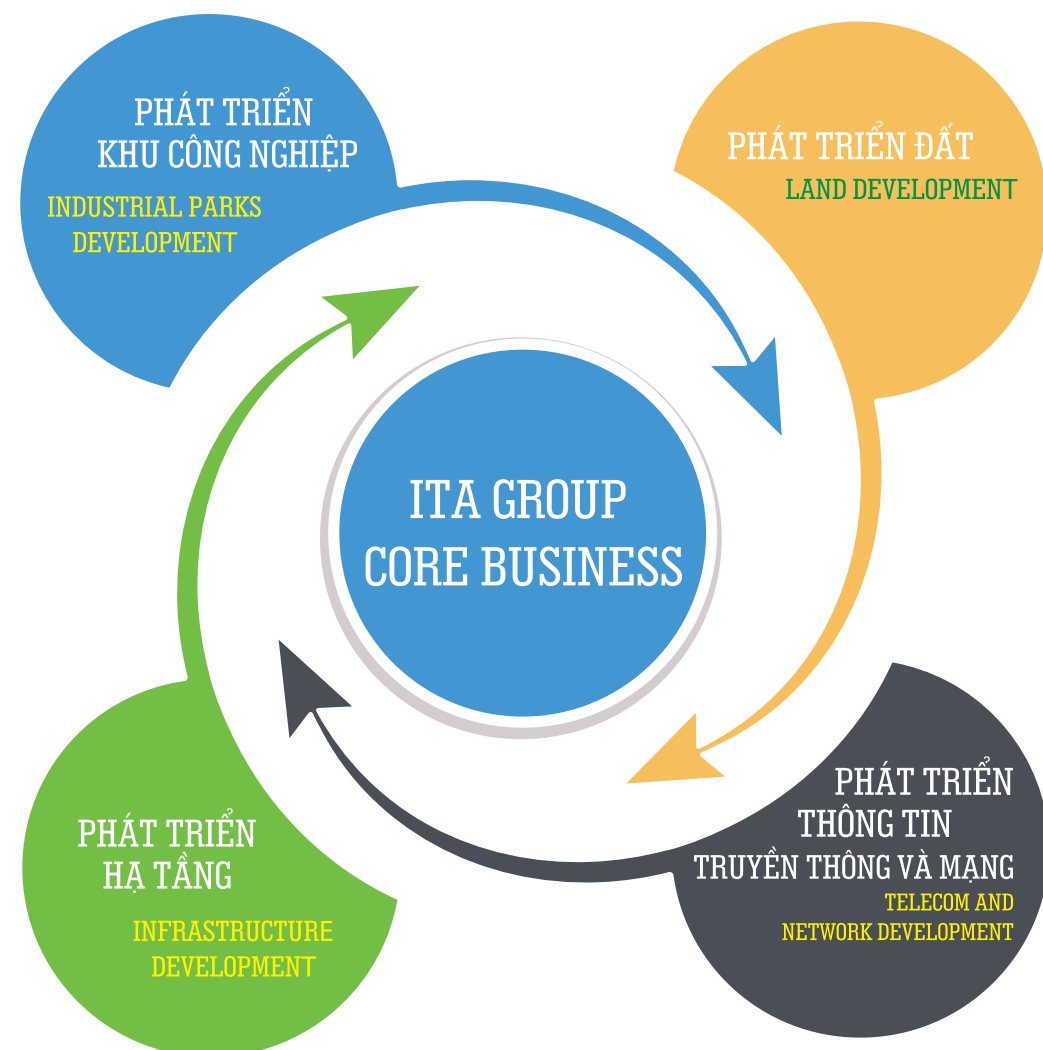


ĐANG THỊ HOÀNG YẾN

TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN TÂN TẠO

OVERVIEW OF TAN TAO GROUP





TRIẾT LÝ KINH DOANH
BUSINESS PHILOSOPHY

THÀNH CÔNG
CỦA CÁC BẠN LÀ
THÀNH CÔNG
CỦA CHÚNG TÔI

Your Success Is Our Success

MISSION

*To Be A Leading Pioneer
In Industrial Park, En-
ergy & Infrastructure
Development whilst
helping to provide a
better future for the
citizens of Vietnam.*

DỰ ÁN CỦA TẬP ĐOÀN TÂN TẠO
TAN TAO GROUP'S PROJECTS





NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG CỦA TẬP ĐOÀN TÂN TẠO

KEY MILESTONES OF TAN TAO GROUP

2014

- Ngày 7/ 3/ 2014, Bộ Công thương đã có Văn bản số 230/TCNL-BOT thông báo ý kiến của Văn phòng Chính phủ đồng ý cho Tân Tạo chuyển hình thức đầu tư Dự án Kiên Lương 1 từ BOO sang BOT.

On March 7, Ministry of Industry and Trade issued Document No. 230/TCNL-BOT notifying the decision of the Government Office approving Tan Tao Energy Corporation to change investment form of Kien Luong 1 project from BOO to BOT.

- Ngày 27/4/2014, lễ trao giải thưởng “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh” được sự chỉ đạo và bảo trợ của Ban Tuyên giáo TW đã long trọng diễn ra tại Nhà hát lớn Hà Nội. Bà Đặng Thị Hoàng Yến, Chủ tịch Trường Đại học Tân Tạo và Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo đã được vinh danh là “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh”.

On April 27, 2014, the "Outstanding Leaders in Ho Chi Minh Era" award ceremony under the direction and sponsorship of the Central Popularization Committee was held at the Hanoi Opera House. Mme. Dang Thi Hoang Yen, Chairwoman of Tan Tao University and Tan Tao Group was presented the "Outstanding Leader in Ho Chi Minh Era" Award.

- Ngày 20/12/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công Nghiệp Tân Tạo đã vinh dự đón nhận biểu trưng Chỉ số tín nhiệm Doanh nghiệp Phát triển Bền vững 2014 tại ‘Hội nghị công bố chỉ số tín nhiệm và trao chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp phát triển bền vững 2014’ do Viện Doanh Nghiệp Việt Nam, phối hợp Bộ Công Thương tổ chức.

On December 20, 2014, the Trusted and Sustainable Index 2014 award ceremony was held by the Vietnam Enterprise Institute and by Ministry of Industry and Trade at the T-78 Convention Center – Central Office (Politburo), Ho Chi Minh City. Ms. Nguyen Thi Ngoc Trang, Vice Chief of Southern Mission Agency of Ministry of Industry and Trade granted the Trusted Brand Award to ITACO represented by Mr. Thai Van Men, COO of ITACO.

2013

- Đại học Tân Tạo được cấp giấy phép đào tạo ngành Bác sĩ Y khoa và Công nghệ sinh học / Tan Tao University obtained approval of offering Doctor of Medicine and Biotechnology programs.

- Chính thức đưa các sản phẩm gạo sạch mang nhãn hiệu nàng Yến, nếp sạch Vua Liêu ra thị trường / Launch of Nang Yen and Vua Lieu hygienic rice brands on the market.

- Chủ tịch Đặng Thị Hoàng Yến được trao Danh hiệu Trí thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận kinh tế xã hội 2013 / Chairwoman Dang Thi Hoang Yen was honored Top 100 Vietnamese Intellectuals of 2013 for significant achievements on economic and social fronts.

2012

- Phối hợp với Đại học Tân Tạo thực hiện thành công thí điểm mô hình trồng gạo sạch đạt tiêu chuẩn Global G.A.P. / Collaboration with Tan Tao University successfully conducted a pilot hygienic rice production model in accordance with the Global G.A.P Certification.

- Đã vượt qua mọi khủng hoảng, trong khi hàng trăm doanh nghiệp phải đóng cửa, nhiều doanh nghiệp bị thâu tóm, Tập đoàn Tân Tạo đã vững vàng vượt qua sóng gió, tiếp tục kinh doanh có lãi và khẳng định bản lĩnh của mình trên thương trường và thực sự là một trong những cánh chim đầu đàn của doanh nghiệp ngoài quốc doanh / Overcoming the recession period when hundreds of companies went into bankruptcy and others acquired, Tan Tao Group stayed firm to overcome storms to continue to make profits and confirmed its high standing on the market as a lead bird of non-state companies.

2011

- Là một trong 9 công ty hàng đầu Việt Nam được lựa chọn tính chỉ số Russell Vietnam Index / One of nine leading Vietnamese companies included into the Russell Vietnam Index.

- Là một trong 10 công ty Việt Nam có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất được lựa chọn tính chỉ số S&P Vietnam 10 Index / One of 10 Vietnamese Companies with the largest market capitalization and highest liquidity included into S&P Vietnam 10 Index.

- Đứng thứ 35 trong số 200 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam đóng góp thuế thu nhập lớn nhất / Ranking 35th among Vietnam's Top 200 Private Companies with highest income corporate tax contribution.

2009

- Lễ khởi công Đại học Tân Tạo / Ground breaking ceremony of Tan Tao University.

- Khởi công xây dựng hạ tầng cho Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương có công suất 4,400 MW / Launch of Infrastructure Construction for the 4,400 MW Kien Luong Thermal Power Complex.

- Lễ khởi công nhà máy thủy điện DakMi 1 / Ground breaking ceremony for DakMi 1 Hydro Power Plant.

- Khởi công xây dựng Tân Đức Plaza và Tân Tạo Plaza cung cấp nhà ở cho công nhân / Launch of construction of Tan Duc Plaza and Tan Tao Plaza to provide housing for workers.

- Đón nhận Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng / Receiving the Third-class Labor Medal of the Government awarded by the State President.

2007

- Giải thưởng Siêu sao kinh doanh cho kết quả kinh doanh xuất sắc và đóng góp cho cộng đồng do Quốc hội Việt Nam trao tặng / Business Super Stars Cup in recognition of our scale of business operations and contribution to the community by Vietnam National Assembly.

- Được vinh danh 100 doanh nghiệp thành công và sáng tạo hàng đầu Việt Nam do VCCI và VTV trao tặng / Top 100 Successful & Innovative Companies granted by VCCI and Vietnam Television.

- Hoàn thành xây dựng Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1 / Completion of construction works within Tan Duc Industrial Park – Phase One.

- Lễ ra mắt 3 quỹ từ thiện của Tập đoàn tại Hà Nội: (i) Quỹ ITA vì tương lai, (ii) Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật; và (iii) Quỹ ITA hàn gắn vết thương / Launch of three charitable foundations in Hanoi: (i) ITA Scholarship; (ii) ITA Medical Aid; and (iii) ITA Veterans Assistance.

- Lễ khởi công Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1 và Tân Đức E.City / Ground breaking ceremony for Tan Duc Industrial Park – Stage Two and Tan Duc E.City.

2006

- Là công ty phát triển khu công nghiệp đầu tiên được niêm yết trên sàn chứng khoán Tp. HCM vào ngày 15 tháng 11 năm 2006 / The first industrial park developer listed on the HOSE on November 15, 2006.

- Khởi công Khu công nghiệp Nhơn Hội / Launch of Nhon Hoi Industrial Park.

- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 2 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 / The Second-Class Labor Medal granted by the State President for excellent achievements during the 2001-2005 period.



NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG CỦA TẬP ĐOÀN TÂN TẠO

KEY MILESTONES OF TAN TAO GROUP

2005

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1.
Launch of Tan Duc Industrial Park - Phrase One.

2003

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Tạo – Giai đoạn 2 / *Launch of Tan Tao Industrial Park - Phase Two.*
- Giấy chứng nhận kiểm soát môi trường ISO 14001:1996 và 14001:2004 / *Environmental Control Certificate ISO 14001:1996 and updated version 14001:2004.*

2001

- Được Chủ Tịch Nước tặng Huân chương Lao động Hạng III / *The Third-Class Labor Medal Award granted by the State President*
- Khởi công Khu công nghiệp Nhơn Trạch / *Launch of Nhon Trach Industrial Park.*
- Giấy chứng nhận kiểm soát chất lượng ISO 9001:2000 / *Quality Control Certificate ISO 9001:2000.*

1997

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Tạo – Giai đoạn 1.
Launch of Tan Tao Industrial Park - Phase One.

1996

- Doanh nghiệp tư nhân đầu tiên của Việt Nam được cấp đất phát triển Khu công nghiệp.
The first private sector to be granted land for IP development in Vietnam.



Chủ tịch tập đoàn Tân Tạo nhận giải thưởng Ngôi Sao Kinh Doanh 2007

Tan Tao Group's Chairwoman received Super Star Award in 2007



Cổ phiếu ITA niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE

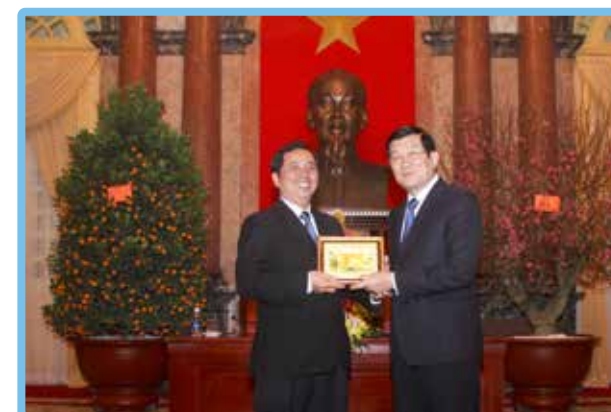
Listed on the HOSE



Lễ động thổ KCN Tân Tạo / *Ground-breaking ceremony for Tan Tao IP*



Bà Trương Mỹ Hoa phó chủ tịch nước tham dự lễ kỷ niệm 10 năm thành lập KCN Tân Tạo / *HE Trương My Hoa - Vice President attended 10 years Anniversary Tan Tao IP*



TGĐ Thái Văn Mẫn cùng đoàn DN Việt Nam tiếp kiến Chủ tịch nước tại Phủ chủ tịch / *Mr. Thai Van Men, COO of TTG, and delegation of Vietnamese Entrepreneurs met the President at the Presidency Palace*





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & CN TÂN TẠO

ITACO ORGANIZATIONAL CHART

★ HĐQT / BOARD OF MANAGEMENT 2014 - 2015 ★



Mme. Đặng Thị Hoàng Yến
Chủ Tịch HĐQT
Chairwoman



Nguyễn Thị Lại
Ủy viên HĐQT
Member



Nguyễn Thanh Phong
Ủy viên HĐQT Độc lập
Independent Member



Trần Đình Hưng
Ủy viên HĐQT
Member



Huỳnh Hồ
Ủy viên HĐQT
Member



Nguyễn Tuấn Minh
Ủy viên HĐQT
Member

★ BAN KIỂM SOÁT / SUPERVISORY BOARD ★



Lê Thị Phương Chi
Ủy viên BKS
Member



Đỗ Tuấn Cường
Trưởng BKS
Head of SB



Võ Tấn Phong
Ủy viên BKS
Member

★ BAN ĐIỀU HÀNH / BOARD OF DIRECTORS ★



Trần Đình Hưng
P.TGĐ Tài Chính
CFO



Thái Văn Mến
Tổng Giám Đốc Điều Hành
COO



Nguyễn Thị Lại
GĐ HCNS & ĐN
**Admin-HR-External
Affair Director**



Phạm Thanh Thêm
Kế Toán Trưởng
Chief Accountant



Đỗ Tuấn Cường
TGĐ Công Ty ItaTrans
C.E.O ItaTrans



Phạm Mạnh Tiến
PGĐ NC & PT
R&D D. Director



Huỳnh Thị Mỹ Linh
GĐ Kinh Doanh
Sales Director



Brent Beachler
PGĐ KD QT
Int'l Sales D. Director



Phạm Phan Quốc Bảo
GĐ Kỹ Thuật & Môi Trường
**Technology & Environment
Director**



Huỳnh T. Ngọc Diệp
PGĐ Kinh Doanh
Sales D. Director



Trần Minh Hương
PGĐ VP HN
D. Director HN Office



TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN & KINH NGHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

EXPERTISE AND EXPERIENCE OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT



BÀ ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

CHỦ TỊCH HĐQT
*Mdm Dang Thi Hoang Yen,
chairwoman of the Board of
Management*

Bà Đặng Thị Hoàng Yến là Sáng lập viên và là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Tân Tạo, Chủ tịch của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ, Thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh Ủy ban Kinh tế Xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương (ESCAP), thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN-BAC), thành viên của Chương trình nghị sự toàn cầu Khu vực Đông Nam Á của Diễn đàn kinh tế thế giới.

Mme. Dang Thi Hoang Yen is founder and current President of Tan Tao University, Chair of the Vietnam-US Business Forum, Member of ESCAP Business Advisory Council, Member of ASEAN Business Advisory Council, and Member of World Economic Forum's Global Agenda Council on Southeast Asia.

Bà Đặng Thị Hoàng Yến tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tốt nghiệp, bà công tác tại cơ quan Nhà nước 13 năm. Năm 1993, bà quyết định tạo dựng con đường đi cho riêng mình khi thành lập Công ty TNHH Hoàng Yến, tiền thân của Tập đoàn Tân Tạo ngày nay. Tập đoàn Tân Tạo đã phát triển trở thành doanh nghiệp phát triển hạ tầng và khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam

và tạo ra hàng trăm ngàn việc làm trong nước. Hiện nay Tập đoàn Tân Tạo có 21 công ty con hoạt động trên nhiều lĩnh vực như phát triển hạ tầng, xây dựng, năng lượng và truyền thông.

Mme. Yen graduated from the Ho Chi Minh City University of Economics after which time she worked for the Vietnamese Government for 13 years before moving on to create her first company in 1993. This company, known as The Tan Tao Group, eventually became the leading industrial park and infrastructure developer in Vietnam. The Tan Tao Group has created hundreds of thousands jobs across Vietnam while providing a solid platform for the country's rapid economic progress. The Tan Tao Group has 21 subsidiaries across multiple sectors of industry, including land development, construction and media broadcasting.

Công ty Cổ phần đầu tư và công nghiệp Tân Tạo - ITACO, công ty con thuộc Tập đoàn Tân Tạo, đã trở thành một trong 9 cổ phiếu blue-chip được chọn gia nhập chỉ số chứng khoán Russell Global Index và là 1 trong 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn và tính thanh khoản tốt nhất Việt Nam hiện nay được lựa chọn tính toán trong chỉ số S&P Vietnam 10 Index. Theo bảng xếp hạng 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011 được Công ty Vietnam Report phối hợp với báo VietNamNet và tạp chí Thuế công bố, Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo xếp thứ 129 và xếp thứ 35 trong danh sách 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập lớn nhất 2011.

ITACO, the publicly listed subsidiary of Tan Tao Group, promptly became one of nine blue-chip stocks to be established as part of the Global nRussell Vietnam Index 10 and the Standard & Poor's Vietnam 10 Index. According to the 2011 ranking of Vietnam's top 1000 companies with the highest corporate income tax contribution conducted by the Vietnam Report Company in coordination with VietnamNet and Tax magazine of the General Department of Taxation, ITACO is ranked 129th and 35th among Vietnam's top 200 private companies with the highest corporate income tax contribution.

Năm 2002, Bà sang Hoa Kỳ để bắt đầu công việc kinh doanh của mình tại đây. Bà đã thành lập Công ty TNHH US Southern Homes, hoạt động trong lĩnh vực phát triển nhà và Công ty Cổ phần US Southern hoạt động trong lĩnh vực phát triển đất đai.

In 2002, Mme. Yen travelled to the United States in order to develop her business in real estate. At that time, she founded US Southern Homes LP in residential development and US Southern Corporation in land development.

Năm 2007, Tập đoàn Tân Tạo đã thành lập Quỹ ITA vì tương lai, Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật, Quỹ ITA hàn gắn vết thương nhằm hỗ trợ việc học, y tế và vật chất cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, hàng ngàn học bổng của Tập đoàn được trao tặng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc trên khắp cả nước. Ngoài ra, bà đã tài trợ và sáng lập Trường Đại học Tân Tạo, trường đại học được xây dựng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ giúp sinh viên có cơ hội học năm thứ ba tại Hoa Kỳ. Sinh viên tốt nghiệp của trường sẽ có thể theo học sau đại học tại các trường đại học trên toàn thế giới.

In 2007, Mme. Dang returned to Vietnam and founded ITA Scholarship, ITA Medical Aid and ITA Veterans Assistance for the purpose of providing education, medical support and financial assistance to the needy of Vietnam. Annually, thousands of these scholarships are awarded to outstanding students nationwide. Simultaneously, she donated and founded Tan Tao University (TTU), the country's first Vietnamese-American University, whose accreditation according to US Education standards, will help facilitate qualified students to spend the duration of their third year studying in the US as part of an exchange program. Graduates from TTU will likewise qualify to matriculate in international post-graduate programs.

Bà Đặng Thị Hoàng Yến đã được nhận nhiều giải thưởng và bằng khen như Giải thưởng nhân văn 2011 của Ủy ban hữu nghị thành phố San Francisco và Tp. Hồ Chí Minh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2009), Giải thưởng Bông hồng vàng (2008), Giải thưởng Doanh nhân tiêu biểu (2006, 2007), Giải thưởng siêu sao kinh doanh, Bằng khen của UBND tỉnh Long An (2007, 2008, 2009), Bằng khen của UBND Tp. Hồ Chí Minh (2006, 2007), được đề cử vào danh sách "100 gương mặt tri thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận kinh tế 2012", được trao giải "100 gương mặt tri thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận Kinh tế - Xã hội 2013" ...

Mme. Yen Dang has been awarded numerous prestigious prizes and merits including: Humanitarian Award 2011 by San Francisco - Ho Chi Minh City Sister City Committee, the Prime Minister Certificate of Merit (2009), Golden Rose Award (2008), Outstanding Entrepreneur Award (2006, 2007), Business Super Star Awards (2007), Long An Province People Committee's Certificate of Merit (2007, 2008, 2009), Ho Chi Minh City People Committee's Certificate of Merit (2006, 2007), nominate list of "Top 100 Vietnamese Intellectuals Awards 2012 for significant achievements in economics & social fronts" and "Top 100 Vietnamese Intellectuals Awards 2013 for significant achievements in economics & social fronts", among others.



ÔNG NGUYỄN THANH PHONG

Ông Nguyễn Thanh Phong, 39 tuổi, là thành viên HĐQT từ năm 2006. Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc và công nghệ thông tin. Ông là Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần đầu tư – tin học & tư vấn xây dựng Phương Nam và phụ trách quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Từ tháng 11 năm 2001 đến nay, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau tại công ty Phương Nam như kỹ sư, Phó Giám đốc, phó Tổng giám đốc. Ông tốt nghiệp ĐH Bách khoa năm 1999 và thạc sỹ quản trị kinh doanh năm 2005 tại trường ĐH Bách Khoa Tp Hồ Chí Minh.

Mr. Nguyen Thanh Phong, 39 years old, is a member of the Board of Management since 2006. He has more than fifteen years solid experience in the field of IT, Engineering and Architecture. He is also the President of SEI where he is in-charge of the overall management of the technical operation of the company.

From November 2001 up to present, he has held various positions at SEI including Engineer, Deputy Director and currently Vice President. Mr. Phong graduated with a Bachelor's Degree in Engineering and a Master's Degree in Business Administration from the Ho Chi Minh City University of Polytechnics in June 2003 and June 2005, respectively



ÔNG NGUYỄN TUẤN MINH

Ông Nguyễn Tuấn Minh, 47 tuổi, là thành viên của HĐQT từ tháng 2 năm 2008, hiện nay ông là thành viên độc lập. Ông làm việc tại công ty từ năm 2002 và giữ chức Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển (Ban R&D) và giám sát và quản lý các dự án phát triển đất. Từ tháng 5 năm 2003 đến tháng 6 năm 2007, ông là Phó tổng Giám đốc Tadico, rồi Tổng Giám Đốc, phụ trách quản lý và phát triển các dự án của TADICO. Từ tháng 9/2013 đến nay ông là Tổng Giám Đốc Công ty Phát triển gạo sạch ITARICE. Ông Nguyễn Tuấn Minh tốt nghiệp ngành kinh tế trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh Solvay vào tháng 8 năm 2005 và tốt nghiệp Tiến sỹ kinh tế ngành Phát triển thành phố công nghiệp của Việt nam tại Phillipine 12/2013.

Mr. Nguyen Tuan Minh, 47 years old, has been a member of our Board of Management since February 2008 and is currently the Independent Member of Board of Management. Mr. Minh joined our Company in 2002 as a

Director of Research and Development Division (R&D Division). His responsibilities have included overseeing and managing the development of our land project developments. From May 2003 to June 2007, he was Vice President of Tadico, where he was in charge of the management and development of TADICO's projects. Mr. Minh graduated from the Ho Chi Minh University of Economics with a Bachelor's Degree of Arts in Economics in June 1989. He also holds a Master's Degree in Business Administration, which he obtained from the Solvay Business School in August 2005, and a Ph.D. in Industrial City Development from The Philippines, in December 2013.



BÀ NGUYỄN THỊ LÀI

Bà Nguyễn Thị Lại, 43 tuổi, là thành viên HĐQT từ tháng 04 năm 2013. Bà làm việc tại Tập đoàn Tân Tạo từ năm 2010 và trải qua nhiều vị trí trong các Công ty của Tập đoàn, như nhân viên kinh doanh, Phó Giám đốc Hành chính trường Đại học Tân Tạo, Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự tại Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo. Từ tháng 11 năm 2012 bà giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ kinh doanh Văn Phòng Nhà xưởng Tân Tạo. Bà Nguyễn Thị Lại tốt nghiệp cử nhân Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ Sinh học – Di truyền (Master in Biology and Genetics).

Mrs. Nguyen Thi Lai, 43 years old, has been a member of our Board of Management since April 2013. She has worked for The Tan Tao Group since 2010 and handled numerous positions. Among them are; Sales staff of Vietnam Broadcasting Corporation, Deputy Director of Personnel Administration of Tan Tao University, and Director of Personnel Administration at Tan Tao Investment and Industry Corporation.

From November 2012, she became the Director of Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Corporation. Mrs. Lai holds a Bachelor's Degree in Business Administration and a Master's in Biology and Genetics.



ÔNG TRẦN ĐÌNH HƯNG

Ông Trần Đình Hưng, 36 tuổi, hiện đang là Tổng Giám đốc của TADICO. Ông Trần Đình Hưng tốt nghiệp đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán năm 2001. Năm 2005, ông nhận bằng Thạc sỹ Kế toán – Tài chính của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Đình Hưng đã có hơn 13 năm kinh nghiệm đảm nhận chức vụ Kế Toán Trưởng, Giám đốc Tài chính của Công ty TASERCO và ITACO và Phó tổng Giám đốc của Western Bank.

Mr. Tran Dinh Hung, 36 years old, is currently General Director of TADICO. He graduated from the University of Economics – Ho Chi Minh City with a Bachelor's Degree in Accounting and Auditing in 2001. He also holds a Master's Degree in Accounting and Finance, which he obtained from the same university in 2005. Mr. Hung has more than 13 years solid experience in the field of accounting and he holds the position of Chief Accountant, Deputy Director of Finance at TASERCO and ITACO, and the Deputy General Director of Western Bank.



ÔNG HUỖNH HỒ

Ông Huỳnh Hồ tốt nghiệp Đại học Sư phạm; học cao học chuyên ngành Toán học; Trung - Cao cấp quản lý nhà nước; Cao cấp chính trị. Sau đó, ông nhận bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục và là Chuyên viên cao cấp của Việt Nam.

Thạc sĩ Huỳnh Hồ đã có 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo từ năm 1972, đặc biệt là trong quản lý giáo dục cấp trường và cấp tỉnh. Từ năm 1975 đến 2008, ông được bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong lĩnh vực quản lý giáo dục ở nhiều đơn vị, như: Hiệu trưởng trường Trung học Phước Hiệp, Củ Chi, tỉnh Gia Định (1975), Phó Hiệu trưởng trường Trung Học Vững Liêm, tỉnh Vĩnh Long (8/1975-1977), Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Càng Long,

tỉnh Cửu Long (8/1977-1990), Trưởng Phòng Chuyên môn - Nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cửu Long (1990-1992), Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh (1992-1996), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh (1996-2008). Tháng 4/2008, Ban thường vụ tỉnh ủy Trà Vinh quyết định bổ nhiệm Ông làm Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trong 3 tháng trước khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm giữ chức Phó Hiệu trưởng trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh (8/2008 đến 4/2011).

Trong quá trình công tác, ông Huỳnh Hồ đã nhận được rất nhiều bằng khen từ các cấp về những thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của Việt Nam; nhiều năm liền đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua" cấp cơ sở và cấp tỉnh. Ông cũng đã được các Bộ, Ngành trung ương trao tặng 12 huy chương vì sự nghiệp các loại. Năm 1990, ông được Hội đồng nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu "Nhà Giáo Ưu Tú". Ông Huỳnh Hồ hiện nay giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Đại học Tân Tạo và Hiệu trưởng trường PTTH Năng khiếu Đại học Tân Tạo

Mr. Huynh Ho graduated from the University of Pedagogy, Major in Mathematics. He later obtained a Master's Degree in Educational Administration. He is considered by many as a Senior Executive of Vietnam. Mr. Huynh Ho has had 40 years of service in the education system, especially in the management of local and provincial education. He was appointed as Principal of Phuoc Hiep Middle School, Cu Chi, Gia Dinh (1975). Vice Principal of Vung Liem High School, Vinh Long Province (1975-1977). Principal of Cang Long High School, Cuu Long Province (1977-1990). Head of the Functional Department of the Department of Education and Training of Cuu Long Province (1990-1992). Vice Director of the Department of Education and Training of Tra Vinh Province (1992-1996). Lastly, Director of the Department of Education and Training of Tra Vinh Province (1996-2008). He also served for three months as Deputy of the Department of Propaganda and Training of the Party's Committee of TraVinh Province before moving to Ho Chi Minh City to hold the position of Vice Principal of Ho Chi Minh City Institute of Educational Managers (August 2008 - 2011).

During his career, Mr. Huynh Ho has received many Certificates of Merit from the provincial authorities as well as the Ministry of Education and Training for his achievements and contribution to Vietnam's educational development. He has been awarded the title of "Chiến sĩ thi đua" (Emulation Fighter) for many years. He has also been awarded 12 medals for his numerous achievements throughout his career from various Vietnam's ministries and departments. In 1990, he was awarded the title of "Meritorious Teacher of Vietnam". Currently Mr. Huynh Ho is Tan Tao University's Vice Provost and the Principal of Tan Tao University Talented High School.



* Khu biệt thự Hồ Thiên Nga của Thành phố E.City Tân Đức.
Swan lake villa area in Tan Duc E.City.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

ADMINISTRATION REPORT OF ITACO

TẬP ĐOÀN TÂN TẠO
CÔNG TY CP ĐT & CN TÂN TẠO

TAN TAN GROUP
TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY
CORPORATION
-----★-----

Số/No.: 2701/BC-ITA-15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VIETNAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

-----★-----

TP.HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2015
HCM City, January 27, 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (Năm 2014) ADMINISTRATION REPORT OF ITACO (Year 2014)

(Ban hành theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Issued together with Circular No. 52/2012/TT-BTC dated April 05, 2012 of Ministry of Finance guiding the disclosure of information on securities market)

Kính gửi/To: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
STATE SECURITIES COMMISSION
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

- Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
Name of public company: TAN TAO INVESTMENT AND INDUSTRY CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 16, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM.
Head Office: Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City

- Điện thoại/Telephone: (08) 3750.5171 Fax: (08) 3750.8237

- Vốn điều lệ: 7.190.479.110.000 đồng (Bảy ngàn một trăm chín mươi tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu một trăm mười ngàn đồng)
Chartered Capital: VND 7,190,479,110,000 (Seven thousand one hundred ninety billion four hundred seventy nine million one hundred ten thousand dong)

- Mã chứng khoán: ITA
Stock name

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: OPERATIONS OF THE BOARD OF MANAGEMENT

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Meetings of the Board of Management



STT/ No.	Thành viên HĐQT <i>Members of the Board of Management</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings</i>	Tỷ lệ/ <i>Perce ntage</i> (%)	Ghi chú/ <i>Notes</i>	Lý do không tham dự/ <i>Reason for absence</i>
1	Bà/Mme. Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch/ <i>Chairwoman</i>	11	100		
2	Ông/Mr. Nguyễn Thanh Phong	Thành viên độc lập <i>Independent Member</i>	11	100		
3	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên độc lập <i>Independent Member</i>	11	100		
4	Ông/Mr. Trần Đình Hưng	Thành viên/ <i>Member</i>	11	100		
5	Bà/Ms. Nguyễn Thị Lài	Thành viên/ <i>Member</i>	11	100		

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Inspection of the Board of Management on the Board of Directors

HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung sau:

The Board of Management have regularly carried out inspection of operations of the Board of Directors, managerial staff and other administration activities and coordinate with the Supervisory Board to inspect the following activities:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và HĐQT đã đề ra.
Execution of plans and targets set by the General Shareholders' Meeting 2014 and the Board of Management.
- HĐQT thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ Ban Kiểm soát, cũng như đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực tài chính và nhân sự cho các hoạt động của Công ty.
The Board of Management carry out a regular inspection and supervision through review and evaluation of the information from the Board of Directors, assessment of implementation of business plan and economic targets to timely direct the Board of Directors, managerial staff in line with the demand of financial and human resources for Company's operations.
- HĐQT xem xét giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của các quý trong năm 2014, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
The Board of Management evaluates business operations of quarters in 2014, conduct a regular inspection of implementation and compliance of regulations of the Enterprise Law, Company's Charter and pre-vailing laws.
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc điều hành và

quyết định mức lương của các cán bộ quản lý.

Appointment, dismissal of managerial staff of Company based on the request by the Board of Directors and determination of remuneration for managerial staff;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
Determination of organizational structure of the Company
 - Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải báo cáo tình hình hoạt động mỗi tháng của Công ty cho HĐQT, từng thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, phải báo cáo công việc đã thực hiện trong tuần, tháng và kế hoạch của tháng sau cho HĐQT.
The Board of Directors of the Company shall make a monthly report of the Company' business operation to the Board of Management, each member of the Board of Directors and managerial staff shall report a weekly and monthly work report and plan for next month to the Board of Management.
 - Báo cáo tháng của Ban kiểm soát.
Monthly report of the Supervisory Board
- 3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không có các tiểu ban thuộc HĐQT.
Activities of sub-committees of the Board of Management: *The Company has no sub-committee*

II. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:
RESOLUTIONS OF THE BOARD OF MANAGEMENT

STT/ No.	Số nghị quyết / Biên bản họp <i>Resolution/Minute Number</i>	Ngày/ <i>Date</i>	Nội dung/ <i>Content</i>
1	0201/NQ-HĐQT- ITA-14	02/01/2014	Thông qua phương án phát hành 100 triệu cổ phiếu riêng lẻ để cân trừ công nợ <i>Approval of private stock offering of 100 million shares to offset against debts.</i>
2	01/QĐ-ITACO-14	08/01/2014	Bổ nhiệm Trưởng Văn phòng Đại diện Hà Nội <i>Appoint of Chief Representative of Hanoi Office</i>
3	2602/BBH-HĐQT- ITACO-14	26/02/2014	Cơ cấu khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam <i>Approval of restructuring loans at the Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank</i>
4	2702/BBH-HĐQT- ITACO-14	27/02/2014	Cơ cấu khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam <i>Approval of restructuring loans at the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade</i>
5	1103/NQ-HĐQT- ITA-14	11/03/2014	Đồng ý thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2014 <i>Approval of organization plan for the Annual Shareholders' Meeting 2014</i>
6	2604/NQ-DHĐCĐ- ITA-14	26/04/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 <i>Approval of Resolution of the Annual General Shareholders' Meeting 2014</i>



7	0906/BBH-HĐQT-ITACO-14	09/06/2014	Đề cử Ông Trần Đình Hưng đại diện phần vốn góp Công ty CP ĐT & CN Tân Tạo ứng cử vào HĐQT của Công ty CP Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo <i>Appointment of Mr. Tran Dinh Hung, representative of contributed capital of Tan Tao Investment & Industry Corporation, to be elected to the Board of Management of Vinatex – Tan Tao Investment Corporation.</i>
8	1206/NQ-HĐQT-ITA-14	12/06/2014	Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán BCTC bán niên và năm 2014 <i>Selection of the audit company to audit semi-annual and annual financial statements of 2014</i>
9	0707/NQ-HĐQT-ITA-14	07/07/2014	Thông qua phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để thưởng cho CB-CNV của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua <i>Approval of use of treasury stocks to reward staff and employees of the Company in accordance with the approved Resolution of the Annual Shareholders' Meeting 2014.</i>
10	2209/BBH-HĐQT-ITACO-14	22/09/2014	Cơ cấu khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam. <i>Approval of restructuring loans at the Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank</i>
11	0510/BBH-HĐQT-ITACO-14	05/10/2014	Mua lại quyền sử dụng đất của Công ty CP Đầu tư Đô thị Sài Gòn – Mê Kông <i>Repurchase of land use rights of Saigon – Mekong Urban Investment Corporation.</i>

III. THAY ĐỔI DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 34 ĐIỀU 6 LUẬT CHỨNG KHOÁN:

CHANGE OF AFFILIATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY IN ACCORDANCE WITH CLAUSE 34, ARTICLE 6 OF SECURITIES LAW

Không có/None.

IV. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN:
TRADINGS OF INTERNAL SHAREHOLDERS/MAJORITY SHAREHOLDERS AND AFFILIATED PERSONS

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan: theo danh sách chốt ngày 18/08/2014
List of internal shareholders and affiliated persons: as of August 18, 2014

a. Cổ đông nội bộ:
Internal shareholders

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Individual/Organization</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at Company (if any)</i>	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt/ <i>Relations hip</i>	Số CMND/ ĐKKD <i>Identity Card/Busin ess License Number</i>	Ngày cấp CMND/ ĐKKD <i>Date of issue of Identity Card/Busin ess License</i>	Nơi cấp CMND/ ĐKKD <i>Place of issue of Identity Card/Bu siness License</i>	Địa chỉ/Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares at the ending period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Ownership Percentage at the ending period</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT): MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT:											
1	Bà/Ms. Đặng Thị Hoàng Yến		Chủ tịch HĐQT <i>Chairwoman</i>		021893532	21/05/2010	CA. Tp.HCM <i>HCM City Police Dept.</i>	Lô 11, Khu dân cư Tân Đức, H. Đức Hòa, T.Long An <i>Lot 11, Tan Duc Residential Area, Duc Hoa Dist., Long An Province</i>	54.349.633	7,56%	
2	Ông/Mr. Nguyễn Thanh Phong		Thành viên HĐQT <i>Board Member</i>		024669211	26/02/2007	CA. Tp.HCM <i>HCM City Police Dept.</i>	Số 3/12 hẻm 249, Đường Tân Kỳ Tân Quý, P Tây Thanh, Q.Tân Phú, HCM <i>No. 3/12, land 249, Tan Ky Tan Quy Road, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCMC</i>	351.859	0,0489%	



BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
ADMINISTRATION REPORT OF ITACO

3	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn Minh		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD <i>Board Member & Vice President</i>		022646256	24/05/2012	CA. Tp.HCM	48B Trần Quốc Tuấn, P1,Q. Gò Vấp, TP.HCM 48B <i>Tran Quoc Tuan Str., Ward 1, Go Vap District, HCMC.</i>	1.104.687	0,1488%	
4	Ông/Mr. Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD <i>Board Member & Vice President</i>		025369296	17/11/2010	CA. Tp.HCM	240F, Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8, TP.HCM 240F, <i>Lu Huu Phuoc Str., Ward 15, District 8, HCMC</i>	624.277	0,0868%	
5	Bà/Ms. Nguyễn Thị Lài		Thành viên HĐQT <i>Board Member</i>		024249679	08/06/2010	CA. Tp.HCM	308B Minh Phụng, P. 2,Q.11,TP.HCM 308 <i>B Minh Phung Str., Ward 2, District 11, HCMC</i>	69.000	0,0096%	
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS): SUPERVISORY BOARD:											
1	Ông/Mr. Đỗ Tuấn Cường		Trưởng BKS <i>Head</i>		022795576	02/02/2004	CA. Tp.HCM	375 Lầu 1 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM 375 <i>Floor 1, Tran Hung Dao Str., Ward 10, District 5 HCMC</i>	6.825	0.0009%	
2	Ông/Mr. Nguyễn Trọng Dũng		Thành viên BKS <i>Member</i>		025667224	27/02/2012	CA. Tp Đà Nẵng <i>Da Nang City Polic Dept.</i>	16 Đường 2, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM 16 <i>Road 2, Tan Tao IP, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, HCMC</i>	28.703	0,004%	

3	Bà/Mr. Lê Thị Phương Chi		Thành viên BKS <i>Member</i>		023017738	11/05/2007	CA. Tp.HCM	73 Nhứt Chi Mai, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM 73 <i>Nhat Chi Mai Strt., Ward 13, Tan Binh District, HCMC</i>	8.910	0,0012%	Ghi chú
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	
THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TGD): THE BOARD OF DIRECTORS											
1	Ông/Mr. Thái Văn Mến		Tổng Giám Đốc <i>President</i>		021989068	31/08/2010	CA. Tp.HCM	131 Mã Lò, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân, TP.HCM	763.051	0,1%	
2	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn Minh		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD <i>Board Member & Vice President</i>		022646256	24/05/2012	CA. Tp.HCM	48B Trần Quốc Tuấn, P1,Q. Gò Vấp, TP.HCM	1.104.687	0,1488%	
3	Ông/Mr. Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD <i>Board Member & Vice President</i>		025369296	17/11/2010	CA. Tp.HCM	240F, Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8, TP.HCM	624.277	0,0868%	
KẾ TOÁN TRƯỞNG: CHIEF ACCOUNTANT											
1	Ông/Mr. Phạm Thanh Thêm		Kế toán trưởng		025384261	29/10/2010	Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	87/81 đường số, Phường Bình Hòa, Quận Bình Tân, Tp.HCM	32.802	0.0046%	



a. Người có liên quan của cổ đông nội bộ:
Affiliated persons

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Individual/Organization	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at Company (if any)	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt/ Relations hip	Số CMND/ ĐKKD Identity Card/Busi- ness License Number	Ngày cấp CMND/ ĐKKD Date of issue of Identity Card/Busi- ness License	Nơi cấp CMND/ ĐKKD Place of issue of Identity Card/Busi- ness License	Địa chỉ/Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares at the ending period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership Percentage at the ending period	Ghi chú/ Note
I. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT): AFFILIATED PERSONS OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT											
1	Bà/Mme. Đặng Thị Hoàng Yến		Chủ tịch HĐQT Chairwoman		021893532	21/05/2010	Tp.HCM HCM City Police Dept.	Lô 11, Khu dân cư Tân Đức, H. Đức Hòa, T.Long An	54.349.633	7,56%	
	Ông/Mr. Đặng Văn Được			Cha/ Father	020192247	17/11/2009	Tp.HCM HCM City Police Dept.	79/9B Đường 12, KP.3, P. Bình An, Q.2, TP. HCM	2.744	0,0004%	
	Bà/Ms. Hoàng Thị Kim Tuyền			Mẹ/ Mother	020192431	12/05/1999	Tp.HCM HCM City Police Dept.	79/9B Đường 12, KP.3, P. Bình An, Q.2, TP. HCM			
	Ông/Mr. Đặng Quang Hạnh			Em/ Brother	022793518	03/08/2011	Tp.HCM HCM City Police Dept.	79/9B Đường 12, KP.3, P. Bình An, Q.2, TP. HCM	3.331.781	0,46%	
	Ông/Mr. Đặng Thành Tâm			Em/ Brother	022756965	25/02/1991	Tp.HCM HCM City Police Dept.	6/35D, Bình Khánh 3, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM	19.063.039	2,65%	

	Bà/Ms. Đặng Thị Hoàng Phượng			Em/ Brother	022759992	10/04/2012	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	140/11, Sư Vạn Hạnh, P.12 Q.10, TP.HCM			
	Công ty CP Đại Học Tân Tạo Tan Tao University Corporation			Cty có liên quan Affiliated Company	1100757733	07/05/2009	Sở KH &ĐT T.Long An Long An Dept. of Planning & Investment	KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ.H. Đức Hòa, T. Long An	49.109.199	6,83%	
	Công ty CP Tập Đoàn Tân Tạo Tan Tao Group Corporation			Cty có liên quan Affiliated Company	1100874444	02/12/2008	Sở KH &ĐT T.Long An Long An Dept. of Planning & Investment	KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ.H. Đức Hòa, T.Long An	76.490.165	10,64%	
2	Ông/Mr. Nguyễn Thanh Phong		Thành viên HĐQT Board Member		024669211	26/02/2007	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	Số 3/12 hẻm 249, Đường Tân Kỳ Tân Quý, P Tây Thanh, Q.Tân Phú, HCM	351.859	0,0489%	
	Ông/Mr. Nguyễn Thành Độ			Cha/ Father	Mất năm 2008/Died in 2008						
	Bà/Ms. Trương Thanh Nhân			Mẹ/ Mother	300416769	05/11/2011	CA. Tỉnh. Long An /Long An Police Dept.	45/1 Ấp 1, Xã Bình Tân Thị Xã Tân An, T.Long An			
	Bà/Ms. Nguyễn Thị Diễm Hằng			Vợ/ Wife	022602749	05/10/2006	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	Số 3/12 hẻm 249, Đường Tân Kỳ Tân Quý, P Tây Thanh, Q.Tân Phú, TP.HCM			
	Ông/Mr. Nguyễn Thành Nam			Em/ Brother	024489444	27/02/2006	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	6/11 Nguyễn Cửu Đàm, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, TP.HCM			



3	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD/ Board Member & Vice President		022646256	24/05/2012	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	48B Trần Quốc Tuấn, P.1, Q. Gò Vấp, TP.HCM	1.104.687	0,1488%	
	Ông/Mr. Nguyễn Tấn Phát		Cha/ Father	Mất năm/Died in 1973						
	Bà/Ms. Đinh Thị Hào		Mẹ/ Mother	022573585		CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	Số 2 Phạm Hồng Thái, Nha Trang			
	Bà/Ms. Nguyễn Thị Minh Tâm		Chị/ Sister	020312817	01/04/2005	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	618/A3-A4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM			
	Bà/Ms. Nguyễn Minh Phương		Chị/ Sister	220685184	17/07/2009	CA. Tỉnh Khánh Hòa/Khanh Hoa Police Dept.	618/A3-A4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM			
	Bà/Ms. Hà Minh Hiền		Vợ/ Wife	022705336	09/09/2009	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	71 Trần Thiện Chánh, Q.12, Q.10, TP.HCM			
	Nguyễn Hà An		Con nhỏ/ Son				71 Trần Thiện Chánh, Q.12, Q.10, TP.HCM			
	Nguyễn Hà Phương Khanh		Con nhỏ/ Daughter				71 Trần Thiện Chánh, Q.12, Q.10, TP.HCM			
4	Ông Trần Đình Hưng	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD Board Member & Vice President		025369296	17/11/2010	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	240F, Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8, TP.HCM	624.277	0,0868%	

	Bà/Mrs. Phan Thị Hồng Giang		Vợ/Wife	311745646	29/11/2004	CA. Tỉnh Tiền Giang/Tien Giang Police Dept.	240F, Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8, TP.HCM	6.058	0,0008%	
	Trần Nhật Huy		Con nhỏ/Son				240F, Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8, TP.HCM			
5	Bà/Ms. Nguyễn Thị Lài	Thành viên HĐQT/Board Member		024249679	08/06/2010	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	308B Minh Phụng, P. 2, Q.11, TP.HCM	69.000	0,0061%	
	Ông/Mr. Nguyễn Duy Khâm		Cha/ Father	020215728	14/11/2007	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	24 Liên Tỉnh 5, P.6, Q.8, TP.HCM			
	Bà/Ms. Đỗ Thị Dư		Mẹ/ Mother	300282167	18/08/2003	CA. Tỉnh Long An/Long An Police Dept.	Áp 7, Xã Phước Tuy, Huyện Cần Đước, T. Long An			
	Ông/Mr. Nguyễn Tư Minh		Chồng/ Husband	020559957	17/01/2011	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	308B Minh Phụng, P.2, Q. 11, TP.HCM			
	Nguyễn Tư Minh Long		Con nhỏ				308B Minh Phụng, P.2, Q. 11, TP.HCM			
	Nguyễn Tư Minh Hoàng		Con nhỏ				308B Minh Phụng, P.2, Q. 11, TP.HCM			
	Bà/Ms. Nguyễn Thị Nguyệt Anh		Chị/ Sister				24 Liên Tỉnh 5, P.6, Q.8, TP.HCM			
	Ông/Mr. Nguyễn Duy Thuyết		Anh/ Brother	022677650	28/05/2012	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	24 Liên Tỉnh 5, P.6, Q.8, TP.HCM			
	Ông/Mr. Nguyễn Duy Thoại		Anh/ Brother	Mất/Died						
	Ông/Mr. Nguyễn Duy Quyền		Anh/ Brother	Mất/Died						



I. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS): AFFILIATED PERSONS OF MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD:										
1	Ông/Mr. Đỗ Tuấn Cường		Trưởng BKS/Chief		022795576	02/02/2004	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	375 Lầu 1 Trần Hưng Đạo,P.10,Q.5,TP.HCM	6.825	0.0009%
	Ông/Mr. Đỗ Ngọc Tuyền			Cha/ Father	022799803	05/02/2004	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	249 Tầng Nhon Phú, P. Tầng NhonPhủB,Q.9HCM		
	Bà/Ms. Lê Thị Nga			Mẹ/ Mother	022799712	10/09/2004	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	249 Tầng Nhon Phú, P. Tầng Nhon Phú B, Q. 9, TP.HCM		
2	Ông Nguyễn Trọng Dũng		Thành viên BKS/ Member		025667224	27/02/2012	CA. Tp Đà Nẵng/Da Nang Police Dept.	16 Đường 2, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM	28.703	0,004%
	Bà Hoàng Thái Thanh			Vợ/ Wife	201271903	25/07/1992	CA. Tp Đà Nẵng/Da Nang Police Dept.	16 Đường 2, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM		
3	Bà/Ms. Lê Thị Phương Chi		Thành viên BKS/ Member		023017738	11/05/2007	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	73 Nhất Chi Mai, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM	8.910	0,0012%
	Ông/Mr. Lê Văn Bảy			Cha/ Father	023001289	15/07/2008	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	73 Nhất Chi Mai, P13 Q.Tân Bình, TP.HCM		
	Bà/Mrs. Ngô Thị Châu			Mẹ/ Mother	025627244	20/07/2012	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	73 Nhất Chi Mai, P13 Q.Tân Bình, TP.HCM		

	Ông/Mr. Trịnh Quốc Huy Phong			Chồng/ Husband	023112747	30/11/2006	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	129/2A Bến Vân Đồn, P6, Q4, TP.HCM		
	Trịnh Lê Huy Hoàng			Con nhỏ/ Son				73 Nhất Chi Mai, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM		
	Bà/Ms. Lê Thị Hồng Cẩm			Chị/ Sister	023010457	22/09/2011	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	73 Nhất Chi Mai, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM		
	Ông/Mr. Lê Tuấn Bảo			Anh/ Brother	022847269	01/12/2005	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	73 Nhất Chi Mai, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM		
I. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TGD): AFFILIATED PERSONS OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS:										
1	Ông/Mr. Thái Văn Mến		Tổng Giám Đốc/ Chief Operating Officer		021989068	31/08/2010	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	131 Mã Lò, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân,TP.HCM	763.051	0,1%
	Bà/Ms. Đặng Thị Tuyết			Vợ/ Wife	024225780	12/08/2004	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	131 Mã Lò, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân,TP.HCM		
2	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn Minh		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD Board Member & Vice President		022646256	24/05/2012	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	48B Trần Quốc Tuấn, P1,Q. Gò Vấp,.HCM	1.070.367	0,1488%
Đã trình bày ở phần Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị As provided in the section: Affiliated persons of members of the Board of Management										



BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
ADMINISTRATION REPORT OF ITACO

3	Ông/Mr. Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD Board Member & Vice President	025369296	17/11/2010	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	240F, Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8, TP.HCM	624.277	0,0868%	
	Đã trình bày ở phần Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị As provided in the section: Affiliated persons of members of the Board of Management									
I. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG:										
1	Ông/Mr. Phạm Thanh Thêm		Kế toán trưởng/ Chief Accountant	025384261	29/10/2010	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	87/81 đường số, Phường Bình Hòa, Quận Bình Tân, Tp.HCM	32.802	0.0046%	
	Bà/Ms. Thái Thị Thọ		Mẹ/ Mother	205690709	13/10/2009	C.A Quảng Nam/ Nam/ Quang Nam Police Dept.	Thôn 2, xã Quế an, huyện Quế sơn, tỉnh Quảng Nam			
	Bà/Mrs. La Trần Mỹ Phụng		Vợ/ Wife	023691167	04/07/2006	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	516A Hương Lộ 2, Bình Trị Đông, Bình Tân, HCM			
	Ông/Mr. Phạm Thanh Thủy		Anh/ Brother	250592452	24/05/2001	CA. Tỉnh Lâm Đồng/ Lam Dong Police Dept.	Tổ 8, thôn Hai Bà Trưng, huyện Nam Hà, tỉnh Lâm Đồng			
	Ông/Mr. Phạm Thanh Thôi		Anh/ Brother	024977191	22/07/2008	CA. Tp.HCM HCM City Police Dept.	87/81 đường số, P.Bình Hòa, Q.Bình Tân, Tp.HCM			

2. **Giao dịch cổ phiếu:** Không có.
Share trading: None
3. **Các giao dịch khác/Other tradings:**

S T T/ N o.	Người thực hiện giao dịch/Trader	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ Relationship with internal shareholders	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/Share quantity at the beginning period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ /Share quantity at the ending period		Lý do tăng, giảm/ Reason for change
			Số cổ phiếu/ Quantity	Tỷ lệ/ Percent age	Số cổ phiếu/ Quantity	Tỷ lệ/ Percent age	
1	Market Vector ETF Trust	Cổ đông lớn/Majority shareholder	51.262.591	7,13%	42.938.961	5,97%	Bán/Sell
2	Công ty cổ phần Truyền thông-Giải trí và Sản xuất Media Ban Mai Twilight Communications - Entertainment & Media production Corporation	Cổ đông lớn/Majority shareholder	44.796.734	6,23%	35.796.734	4,9%	Bán/Sell
3	Bà/Ms. Hoàng Thị Kim Tuyền	Bên liên quan/ Affiliated Party	36.160	0,005%	-	-	Tặng cho/Grant
4	Ông/Mr. Nguyễn Tuấn Minh	TV.HĐQT	1.104.687	0,15%	792.687	0,11	Bán/Sell

- V. **CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC:** Không có./.
OTHER NOTED INFORMATION: None./.

CÔNG TY CP ĐT & CN TÂN TẠO
CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairwoman of the Board of Management


ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN



* Lãnh đạo tỉnh Long An tham dự Chương trình “Chung tay vì Biển Đảo” do ITA phát động.
Leaders of Long An Province joined the event “Hand in Hand for Vietnam Island an Sea” held by ITA

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

REPORT AND EVALUATION OF THE BOARD OF DIRECTORS

Năm 2014, nền kinh tế thế giới và trong nước có dấu hiệu hồi phục và từng bước đi vào giai đoạn ổn định phát triển, nhưng các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh. Được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp, tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao. Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch, tích cực triển khai các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ khách hàng hướng đến phát triển bền vững. Công ty đã quan tâm giúp các doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục pháp lý về nhà xưởng, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, công tác an ninh trật tự- PCCC luôn đề cao cảnh giác và ngày càng chuyên nghiệp hơn đã góp phần tạo cho các nhà đầu yên tâm sản xuất kinh doanh. Kết quả hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

In 2014, the world and domestic economy have shown signs of recovery and have, step by step, embarked on stabilization and expansion. However, businesses still face difficulties in their production and operations. With timely directions from the Board of Management, the Board of Directors and all staff and employees have together made unifying efforts to work on assigned tasks. Despite difficulties, the company has achieved the targets and has actively implemented solutions to enhance competitive competences and customer support services towards sustainable growth. The company has attentively given necessary assistance to businesses to fulfill legal procedures for factory establishment and operations, to untie difficulties and obstacles, and to strengthen security, professional fire-fighting and protection measures. The assistance has been done to assure a fruitful peaceful and safe environment for investors in their business and production activities. The company's business operation achievements are reported as follows:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 2014's Business Operation Outcomes

- Tổng doanh thu 585, 492 triệu đồng bằng 103,9% so với kế hoạch năm và bằng 108,4 % so với thực hiện năm 2013;
Total revenue: VND 585,492 million, achieving 103.9% compared to the planned target and 108.4% compared to 2013;
- Lợi nhuận sau thuế 144,771 triệu đồng bằng 134,7 % so với kế hoạch năm và bằng 178 % so với thực hiện năm 2013.
After tax profit: VND 144,771 million, achieving 134.7% compared to the planned target and 178% compared to 2013.
- Thu nhập bình quân tháng của CBCNV là 5,61 triệu đồng bằng 85% so với kế hoạch năm.
Staff and employees' average monthly income is VND5.61million, achieving 85% compared to the planned target.

1.1 Tình hình thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị Investment attraction, business and marketing

Năm 2014 các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn, tuy lãi suất tín dụng có giảm, nhưng các doanh nghiệp vẫn không vay vốn để phát triển sản xuất, thu hút đầu tư tiếp tục khó khăn. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn không giảm giá cho thuê đất, mà tập trung hỗ trợ chăm sóc khách hàng, tăng các tiện ích dịch vụ phục vụ như: nhà ở công nhân, xây dựng nhà trẻ, đầu tư bệnh viện,... để khuyến khích vận động các nhà đầu tư vào thuê đất và nhà xưởng. Kết quả trong năm đã thu hút được 17 khách hàng thuê lại đất và nhà xưởng trong khu công nghiệp Tân Tạo và Tân Đức, 49 khách hàng mua và thuê Tân Tạo Plaza, Tân Đức Star, Tân Đức Plaza.

Businesses continued to encounter challenges in 2014. Despite decreasing interest rates, businesses did not



get loans from banks for their business expansion, and attracting new investments is challenging. Besides, the Group has maintained its rental price, focused on customer services and providing utility services such as housing for workers, a kindergarten, and a hospital to bring about incentives and encouragement for perspective investors. By the end of the year, the Company attracted 17 investors leasing land and factories in Tan Tao and Tan Duc Ips, and 49 customers/clients buying and renting apartments at Tan Tao Plaza, Tan Duc Star and Tan Duc Plaza.

Công tác lãnh đạo và hoạt động của đội ngũ kinh doanh tiếp thị chưa năng động sáng tạo, còn nhiều hạn chế và yếu kém, chưa tổ chức tốt hoạt động kinh doanh tiếp thị để thu hút được nhiều nhà đầu tư, chưa đáp ứng được kỳ vọng của Hội đồng quản trị. Việc này cần nghiêm túc chấn chỉnh kịp thời để đáp ứng nhiệm vụ phát triển của Tập đoàn.

The management, sales and marketing team have not been so active, dynamic and creative and seen with limitations as well as weaknesses. Sales and marketing activities were not well organized to attract investors and failed to meet the expectations of the Board of Management. It needs to be strictly and timely evaluated and managed to meet development missions of the Group.

1.2 Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Land compensation and clearance

- Trong năm Tập đoàn không triển khai đền bù dự án mới, chỉ phối hợp với các cơ quan đền bù giải quyết 01 trường hợp tồn đọng của dự án.
For the year, the Company did not implement compensation for new projects, but was in coordinated with the related authorities to resolve only one case standing for compensation of the project.
- Tập trung làm sổ đỏ cho các hộ dân đã đóng đủ 100% tiền của khu tái định cư giai đoạn I, giai đoạn II Tân Đức, trong năm đã làm thủ tục cấp được 260 sổ đỏ, nâng tổng số sổ đỏ được cấp là 3.450 sổ. Khu Tái định cư- HĐĐ Tân Tạo 17,7ha đã cấp được 539 sổ.
Focusing on completing red books for those households having paid 100% of the sum in the Tan Duc resettlement area Phase I and Phase II; 260 red books were issued, and the total number of red books issued has reached 3,450. In the 17.7ha-Tan Tao Resettlement Area, 539 red books have been issued.

1.3 Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý môi trường

Infrastructure construction and environmental management

* Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng:

Infrastructure construction management

Trong năm tình hình nguồn vốn khó khăn, Công ty chỉ tập trung đầu tư hoàn thiện các công trình dở dang để đưa vào khai thác kinh doanh.

During the year, due to the capital constraints, the Company focused only on completing unfinished works and making them available for business.

- Tập trung hoàn chỉnh 11 nhà xưởng ở KCN Tân Đức để bàn giao cho khách hàng thuê.
Focusing on completing of 11 factories in Tan Duc Industrial Park to hand them over to tenants.
- Tiếp tục thi công hoàn thiện toà nhà 08 tầng Tân Đức Sky chuyển công năng làm bệnh viện Tân Tạo để Bộ Y tế vào thẩm định đi vào hoạt động.
Continuing to build and convert the eight-floor Tan Duc Sky Building into a hospital which must be made ready for appraisal and approval from the Ministry of Health.

- Đầu tư hệ thống van ngăn triều cường KCN Tân Tạo Hiện hữu, đã giải quyết được việc ngập nước do triều cường, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
Investing in the installation of flap valves to prevent tidal flooding for the existing Tan Tao Industrial Park ensuring favorable conditions for production and business activities.

- Tiếp tục đầu tư bổ sung cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan, kiến trúc, trồng thêm nhiều cây cảnh ở các tuyến đường phố đi bộ, Khu hồ Mặt trời, đại lộ Ecity để tổ chức Hội Xuân tết Ất Mùi, tạo nơi vui xuân cho hàng ngàn công nhân và nhân dân địa phương, chuẩn bị cho chương trình tiếp thị phát triển kinh doanh E.City Tân Đức trong những năm tới.

Continuing to invest in infrastructure, landscape, architecture and tree planting along walking streets, Sun Lake, E.City Avenue for the the New Year of the Goat's Spring Flower Festival creating Springs attract visits of thousands of workers and local people, contributing to prepare marketing and business development program of Tan Duc ECity for coming years.

- Đầu tư Trường Mầm non Mặt Trời đỏ ở Tân Tạo Plaza qui mô ban đầu 80 cháu, tăng thêm dịch vụ phục vụ cho con em công nhân lao động trong KCN.

Investing in building the Red Sun Kindergarten in Tan Tao Plaza with initial designed capacity for 80 children, augmenting services reserved for the employees' dependants in the industrial park.

* Về công tác quản lý môi trường:

Environmental management

- Công tác bảo vệ môi trường luôn hướng đến phát triển bền vững. Công tác vận hành và quản lý các nhà máy xử lý nước thải của KCN Tân Tạo và KCN Tân Đức luôn đảm bảo tuân thủ theo qui định của pháp luật.

The Company has always paid attention to environmental protection and sustainable development. The operation and management of the wastewater treatment plant of Tan Tao and Tan Duc Industrial Parks have always been implemented in compliance with the laws.

- Quan tâm hướng dẫn và nhắc nhở các Doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp.

The Company has always paid attention and reminded businesses to strictly comply with the regulations of environmental protection.

- Phối hợp Ban Quản lý và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra môi trường các nhà máy đang hoạt động, giải quyết các khiếu nại môi trường trong KCN để công tác bảo vệ môi trường luôn được thực hiện tốt. Chính vì vậy, trong năm 2014 Thanh tra Bộ TNMT đã thanh tra việc chấp hành về tài nguyên và môi trường hệ thống KCN Tân Tạo đạt kết quả theo qui định.

Coordinated with the Management Board and the functional agencies to monitor the environment of the manufacturers in operation, resolved environmental complaints in the industrial parks, and ensured the fulfillment of environmental protection. Therefore, the Ministry of Natural Resources and Environment inspection team examined and approved the compliance of Tan Tao IP with the regulation on natural resources and environmental protection in 2014.

1.4 Công tác tài chính tín dụng

Finance and credits

- Công tác kế toán được quản lý chuyên nghiệp hơn trong việc thu hồi công nợ, cân đối thanh toán đầu tư cũng như việc lập và gửi Báo cáo tài chính theo đúng qui định.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC REPORT AND EVALUATION OF THE BOARD OF DIRECTORS

Accounting practices have been more professionally managed including recovery of debts, balance of payments and investments, preparing and submitting financial statements in accordance with the regulations.

- Công tác Tài chính: Công ty đã làm việc với các ngân hàng cơ cấu lại thời gian trả nợ vay dài hơn phù hợp với tình hình kinh doanh phát triển trong các năm sau và đảm bảo trả nợ đúng hạn.
Finance: The Company worked with the banks to set the longer timing for payments of loans to be in line with its business operations situation in the following years and to ensure timely payments of loans.

1.5 Công tác nghiên cứu và phát triển dự án *Project Research and Development*

Trong năm, công ty không phát triển dự án mới, tập trung làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn thành các thủ tục cho dự án Nhiệt điện Kiên Lương 1 theo qui định. Bên cạnh đó Công ty cũng đã tìm đối tác để thoái vốn dự án Ita 276 và dự án xi măng Tân Tạo.

During the year, the Company did not work on new projects but focused on working with relevant authorities to complete required procedures for developing the Kien Luong 1 Thermal Power Plant in accordance with the regulations. In addition, the Company looked for partners to divest ITA 276 Project and Tan Tao Cement Plant Project.

1.6 Công tác hành chính nhân sự, an ninh trật tự và công tác xã hội *Personnel administration, security and social activities*

- Trong năm Công ty tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy hoạt động các đơn vị theo hướng chuyên nghiệp và phù hợp với tình hình triển khai các dự án. Tình hình kinh doanh vẫn còn khó khăn nên Công ty không tăng lương (thực hiện bằng 85% kế hoạch). Tính đến cuối năm 2014 tổng số CB-CNV của Công ty là 614 người, tăng 39 người so với năm 2013.
During the year, the Company structured the organization for more professional operations, which would be more relevant for the project implementation. Due to the challenging business situation, the Company did not consider pay/compensation raises for its staff and employees (achieving 85% of the planned target). By the end of 2014 the Company has in total a staff of 614 persons, including an increase of 39 persons compared to 2013.
- Công tác ANTT, PCCC được công ty quan tâm chỉ đạo chặt chẽ và phối hợp với các cơ quan chức năng tạo sự an tâm cho nhà đầu tư. Đặc biệt là trong những ngày 13-15/5/2014 Công ty đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng ngăn chặn việc biểu tình quá khích của công nhân không gây tổn thất cho các doanh nghiệp.
Security, fire fighting staff is arranged for 24/24 on-duty, in collaboration with local authorities to ensure security and safety for investors. Especially on May 13-15, 2014, the Company coordinated with the relevant authorities to prevent violent demonstrations of some workers from causing damages to the companies in the industrial park.
- Công ty thường xuyên phối hợp cùng Công đoàn Ban Quản lý, Hiệp hội các Doanh nghiệp KCN và Thành Đoàn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội thi tiếng hát công nhân, tặng quà cho công nhân, tặng vé xe cho công nhân về quê ăn tết... tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho công nhân làm việc, hạn chế được tình hình đình công trong năm.
The Company has regularly collaborated with the union of the industrial parks management board, the association of enterprises in the industrial park and the Communist Youth Union to organize cultural, arts, sports activities, and singing contests for workers, to provide free bus tickets to workers on Tet holidays. These created a joyful and exciting atmosphere for workers, and helped to minimize strikes.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý *Improvements on organizational structure, policy and management*

Tổ chức tuyển dụng, điều chuyển và đào tạo nhân sự phù hợp với khả năng và phát huy được hiệu quả công việc.

Organizing the recruitment, transferring and training of personnel in line with their abilities and efficiently promoting their efficiency.

Duy trì và thực hiện nghiêm túc công tác quản trị thông tin, báo cáo hàng tuần và những vấn đề đột xuất ở các phòng ban kịp thời đến Ban tổng giám đốc và HĐQT.

Maintaining and applying strict information control, preparing weekly reports and reporting incidental issues risen at the divisions to the Board of Directors and the Board of Management.

Tiếp tục cải tiến việc quản lý, thực hành tiết kiệm và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của công ty

Continuing to improve the management practices, implementing saving measures and strictly controlling the Company's activities.

Ban Lãnh đạo tập trung thăm và làm việc với các DN trong KCN để giúp đỡ, hỗ trợ cùng nhau giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các DN cùng phát triển.

The Executive Board visited and worked with the businesses in the industrial park to assist and support them to resolve their difficulties.

Tiếp tục phát huy tốt tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV để tạo sức mạnh đưa Tập đoàn chuyển sang thời kỳ phát triển vững mạnh.

Continuing to promote the unity, strong determination of the Company's leadership, staff and employees to create the driving force guiding the Company through the transition toward a period of strong and stable development.

3. Biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2015 *Implementation Measures for the Plan 2015*

Dự kiến năm 2015 tình hình kinh tế xã hội sẽ có tiến triển tốt và Hiệp định Đối tác Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư vào các KCN. Công ty tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn 2 và xây dựng nhà xưởng để sẵn sàng thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất kinh doanh. Mục tiêu và biện pháp thực hiện kế hoạch như sau:

2015 is expected to be a pivotal year for socio-economic development and the completion of the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) will bring about favorable conditions for attracting investments in industrial parks. The Company will focus on developing infrastructure for Tan Duc Industrial Park-Phase 2 and building factories to make it available to attract perspective businesses. The company's objectives and implementation measures are presented as follows:

3.1 Các chỉ tiêu kế hoạch 2015 *Plan for 2015*



Đvt: triệu đồng Unit: VND mil

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH <i>MAIN GOALS</i>	Thực hiện <i>Performance</i> 2014	Kế hoạch <i>Plan</i> 2015	Tốc độ phát triển <i>Growth Rate</i> (%)
Doanh thu & thu nhập <i>Revenue and income</i>	585,492	1,587,700	250
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	144,771	509,600	310
Cổ tức/ <i>Dividend</i>	5%	10%	
Lương và thu nhập của nhân viên <i>Salary and income of employees</i>			
- Tổng quỹ lương/ <i>Payroll</i>	41,334	49,600	120
- Lương bình quân/ <i>Average salary</i>	5.61	6.7	120
Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ <i>Own's Equity at the ending period</i>	7,937,954	9,248,785	117
Tổng tài sản cuối kỳ <i>Total Assets at the end of period</i>	11,996,725	13,142,500	108
- Tài sản ngắn hạn <i>- Current assets</i>	6,735,871	6,842,500	
- Tài sản dài hạn <i>- Non Current assets</i>	5,260,854	6,300,000	

3.2 Các biện pháp thực hiện *Implementation measures*

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và nguồn vốn trả nợ ngân hàng, đầu tư các dự án Công ty đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:
In order to achieve the targets of revenue, profits and bank loan repayment sources and project investments, the Company has proposed the following measures:

3.2.1 Kế hoạch thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị *Plan for investment attraction, business and marketing*

Xác định năm 2015 là thời cơ để thu hút đầu tư phát triển KCN để tạo đà phát triển kinh doanh nhà ở, khu đô thị trong những năm sau. Công ty đã mạnh dạn lên kế hoạch doanh thu là 1.587 tỷ đồng bằng 2,71 lần so với thực hiện năm 2014. Đây là chỉ tiêu cố gắng phấn đấu và có cơ sở, vì trong năm 2014 Công ty đã làm tốt công tác chăm sóc, hỗ trợ, giúp đỡ và giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp, đồng thời thăm dò kế hoạch phát triển của các doanh nghiệp. Công ty sẽ phát huy thế mạnh này kết hợp với các chương trình tiếp thị thu hút đầu tư để hoàn thành kế hoạch.

2015 is the year to attract investments into industrial parks to create an impetus for the development of housing and townships business in the following years. The Company has set a bold target to make a total revenue of VND1,587 billion, an increase of 2.71 times compared to 2014. It is a feasible target since the Company provided good care, support and assistance, resolved difficulties for businesses and surveyed development plans of businesses in 2014. The Company will promote this strength in combination with the marketing of investment's attraction program to achieve the planned targets.

3.2.2. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư *Land compensation, clearance and resettlement*

Triển khai đền bù 22 ha đất của Khu Cảng Tân Đức đã điều chỉnh cắt bỏ diện tích có nhiều nhà ở.
To carry out compensation of 22 ha of Port area adjusted with the exclusion of highly populated area.

Tập trung đền bù chuyển nhượng QSDĐ Khu đô thị Tân Tạo 146 ha để khai thác trong năm 2016 khi thị trường bất động sản phát triển trở lại.
To focus on compensation and transfer of land ownership right of the 146 ha-Tan Tao Township Area to put into operation in 2016 when the real estate market picks up.

Phối hợp với địa phương giải quyết dứt điểm các hộ tranh chấp, các hộ khiếu nại còn tồn đọng của các dự án đã đền bù.
To coordinate with local authorities to complete resolution of the remaining disputes and complaints of households in already compensated projects.

3.2.3. Công tác quản lý xây dựng, duy tu cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường *Construction management, infrastructure maintenance, environmental protection*

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn II phục vụ nhu cầu thu hút đầu tư.
To focus on investment of infrastructure of Tan Duc Industrial Park Phase II to meet investment attraction's needs.

Tiếp tục xây dựng 30.000 m2 nhà xưởng KCN Tân Đức để đáp ứng nhu cầu các nhà đầu tư đến thuê.
To continue to complete 30,000 m2 of factories for Tan Duc Industrial Park to meet the leasing demand from foreign investors.

Tiếp tục hoàn thiện 2 block chung cư Tân Đức Plaza 5 tầng và 3 block Tân Tạo Plaza 12 tầng theo chương trình kích cầu để bán và cho công nhân thuê.
To continue to complete two apartments blocks of the five-storey Tan Duc Plaza and 3 twelve-storey blocks of Tan Tao Plaza corresponding to the stimulus program to be sold and leased to workers.

Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho nhà máy Kiên Lương 1, phục vụ cho việc bàn giao cho nhà thầu khởi công xây dựng nhà máy.
To focus on completing infrastructure for Kien Luong 1 power plant to be handed over to contractors for launching construction of the plant.

Xây dựng dự án Trường cấp 1,2,3 ở KCN Tân Tạo Mở rộng.
To build elementary, secondary and high schools in the Expanded Tan Tao IP.

Xây dựng Toà nhà Văn phòng ở KCN Tân Tạo để làm văn phòng và cho thuê.
To build the Office Building in Tan Tao IP for office use and for lease

Xây dựng hoàn thiện Khu nhà phố 36 căn liền kề, Biệt thự Tài Lộc và Hạnh Phúc tại Khu đô thị E.City Tân Đức theo tiến độ khách hàng đăng ký mua và tình hình ấm lên của thị trường bất động sản.
To complete 36 attached houses, Fortune and Happiness villas in Tan Duc E.City according to the progress of registered customers and subject to the warm-up situation of real estate market.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Tân Đức giai đoạn 2 để thu tiền và giao đất cho các hộ dân.



To continue the investment and completion of infrastructure works in second phase of Tan Duc resettlement area to collect payments and hand over of land to residents.

3.2.4. Công tác tài chính kế toán
Accounting and Finance

- Công ty sẽ thoái vốn dự án xi măng Tân Tạo và dự án Tân Tạo 276 để tập trung vốn trả nợ ngân hàng, đầu tư dự án Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương 1, dự án E.City Tân Đức, dự án Trường cấp 1,2,3 ở KCN Tân Tạo Mở rộng.

The Company will divest Tan Tao Cement Project and Tan Tao 276 Project to pay bank debts and invest in Kien Luong 1 Power Complex, Tan Duc E.City, elementary, secondary and high schools projects in the Expanded Tan Tao IP.

- Làm việc với các ngân hàng để sử dụng nguồn vốn vay lãi suất thấp và phát hành cổ phiếu để huy động nguồn vốn đầu tư cho các dự án Tập đoàn.

- To work with banks for low interest rate loans and issue stocks to mobilize investment capital for projects of the Group.

- Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, quản lý nguồn vốn theo kế hoạch và mang lại hiệu quả cao.

- To implement saving measures on administration, manage the capital resources as planned, and improve operational performance.

3.2.5. Công tác nghiên cứu và phát triển dự án:
Project research and development:

Tập trung hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ pháp lý các dự án để phục vụ cho thời kỳ đầu tư phát triển vào năm 2016.

- To focus on completing legal procedures and documentation of projects to serve the investment and development periods of 2016.

3.2.6. Công tác tổ chức hành chính:
Personnel Administration:

Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực hiện tại. Có kế hoạch tuyển dụng nhân tài, bố trí đào tạo để phục vụ cho thời kỳ phát triển các dự án của Tập đoàn.

To efficiently use the existing resource, to recruit, train talents to meet the demand of human resources during the Group's projects' development.

Tổ chức phong trào thi đua cải tiến cơ chế quản lý và phát huy tính năng động của CBCNV để hoàn thành kế hoạch năm 2015.

Organization of emulation movements to improve administration mechanism and promote activeness of staff and employees for completion of the plans approved by the General Shareholders' Meeting.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Tập đoàn, Tôi xin kính chúc Quý HĐQT, Quý vị đại biểu và Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

On behalf of the Board of Directors, staff and employees of the Group, I would like to wish the Members of the Board of Management, distinguished guests and shareholders good health, success and happiness.

Xin chân thành cảm ơn.

Thank you very much!



* Thành viên sáng lập TTU,
Board Of Trustees of TTU, 14/11/2011



* Nhà máy Itarice sản xuất gạo sạch theo tiêu chuẩn Nhật Bản và Hoa Kỳ.
ITARICE Plant

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

SUPERVISORY BOARD REPORT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2015
Ho Chi Minh City, April 26, 2015

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT SUPERVISORY BOARD REPORT

(Cho năm tài chính 2014, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015)
(For fiscal year 2014 at the 2015 Annual General Shareholders' Meeting)

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông Dear Shareholders

Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo xin báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2014 như sau:
The Supervisory Board of Tan Tao Investment & Industry Corporation would like to report to the General Shareholders Meeting the inspection and supervision results of the Company operations in 2014 as follows:

1. **Đánh giá về việc tuân thủ pháp luật và thực hiện quy chế quản trị nội bộ Công ty:** **Evaluation of compliance to the law and implementation of Company's internal management regulations**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị, ban Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
The Board of Management and the Board of Directors have fully complied with the legal regulations on administrative management and transaction. The members of the Board of Management, the Board of Directors and managerial staffs have exercised the assigned powers and duties according to the regulations of the Enterprise Law, the Company's Charter and the Resolution of the General Shareholders Meeting.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
The meetings of the Board of Management have been convened and organized in compliance with the Enterprise Law, the company's Charter and Regulations on structure and operation of the Board of Management.

Các Biên bản họp của Hội đồng quản trị có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp.
The meeting minutes of the Board of Management include all signatures of participating members.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh Nghiệp và điều lệ của Công ty. Nội dung đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.
The resolutions of the Board of Management are validly promulgated based on the meeting min-



utes of the Board of Management or written opinion statements of members of the Board of Management and in conformity with the Enterprise Law and the Company's Charter. The contents on implementation of resolutions of the 2014 General Shareholders' Meeting have been timely issued, fulfilling the administrative functions of the Board of Management whilst satisfying the management requests of the Board of Directors in business and production operation.

Các Quyết định của ban Tổng Giám Đốc đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc đều được ban hành sau khi Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
The decisions of the Board of Directors have been legally and timely issued with relevant powers; all decisions exceeding the powers of the Board of Directors have been issued only after having them submitted to and receiving the approval from the Board of Management.

Các Hợp đồng Kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2014 đều được giao kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi công ty và cổ đông.
The important economic contracts of the Company in 2014 have been legally formulated to guarantee the interests of the Company and its shareholders.

Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của Pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty cổ phần đại chúng và công ty niêm yết.
The Company has fully and earnestly complied with the laws and regulations of the Stock Exchange on information announcement of public joint stock companies and listed companies.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty: **Business, production and financial situation of the Company**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
The financial statement has reflected accurately and properly all the financial aspects of the Company as of December 31, 2014; the business and production results and the cash flow for the fiscal year within the same period, and in accordance with the standards and current corporate accounting regime of Vietnam and related legal regulations.

Năm 2014 được đánh giá là năm mà nền kinh tế thế giới và trong nước có dấu hiệu hồi phục sau giai đoạn dài suy thoái trên toàn cầu, tuy nhiên dấu hiệu hồi phục vẫn trong giai đoạn khởi đầu và diễn tiến chậm, các doanh nghiệp vẫn tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh cũng chưa thật sự tạo cú hích cho cộng đồng doanh nghiệp.
The year 2014 is considered as the year that the world & the country's economy show the sign of recovery after a long period of global recession, but recovery sign is still in the beginning stage and progresses are still slow; enterprises continue to face many difficulties in production and business activities as well as access to credit source for production and business did not really make the push to the business community.

Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng quản trị đã có những chính sách điều chỉnh kịp thời, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc Công ty điều hành kinh doanh phù hợp với những biến động của thị trường. Do đó, kết quả kinh doanh đã thu được những kết quả khả quan và hoàn thành

nhiệm vụ kế hoạch về Doanh thu và Lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông năm 2014 giao. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tập trung triển khai các giải pháp cắt giảm chi phí hoạt động, tăng cường công tác hỗ trợ và chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện hữu và tăng cường các dịch vụ gia tăng mới để thu hút khách hàng mới đầu tư vào các Khu công nghiệp Tân Tạo và Tân Đức thông qua việc thuê lại đất hoặc xưởng cũng như thuê và mua căn hộ tại các công trình nhà ở của Tập đoàn như Tân Tạo Plaza, Tân Đức Star, Tân Đức Plaza. Tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai, xây dựng kế hoạch thoái vốn tại một số dự án để tập trung nguồn lực cho các dự án mang tính chất chiến lược, tái cơ cấu lại thời gian trả nợ các khoản vay để làm giảm áp lực lên dòng tiền hoạt động... Đây là những giải pháp kịp thời nhằm đảm bảo nguồn thu để cân đối trả nợ vay ngân hàng, các khoản phải trả, tạo nguồn để tiếp tục thực hiện các dự án theo kế hoạch, tiết kiệm được chi phí tài chính nhưng cũng đảm bảo sự vận hành ổn định của Công ty cũng như chuẩn bị nguồn lực cho kế hoạch kinh doanh cho năm 2015.

In the general context, the Board of Directors have made timely adjustment policies, enabling the Board of Executive Directors of the Company to conduct business in accordance with the fluctuations of the market. Therefore, the results of the business had achieved good results and completed the mission plan for revenue and profit as set by the General Meeting of Shareholders 2014. The Board of Management and the Board of Executive Directors have focused on implementing solutions that reduce operating costs; strengthen support and customer care; improve the quality of existing services and enhance services as well as new value-added services; to attract new customers to invest in the Tan Tao and Tan Duc Industrial Zone through the lease of land or factories; as well as rent and buy apartments in residential buildings of the group as Tan Tao Plaza, Tan Duc Star, Tan Duc Plaza. Focusing resources to accelerate the projects are being implemented, planning to divest a number of projects in order to focus resources for key strategic projects, restructured payment term of loans to reduce pressure on operating cash flow ... These are timely solutions to ensure revenues to balance with the repayment of bank loans, accounts payable, create resources to implement projects according to plan, save the financial costs but also ensure the stable operation of the company as well as resources for preparing business plans for 2015.

3. Đánh giá chung:

Trong năm 2014 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo các mặt hoạt động của Công ty và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông. Tuy nhiên vẫn còn các tồn tại cần khắc phục như sau:
In 2014, the Board of Management and the Board of Directors have successfully managed and developed the Company to meet the interests of shareholders. However, there are still drawbacks to overcome as follows:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hơn nữa về tổ chức hoạt động bán hàng nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
Continue to develop and further improve the sales activities to further improve the efficiency of the business of the Group.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường và giới thiệu hình ảnh của Công ty phục vụ cho công tác thu hút các nhà đầu tư tìm đến đầu tư, kinh doanh và hợp tác với Tập đoàn.
Continue to promote market research and introducing the image of the company in order to attract investors to invest, do business and cooperate with the Group.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách thưởng phạt kịp thời nhằm khuyến khích khả



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT SUPERVISORY BOARD REPORT

năng sáng tạo, các sáng kiến mới, các đóng góp xây dựng để phát huy hiệu quả hơn nữa công tác quản lý và vận hành Công ty.

Continue to develop and improve the timeliness of reward and punishment policies to encourage creativity, new initiatives, and constructive contribution to promote more efficient management and operation of the Company.

Tiếp tục xây dựng đội ngũ quản lý từ cấp thấp đến cấp cao, thu hút nhân tài để bổ sung cho bộ máy hiện tại chuẩn bị cho lộ trình phát triển trong tương lai.

Continue to build the management team from a low level to a high level, to attract talent to complement existing apparatus in preparing a roadmap for future development.

Nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ nhằm phục vụ tốt hơn nữa cho các nhà đầu tư hiện hữu tạo tiền đề cũng như là tư liệu tham khảo cho các nhà đầu tư/khách hàng mới;

Further improve the quality of supporting services in order to serve better for existing investors as well as paving the references for new investors / customers;

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

The above content is obtained through the supervision and monitoring of the Supervisory Board, to submit to the General Shareholders Meeting. We wish to receive sincere observations and contributions from the shareholders to better understand and fulfill our duty in the next term.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

On behalf of the Supervisory Board, I would like to gratefully present thanks to the Board of Management, the Board of Directors, and different departments of the Company for their cooperation in helping us to fulfill our duty.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp

Best wishes for a successful General Shareholders' Meeting

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
HEAD OF SUPERVISORY BOARD**

Đỗ Tuấn Cường



* Thành viên sáng lập TTU trồng cây lưu niệm ngày 14/11/2010
TTU Founding members planted commemorative trees on November 14, 2010



* Hiệu trưởng ĐH Rice, Giáo sư Eugene H. Levy - Thành viên Sáng lập TTU ký sổ vàng lưu niệm ngày 14/11/2010
Prof. Eugene H. Levy, Provost of Rice University, TTU founding member, signed on TTU commemorative book on November 14, 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Tập đoàn xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên
Ông Trần Đình Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lài	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Thái Văn Mến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hưng	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Lê Thị Phương Chi	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Thái Văn Mến.



KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- > lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- > thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- > nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- > lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Đặng Thị Hoàng Yến
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 60752657/16997388-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 59 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-01

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT / vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.735.871.231.273	5.860.848.410.746
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	48.658.823.934	60.108.301.683
111	1. Tiền		44.875.823.934	60.108.301.683
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.783.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.372.589.217.249	2.356.384.748.698
131	1. Phải thu khách hàng	5	675.302.746.597	719.960.373.550
132	2. Trả trước cho người bán	6	535.558.871.341	418.897.461.726
135	3. Các khoản phải thu khác	7	1.172.012.853.621	1.222.469.030.415
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.285.254.310)	(4.942.116.993)
140	III. Hàng tồn kho	8	4.303.915.007.111	3.417.475.513.080
141	1. Hàng tồn kho		4.303.915.007.111	3.417.475.513.080
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.708.182.979	26.879.847.285
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		189.093.648	16.778.859.431
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		422.824.975	59.241.675
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		433.057.581	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		9.663.206.775	10.041.746.179
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.260.853.939.885	4.905.753.439.142
210	I. Phải thu dài hạn		1.367.285.274.255	1.264.843.673.690
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.367.285.274.255	1.264.843.673.690
220	II. Tài sản cố định		230.965.057.605	238.483.000.542
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	64.724.378.979	73.473.700.564
222	Nguyên giá		137.883.678.167	137.007.249.942
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.159.299.188)	(63.533.549.378)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	16.327.195.461	15.677.116.031
228	Nguyên giá		20.992.324.940	20.992.324.940
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.665.129.479)	(5.315.208.909)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	149.913.483.165	149.332.183.947
240	III. Bất động sản đầu tư	12	217.726.371.763	198.585.162.703
241	1. Nguyên giá		267.630.031.739	237.101.295.037
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(49.903.659.976)	(38.516.132.334)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	3.437.160.673.088	3.195.534.723.432
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		384.745.203.317	362.827.734.586
258	2. Đầu tư dài hạn khác		3.118.440.620.282	2.893.663.360.282
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(66.025.150.511)	(60.956.371.436)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.716.563.174	8.306.878.775
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.716.563.174	8.306.878.775
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.996.725.171.158	10.766.601.849.888



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.009.196.576.558	3.612.800.260.466
310	I. Nợ ngắn hạn		2.488.273.488.356	2.155.691.487.905
311	1. Vay ngắn hạn	15	506.608.286.948	631.593.950.941
312	2. Phải trả người bán	16	153.247.778.710	170.473.985.024
313	3. Người mua trả tiền trước	17	100.039.020.794	81.200.887.725
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	60.769.026.206	65.754.013.514
315	5. Phải trả người lao động		1.390.483.083	2.385.833.588
316	6. Chi phí phải trả	19	321.781.720.482	363.723.072.435
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	1.344.360.102.133	840.482.674.678
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		77.070.000	77.070.000
330	II. Nợ dài hạn		1.520.923.088.202	1.457.108.772.561
333	1. Phải trả dài hạn khác	21	85.501.954.480	50.841.908.958
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	1.337.130.369.900	1.304.227.869.677
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.4	98.290.763.822	101.781.973.700
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		-	257.020.226
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	7.937.953.963.635	7.133.591.004.712
410	I. Vốn chủ sở hữu		7.937.953.963.635	7.133.591.004.712
411	1. Vốn cổ phần		7.190.479.110.000	6.190.479.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		307.376.827.511	656.376.827.511
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.673.910.000)	(11.983.150.000)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.154.986.000	9.154.986.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		434.616.950.124	289.563.231.201
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ		49.574.630.965	20.210.584.710
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.996.725.171.158	10.766.601.849.888

Nguyễn Viết Đoàn
Người lập

Phạm Thanh Thêm
Kế toán trưởng

Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	404.673.518.033	295.216.933.845
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(61.113.650.354)	(283.973.268.650)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	343.559.867.679	11.243.665.195
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(168.686.096.495)	(19.270.210.376)
20	5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.873.771.184	(8.026.545.181)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	150.109.859.078	216.198.034.757
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	26	(110.594.613.289) (101.905.784.291)	(125.404.893.977) (90.425.972.718)
24	8. Chi phí bán hàng		(2.833.036.901)	(3.708.970.073)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(75.133.287.665)	(55.051.519.310)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		136.422.692.407	24.006.106.216
31	11. Thu nhập khác	27	30.710.115.624	50.331.564.643
32	12. Chi phí khác	27	(13.467.829.912)	(17.819.721.073)
40	13. Lợi nhuận khác	27	17.242.285.712	32.511.843.570
45	14. Phần lỗ trong công ty liên kết	13.1	(2.629.993.794)	(1.540.327.219)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		151.034.984.325	54.977.622.567
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(9.754.944.784)	(7.753.888.435)
52	17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	28.4	3.491.209.878	43.060.739.013
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		144.771.249.419	90.284.473.145
61	<i>Phân bổ:</i> 18.1 Cổ đông của Công ty		144.362.958.923	87.229.973.624
62	18.2 Lợi ích của cổ đông thiểu số		408.290.496	3.054.499.521
70	19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	23.4	202	146

Nguyễn Viết Đoàn
Người lập

Phạm Thanh Thêm
Kế toán trưởng

Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		151.034.984.325	54.977.622.567
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10,12	20.363.198.022	25.052.323.604
03	Các khoản dự phòng		10.411.916.392	36.680.161.053
04	Lãi chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	24.2	(6.348.379.220)	(3.828.615.470)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(120.452.626.862)	(207.906.930.915)
06	Chi phí lãi vay	26	101.905.784.291	90.425.972.718
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		156.914.876.948	(4.599.466.443)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(61.872.905.970)	414.066.262.594
10	Tăng hàng tồn kho		(767.159.423.614)	(377.265.142.321)
11	Giảm các khoản phải trả		(38.694.045.932)	(100.614.885.324)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		17.180.081.384	(30.901.956.502)
13	Tiền lãi vay đã trả		(154.400.704.127)	(124.177.652.241)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(9.536.302.130)	(43.398.447.261)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(857.568.423.441)	(266.891.287.498)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(2.970.037.443)	(1.211.369.762)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	946.727.287
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(233.324.722.525)	(487.959.557.634)
27	Cổ tức và lợi nhuận được chia		42.896.597.936	62.940.574.744
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(193.398.162.032)	(425.283.625.365)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Nhận chi viện		1.215.272.000.000	813.531.593.291
	Tiền tạm ứng hoá đơn nhận được		23.508.710.000	-
	Tiền nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		25.000.000.000	5.500.000.000
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	23.1	-	(1.721.400.000)
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(224.263.602.276)	(95.413.592.383)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.039.517.107.724	721.896.600.908

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(11.449.477.749)	29.721.688.045
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	60.108.301.683	30.386.613.638
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	48.658.823.934	60.108.301.683


Nguyễn Viết Đoàn
Người lập


Phạm Thanh Thêm
Kế toán trưởng


Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Tập đoàn xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 663 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 583).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 7 công ty con sau đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

- **Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo**
Là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo GCNĐKKD số 4104000027 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001, và các GCNĐKKD đã điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, nhà ở. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.
- **Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (“TAD”)**
Là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 5003000109 do Sở KH & ĐT tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005, và các GCNĐKKD đã điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 94% vốn chủ sở hữu của công ty con này.
- **Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo**
Là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103000408 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001, và các GCNĐKKD đã điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 94,5% vốn cổ phần của công ty con này.
- **Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276**

Là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103008558 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 11 năm 2007, và các GCNĐKKD đã điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng và quản lý các khu phức hợp văn phòng, căn hộ cao cấp và trung tâm thương mại, và cung cấp các dịch vụ phụ trợ như dịch vụ xử lý rác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần trong công ty con này.

- **Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông**
Là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103010071 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008, và các GCNĐKKD đã điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của công ty con này.
- **Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Đô Thị Tân Tạo Mê Kông**
Là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103010034 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008, và các GCNĐKKD đã điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp các dịch vụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của công ty con này.
- **Công ty Cổ phần Bờ Biển Dài Tân Tạo**
Là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 1701391473 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2010. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 60% vốn cổ phần của công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là đất đai, nhà xưởng trong các khu công nghiệp, nhà ở, căn hộ trong các khu đô thị và các tài sản của các dự án bất động sản khác đã hoàn thành hoặc đang xây dựng chủ yếu để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí phát triển đất như chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản và các chi phí khác có liên quan;
- Chi phí xây dựng và phát triển; và
- Chi phí lãi vay thỏa điều kiện vốn hóa.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của hàng tồn kho bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của hàng tồn kho bán đi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính dựa trên giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu trừ.

3.5. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 47 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Đất	36 - 39 năm
Nhà cửa và nhà xưởng	15 - 37 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.



Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc thời gian xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.7. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là hai (2) năm.

3.8. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại (nếu có) phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian hai (2) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết. Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí hội đủ điều kiện để vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11. Thuê hoạt động

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Tập đoàn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Thay đổi của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16. Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế tiêu thụ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán đất khu công nghiệp đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán đất khu công nghiệp đã phát triển cơ sở hạ tầng được xác định là giá trị hiện tại tổng số tiền được nhận và sẽ được nhận khi lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng

Doanh thu cho thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu khi tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên đi thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo phạm vi Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tất cả khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, trái phiếu, các khoản nợ và vay.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	413.795.098	218.280.698
Tiền gửi ngân hàng	44.462.028.836	59.890.020.985
Các khoản tương đương tiền	3.783.000.000	-
TỔNG CỘNG	48.658.823.934	60.108.301.683 VNĐ

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.349.336.106.319	1.288.686.217.674
Bên thứ ba, trong đó:	693.251.914.533	696.117.829.566
- Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam	132.016.112.987	132.016.112.987
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Đức	87.251.423.436	86.179.731.950
- Công ty Cổ phần Đầu tư-Khai thác-Sản xuất và cung cấp nước sạch ITA	101.737.548.017	61.451.534.644
- Công ty CP sữa công nghệ cao Việt Nam - US	19.232.389.354	41.467.301.194
- Các khách hàng khác	353.014.440.739	375.003.148.791
TỔNG CỘNG	2.042.588.020.852	1.984.804.047.240
Trong đó:		
Ngắn hạn		
- Bên liên quan	270.901.683.440	264.956.313.173
- Bên thứ ba	404.401.063.157	455.004.060.377
	675.302.746.597	719.960.373.550
Dài hạn		
- Bên liên quan	1.078.434.422.879	1.023.729.904.501
- Bên thứ ba	288.850.851.376	241.113.769.189
	1.367.285.274.255	1.264.843.673.690

Tập đoàn đã thế chấp một phần các khoản phải thu khách hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 22).



6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	49.191.610.912	48.145.416.162
Bên thứ ba, trong đó:	486.367.260.429	370.752.045.564
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Sài Gòn – MeKong	222.303.440.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Đức	150.276.730.319	318.821.430.955
- Công ty Cổ phần Delta Miền Nam	44.798.191.394	24.786.482.665
- Các bên khác	68.988.898.716	27.144.131.944
TỔNG CỘNG	535.558.871.341	418.897.461.726

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	505.694.309.874	609.320.836.029
Bên thứ ba, trong đó:	666.318.543.747	613.148.194.386
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	589.273.170.255	570.325.836.493
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nghiên cứu và Xuất khẩu Gạo thơm ITA-RICE	41.818.228.732	2.904.850.000
- Các khách hàng khác	35.227.144.760	39.917.507.893
TỔNG CỘNG	1.172.012.853.621	1.222.469.030.415

8. HÀNG TỒN KHO

Chi tiết hàng tồn kho theo các dự án của Tập đoàn được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu công nghiệp (“KCN”) Tân Đức - Giai đoạn I & II	1.137.961.154.603	1.021.786.822.843
Khu E-City Tân Đức	997.759.249.934	763.725.632.855
Khu chung cư Tân Đức	366.728.789.489	363.890.607.582
KCN Tân Tạo – Khu Hiện hữu và Mở rộng	485.491.485.166	295.957.217.841
Khu vui chơi giải trí Tân Đức	329.148.898.538	266.969.020.356
Đất chưa phát triển cơ sở hạ tầng	214.384.560.000	214.384.560.000
Nhà xưởng cho thuê - KCN Tân Đức	101.327.360.912	113.219.634.507
Trung tâm Nhiệt điện Kiên Lương	391.391.240.961	157.325.056.553
Chung cư Tân Tạo Plaza	26.971.713.942	27.676.194.940
Khu dân cư Tân Đức	74.155.434.369	79.498.302.483
Dự án khác	178.595.119.197	113.042.463.120
TỔNG CỘNG	4.303.915.007.111	3.417.475.513.080

Tập đoàn đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất của các dự án này làm tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh số 15 và 22) và cho các khoản vay của các công ty liên quan (Thuyết minh số 29).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	102.304.792.786	6.559.661.683	26.246.891.284	1.824.347.769	71.556.420	137.007.249.942
Tăng trong năm	725.808.225	150.620.000	-	-	-	876.428.225
Số cuối năm	103.030.601.011	6.710.281.683	26.246.891.284	1.824.347.769	71.556.420	137.883.678.167
Trong đó						
Đã khấu hao hết	5.776.848.792	3.651.807.887	6.155.601.994	1.572.894.544	30.480.000	17.187.633.217
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(32.884.400.115)	(6.125.513.801)	(22.766.614.523)	(1.685.464.519)	(71.556.420)	(63.533.549.378)
Khấu hao trong năm	(6.576.291.723)	(361.082.045)	(2.636.206.105)	(52.169.937)	-	(9.625.749.810)
Số cuối năm	(39.460.691.838)	(6.486.595.846)	(25.402.820.628)	(1.737.634.456)	(71.556.420)	(73.159.299.188)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	69.420.392.671	434.147.882	3.480.276.761	138.883.250	-	73.473.700.564
Số cuối năm	63.569.909.173	223.685.837	844.070.656	86.713.313	-	64.724.378.979



10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	16.696.109.435	4.296.215.505	20.992.324.940
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(1.018.993.404)	(4.296.215.505)	(5.315.208.909)
Hao mòn trong năm	(186.771.336)	-	(186.771.336)
Glảm khác	836.850.766	-	836.850.766
Số cuối năm	(368.913.974)	(4.296.215.505)	(4.665.129.479)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	15.677.116.031	-	15.677.116.031
Số cuối năm	16.327.195.461	-	16.327.195.461

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù, giải tỏa và quyền sử dụng đất (*)	100.000.000.000	100.000.000.000
Dự án tòa nhà lưu trú công nhân	36.806.398.106	36.806.398.106
Triển khai phần mềm SAP	4.979.246.600	4.979.246.600
Nhà máy xử lý nước thải	5.231.858.026	4.858.876.088
Tài sản khác	2.895.980.433	2.687.663.153
TỔNG CỘNG	149.913.483.165	149.332.183.947

(*) Khoản này tại thể hiện số tiền đền bù, chi phí giải phóng mặt bằng và quyền sử dụng đất đã phát sinh liên quan đến lô đất tọa lạc tại số 220 Bis Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, cho mục đích xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 – một công ty con của Công ty.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	21.909.795.907	215.191.499.130	237.101.295.037
Chuyển từ hàng tồn kho	-	30.528.736.702	30.528.736.702
Số cuối năm	21.909.795.907	245.720.235.832	267.630.031.739
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(8.424.033.766)	(30.092.098.568)	(38.516.132.334)
Hao mòn trong năm	(1.407.451.564)	(9.980.076.078)	(11.387.527.642)
Số cuối năm	(9.831.485.330)	(40.072.174.646)	(49.903.659.976)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	13.485.762.141	185.099.400.562	198.585.162.703
Số cuối năm	12.078.310.577	205.648.061.186	217.726.371.763

Thuyết minh bổ sung:

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi trên sổ tại ngày này.

Khoản phải thu tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày trong Thuyết minh số 30.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc của các khoản đầu tư		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	384.745.203.317	362.827.734.586
Các khoản đầu tư dài hạn khác	3.118.440.620.282	2.893.663.360.282
Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết (Thuyết minh số 13.2)	13.994.600.000	13.994.600.000
Góp vốn vào Công ty khác (Thuyết minh số 13.3)	3.049.570.263.869	2.824.793.003.869
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 13.4)	54.875.756.413	54.875.756.413
TỔNG CỘNG	3.503.185.823.599	3.256.491.094.868
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
Cổ phiếu niêm yết (Thuyết minh số 13.2)	(4.478.272.000)	(4.198.380.000)
Các công ty khác (Thuyết minh số 13.3)	(61.546.878.511)	(56.757.991.436)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.437.160.673.088	3.195.534.723.432

13.1. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tập đoàn đã đầu tư vào các công ty liên kết có loại hình kinh doanh dịch vụ liên quan đến các hoạt động chính của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên các công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
			% sở hữu (*)	Giá trị ghi sổ VNĐ	% sở hữu (*)	Giá trị ghi sổ VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư, tư vấn thương mại và đầu tư	Trước hoạt động	38,46	166.695.922.089	38,46	166.637.601.590
	Đầu tư xây dựng bệnh viện, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh, và đào tạo cán bộ ngành y tế	Trước hoạt động	49,00	122.581.967.820	49,00	113.330.455.964
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Tạo	Sản xuất và kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng, bao bì và xây dựng công trình	Trước hoạt động	42,00	82.328.744.318	42,00	82.859.677.032
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Quảng Bình	Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, kinh doanh khách sạn, nhà hàng	Đang hoạt động	20,00	13.138.569.090	-	-
TỔNG CỘNG				384.745.203.317		362.827.734.586

(*) Tỷ lệ sở hữu theo GCNĐKKD của các công ty này. Các công ty liên kết này chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán.

Bảng sau trình bày các thông tin tài chính tóm tắt về thay đổi của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm:

Giá trị đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Tạo	Công ty Cổ phần Xi măng Tân Tạo	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Quảng Bình	VNĐ Tổng cộng
Số đầu năm	188.625.256.784	113.606.498.924	84.000.000.000	-	386.231.755.708
Tăng giá trị đầu tư	412.850.000	11.134.612.525	-	13.000.000.000	24.547.462.525
Số cuối năm	189.038.106.784	124.741.111.449	84.000.000.000	13.000.000.000	410.779.218.233
Phần lũy kế (lỗ)lãi sau khi mua công ty liên kết					
Số đầu năm	(21.987.655.194)	(276.042.960)	(1.140.322.968)	-	(23.404.021.122)
Phần (lỗ)lãi từ công ty liên kết	(354.529.501)	(1.883.100.669)	(530.932.714)	138.569.090	(2.629.993.794)
Số cuối năm	(22.342.184.695)	(2.159.143.629)	(1.671.255.682)	138.569.090	(26.034.014.916)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	166.637.601.590	113.330.455.964	82.859.677.032	-	362.827.734.586
Số cuối năm	166.695.922.089	122.581.967.820	82.328.744.318	13.138.569.090	384.745.203.317



13.2. Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân				
Giá vốn đầu tư	13.994.600.000	1.399.460	13.994.600.000	1.399.460
Dự phòng giảm giá đầu tư	(4.478.272.000)		(4.198.380.000)	
GIÁ TRỊ THUẦN	9.516.328.000		9.796.220.000	

13.3. Góp vốn vào công ty khác

Tập đoàn đã góp vốn vào các công ty có các loại hình kinh doanh và dịch vụ liên quan đến các hoạt động chính của Tập đoàn với tỷ lệ lợi ích như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VNĐ	% sở hữu (*)	Giá trị VNĐ	% sở hữu (*)
Giá trị góp vốn				
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	1.751.232.089.908	19,00	1.686.851.829.908	17,00
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo ("TTUC")	811.560.043.671	15,00	654.163.043.671	15,00
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2	416.655.820.290	10,00	416.655.820.290	10,00
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đà Lạt	25.519.500.000	15,95	25.519.500.000	15,95
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Nhơn Hội	16.000.000.000	16,00	16.000.000.000	16,00
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	9.000.000.000	18,00	9.000.000.000	18,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo	11.000.000.000	7,27	8.000.000.000	7,27
Công ty Cơ khí 276	5.602.810.000	16,40	5.602.810.000	16,40
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	3.000.000.000	0,06	3.000.000.000	0,06
TỔNG CỘNG	3.049.570.263.869		2.824.793.003.869	
Dự phòng giảm giá đầu tư	(61.546.878.511)		(56.757.991.436)	
GIÁ TRỊ THUẦN	2.988.023.385.358		2.768.035.012.433	

(*) Tỷ lệ sở hữu theo GCNĐKKD của các công ty này.

13.4. Các khoản đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Bãi Sao (i)	53.053.395.384	53.053.395.384
Khoản đầu tư khác	1.822.361.029	1.822.361.029
TỔNG CỘNG	54.875.756.413	54.875.756.413

(i) Khoản này thể hiện giá mua 68.165 m² đất tại Bãi Sao, Ấp 4, xã An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

14. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã phát sinh khoản chi phí lãi vay vốn hóa trị giá 149.808.807.119 VNĐ (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 156.559.742.022 VNĐ). Những chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các công trình xây dựng các khu công nghiệp và các dự án phát triển bất động sản của Tập đoàn.

15. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	470.911.286.948	577.093.950.941
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.697.000.000	54.500.000.000
TỔNG CỘNG	506.608.286.948	631.593.950.941

Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp	Mục đích sử dụng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	24.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	Lãi suất cố định (11%/năm)	Quyền sử dụng của 931.366 m ² và các tài sản trên đất tại khu B, thuộc dự án E-City Tân Đức với tổng giá trị 1.974 tỷ VNĐ	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.697.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	Lãi suất cố định (12%/năm)	Quyền sử dụng của lô đất 1847 thuộc dự án Khu Dân cư Tân Đức ước tính khoảng 43,6 tỷ VNĐ và quyền sử dụng đã số T923649 tại KCN Tân Tạo giatri ước tính khoảng 35 tỷ VNĐ	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
TỔNG CỘNG	35.697.000.000				

(*) Tập đoàn dự định xin phê duyệt từ Ngân hàng về việc gia hạn trả các khoản vay này trong năm 2015.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	22.763.811.589	29.724.560.000
Bên thứ ba	130.483.967.121	140.749.425.024
TỔNG CỘNG	153.247.778.710	170.473.985.024

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước là các khoản tiền nhận trước không chịu lãi từ các khách hàng đối với các hợp đồng cho thuê đất và nhà xưởng tại các khu công nghiệp và hợp đồng mua bán đất mà Tập đoàn chưa bàn giao đất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	41.527.719.429	41.309.076.775
Thuế giá trị gia tăng	16.164.176.052	19.828.558.985
Thuế thu nhập cá nhân	440.672.463	854.654.224
Các loại thuế khác	2.636.458.262	3.761.723.530
TỔNG CỘNG	60.769.026.206	65.754.013.514

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	169.833.509.351	204.547.060.574
Chi phí hoàn thành các lô đất và nhà xưởng đã bán	109.580.955.126	117.541.851.975
Chi phí lãi vay từ khoản vay với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	37.059.116.640	37.059.116.640
Chi phí hoạt động	1.618.024.506	4.287.363.883
Các khoản khác	3.690.114.859	287.679.363
TỔNG CỘNG	321.781.720.482	363.723.072.435

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29) (*)	879.244.240.985	799.564.183.799
Bên thứ ba, trong đó:	465.115.861.148	40.918.490.879
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nghiên cứu và Xuất khẩu Gạo thơm ITA-RICE (*)	170.175.150.000	-
- Công ty Cổ phần Delta Miền Nam (*)	164.785.000.000	-
- Trường Đại học Tân Tạo (*)	73.893.000.000	-
- Các bên khác	56.262.711.148	40.918.490.879
TỔNG CỘNG	1.344.360.102.133	840.482.674.678

(*) Số dư này chủ yếu bao gồm các khoản nhận ứng trước mà Công ty có kế hoạch chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty theo các thỏa thuận giữa các bên và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	43.352.219.267	22.547.760.720
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	40.094.936.538	26.870.233.577
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.054.798.675	1.423.914.661
TỔNG CỘNG	85.501.954.480	50.841.908.958

(*) Số dư này thể hiện các khoản nhận đặt cọc từ các khách hàng của Tập đoàn theo các hợp đồng thuê đất và nhà xưởng và đất tại các khu công nghiệp.

22. VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng (ii)	1.639.733.302.921	1.703.579.583.655
Phát hành trái phiếu (i)	130.000.000.000	130.000.000.000
Vay dài hạn khác (iii)	38.308.353.927	47.742.236.963
TỔNG CỘNG	1.808.041.656.848	1.881.321.820.618
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	470.911.286.948	577.093.950.941
Vay dài hạn	1.337.130.369.900	1.304.227.869.677

Tập đoàn sử dụng các khoản vay này cho mục đích tài trợ việc xây dựng và phát triển các dự án bất động sản của Tập đoàn.

(i) **Phát hành trái phiếu**

Vào ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu với mệnh giá 130 tỷ VNĐ, và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 12 năm 2015. Lãi suất áp dụng là 16%/năm cho năm đầu tiên và trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng của các Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Gia Định, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Sài Gòn cộng 4%/năm cho các năm tiếp theo (dao động từ 10% đến 10,75%/năm). Trái phiếu được bảo lãnh phát hành bởi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được phát hành nhằm mục đích huy động nguồn vốn tài trợ cho việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng của Trung tâm Nhiệt điện Kiên Lương ở tỉnh Kiên Giang. Công ty đã sử dụng 14.000.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Hoàng Yến, 7.500.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu cả Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương và quyền sử dụng của 14.614,8 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu này.



(ii) Vay dài hạn từ ngân hàng:

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp	Mục đích vay
	VNĐ				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BITD V")	321.130.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 25 tháng 11 năm 2015	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3% -6% và được thay đổi mỗi 6 tháng (dao động từ 11,5% đến 13,9%/năm)	Quyền sử dụng của 41.786 m ² số T992375 tại KCN Tân Tạo; Quyền sử dụng của 248,7 ha đất và cơ sở hạ tầng tại Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương; Quyền sử dụng đất số AI 212802 diện tích 265.693 m ² tại KCN Tân Đức sở hữu bởi TAD.	Tài trợ dự án Kiên Lương
	32.700.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 25 tháng 11 năm 2015			Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	27.200.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 25 tháng 11 năm 2015			
	29.275.384.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 1 tháng 1 năm 2020		468.000 cổ phiếu ITA sở hữu bởi công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo; 350.000 cổ phiếu ITA sở hữu bởi TTUC; Quyền sử dụng đất số BC136293 diện tích 5.550 m ² và Quyền sử dụng đất số BO 218496 diện tích 2.486 m ² tại KCN Tân Đức sở hữu bởi TAD.	Tài trợ dự án Khu dân cư Tân Đức
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	177.400.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 24 tháng 12 năm 2015	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 4,2%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng (dao động từ 12% đến 13,9%/năm)	Quyền sử dụng đất tại Khu C thuộc dự án E-City Tân Đức với tổng trị giá 899,5 tỷ VNĐ; Nguồn thu từ dự án E-City Tân Đức	Tài trợ dự án E-City Tân Đức
	14.967.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 29 tháng 7 năm 2015		Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất của các khu I và III thuộc KCN Tân Đức giai đoạn I	Tài trợ dự án KCN Tân Đức giai đoạn I

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp	Mục đích vay
	VNĐ				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	154.440.828.961	Hoàn trả hàng quý đến ngày 20 tháng 10 năm 2016	Lãi suất hiện hành quy định bởi Ngân hàng và được thay đổi mỗi 6 tháng (dao động từ 12% đến 15%/năm)	561.839 m ² đất và cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn II thuộc quyền sở hữu của TAD	Tài trợ dự án KCN Tân Đức giai đoạn II
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	130.378.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2014 (*)	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm và được thay đổi mỗi 3 tháng (dao động từ 9% đến 10,5%/năm)	Quyền thu các khoản phải thu từ hợp đồng thuê lại đất, nhà xưởng và quyền sử dụng đất thuộc giai đoạn I và II của dự án đầu tư xây dựng KCN Tân Đức	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	202.148.208.334		Trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng của các ngân hàng BIDV, Vietcombank và Vietinbank + 3%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng (lãi suất trung bình 10,69%/năm)	Quyền sử dụng của 931.366 m ² và các tài sản trên đất tại khu B, và các tài sản trên đất tại khu C, thuộc dự án E-City Tân Đức với tổng giá trị 1.974 tỷ VNĐ	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	155.944.284.305	Hoàn trả mỗi 6 tháng đến ngày 15 tháng 8 năm 2015			Tài trợ dự án E-City Tân Đức
	129.957.305.556				Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	50.568.930.556				Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	9.437.688.745	Hoàn trả hàng tháng đến ngày 1 tháng 6 năm 2018	Lãi suất cố định 6,9%/năm	Quyền sử dụng và tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Nhà máy xử lý nước thải", giá trị 59 tỷ VNĐ	Tài trợ việc xây dựng Nhà máy xử lý nước thải
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	11.306.949.901	Hoàn trả hàng tháng đến ngày 28 tháng 10 năm 2018	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 4,5%/năm và được áp dụng đến khi có thông báo mới (dao động từ 12% đến 15%/năm)	7.000.000 cổ phiếu của TAD thuộc quyền sở hữu của Công ty; Quyền thu các khoản phải thu và 10 nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của TAD	Tài trợ dự án KCN Tân Đức giai đoạn I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp	Mục đích vay
VNĐ					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	58.065.681.317	Hoàn trả mỗi 6 tháng đến ngày 17 tháng 11 năm 2017	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 5,2%/năm và được thay đổi mỗi 3 tháng (trung bình 11%/năm)	Quyền sử dụng đất số BC 136291 và BC 136292 tại KCN Tân Đức với tổng giá trị là 161,9 tỷ VNĐ được sở hữu bởi TAD	Tài trợ dự án Kiên Lương
	20.000.000.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2016	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 5,2%/năm và được thay đổi mỗi 3 tháng (trung bình 11%/năm)	10 triệu cổ phần của TAD	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	30.697.041.246	Ngày 10 tháng 5 năm 2013 (*)	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng và thay đổi khi có thông mới (dao động từ 12,5% đến 13,5%/năm)	Quyền sử dụng đất số BC136290 diện tích 2.486 m ² thuộc dự án khu dân cư Tân Đức thuộc quyền sở hữu của TAD và Quyền sử dụng đất 54.571 m ² của dự án E-city Tân Đức thuộc quyền sở hữu của Công ty	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	41.000.000.000	Ngày 3 tháng 5 năm 2013 (*)			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	8.398.000.000	Ngày 3 tháng 2 năm 2014 (*)			
	18.700.000.000	Hoàn trả hàng tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Lãi tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +3%/năm và có thể được thay đổi mỗi 3 tháng (dao động từ 12,5% đến 13%/năm)	Quyền sử dụng của 28.934 m ² đất tại Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An với tổng giá trị là 46 tỷ VNĐ, thuộc sở hữu của TAD	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	15.400.000.000	Hoàn trả hàng tháng đến ngày 27 tháng 6 năm 2016	Lãi tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +3%/năm và có thể được thay đổi mỗi 3 tháng (dao động từ 12,5% đến 13%/năm)	Quyền sử dụng đất của 5.550 m ² thửa đất số 1845 và toàn bộ tài sản trên đất ở phường Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với tổng giá trị là 33,3 tỷ VNĐ thuộc quyền sở hữu của TAD	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
	618.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 15 tháng 6 năm 2015			Tài trợ dự án E-City Tân Đức
TỔNG CỘNG	1.639.733.302.921				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn phải trả	461.359.392.050	(*) Tập đoàn dự định xin phê duyệt từ Ngân hàng về việc gia hạn trả các khoản vay này trong năm 2015.			

(iii) Các khoản vay dài hạn khác

Bên cho vay	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp	Mục đích vay
VNĐ					
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	18.593.750.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 15 tháng 3 năm 2021	Lãi suất trái phiếu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh kỳ hạn 10 năm + 0,5%/năm (trung bình 9,8%/năm)	7.000.000 cổ phần của TAD	Tài trợ việc xây dựng công trình Khu căn hộ Tân Tạo
	4.220.756.715	Hoàn trả hàng quý đến ngày 15 tháng 9 năm 2019		2.500.000 cổ phần của TAD	Tài trợ việc xây dựng công trình nhamay xuylynươ tha
	9.714.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 28 tháng 12 năm 2017	Lãi suất cố định (13%/năm)	Quyền sử dụng đất với diện tích 24.327 m ² và tổng giá trị tài sản hoàn thành từ “Trung tâm Dạy Nghề Công nghệ và Ứng dụng Tân Đức” sở hữu bởi Công ty trị giá 123 tỷ VNĐ	Tài trợ dự án Khu dân cư Tân Đức
Quý đầu tư Phát triển Tỉnh Long An	5.779.847.212	Hoàn trả hàng đến ngày 25tháng 7 năm 2021	Lãi suất cố định (10%/năm)		
TỔNG CỘNG	38.308.353.927				
Trong đó:					
Vaydài hạn đến hạn phải trả	9.551.894.898				



23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	4.451.518.800.000	937.452.057.511	(8.053.570.000)	9.154.986.000	501.229.837.577	5.891.302.111.088
Phát hành cổ phiếu	1.156.780.320.000	-	-	-	-	1.156.780.320.000
Cổ phiếu thưởng	301.071.470.000	(281.075.230.000)	-	-	(19.996.240.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	281.075.230.000	-	(1.721.400.000)	-	(281.075.230.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(1.721.400.000)
Thu hồi lại cổ phiếu thường	-	-	(2.208.180.000)	-	2.208.180.000	-
Khác	33.290.000	-	-	-	(33.290.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	87.229.973.624	87.229.973.624
Số cuối năm	6.190.479.110.000	656.376.827.511	(11.983.150.000)	9.154.986.000	289.563.231.201	7.133.591.004.712
Năm nay						
Số đầu năm	6.190.479.110.000	656.376.827.511	(11.983.150.000)	9.154.986.000	289.563.231.201	7.133.591.004.712
Phát hành cổ phiếu (i)	1.000.000.000.000	(340.000.000.000)	-	-	-	660.000.000.000
Thu hồi lại cổ phiếu thường (ii)	-	-	(690.760.000)	-	690.760.000	-
Cổ phiếu thưởng (iii)	-	(9.000.000.000)	9.000.000.000	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	144.362.958.923	144.362.958.923
Số cuối năm	7.190.479.110.000	307.376.827.511	(3.673.910.000)	9.154.986.000	434.616.950.124	7.937.953.963.635

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2013, và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 0201/NQ-HĐQT-ITA-14 ngày 2 tháng 1 năm 2014 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để cản trừ công nợ với các đối tác chi viện đặc biệt cho Công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 100.000.000 cổ phiếu vào ngày 20 tháng 1 năm 2014 với giá phát hành là 6.600 VNĐ/cổ phiếu cho các đối tác này. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng 1.000.000.000.000 VNĐ và thặng dư vốn cổ phần của Công ty giảm 340.000.000.000 VNĐ tại ngày này thể hiện sự chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của các cổ phiếu.

(ii) Vào tháng 5 năm 2014, Công ty đã thu hồi 69.076 cổ phiếu thưởng đã phát hành cho nhân viên theo Chương trình Lựa chọn cho Người lao động từ các nhân viên đã nghỉ việc.

(iii) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông năm 2014, vào ngày 7 tháng 7 năm 2014, Ban Giám đốc quyết định thưởng 900.000 cổ phiếu quỹ cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Cán bộ công nhân viên, các cá nhân, tổ chức đóng góp vì sự phát triển của Công ty trong năm 2013, từ nguồn thặng dư vốn cổ phần của Công ty.

Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn cổ phần của Công ty tăng lên 7.190.479.110.000 VNĐ, và đã được chấp thuận theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 10 năm 2014.

23.2. Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	6.190.479.110.000	4.451.518.800.000
Tăng trong năm	1.000.000.000.000	1.738.960.310.000
Trong đó:		
- Cổ phiếu phát hành mới	1.000.000.000.000	1.156.813.610.000
- Cổ phiếu thưởng	-	301.071.470.000
- Cổ tức trả bằng cổ phiếu	-	281.075.230.000
Số cuối năm	7.190.479.110.000	6.190.479.110.000

23.3. Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	719.047.911	619.047.911
Cổ phiếu đã phát hành	719.047.911	619.047.911
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	719.047.911	619.047.911
Cổ phiếu phổ thông	719.047.911	619.047.911
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(142.032)	(972.956)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	718.905.879	618.074.955



23.4. Lãi trên mỗi cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VNĐ)	144.362.958.923	87.229.973.624
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	713.719.093	598.129.834
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	202	146

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24. DOANH THU

24.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	404.673.518.033	295.216.933.845
Trong đó:		
Doanh thu bán đất KCN đã phát triển cơ sở hạ tầng	149.769.753.274	152.536.397.820
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.225.208.234	88.649.316.952
Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	81.181.542.620	-
Doanh thu cho thuê hoạt động nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	53.373.144.253	54.031.219.073
Doanh thu bán căn hộ	7.123.869.652	-
Hàng bán trả lại	(61.113.650.354)	(283.973.268.650)
Trong đó:		
Doanh thu bán đất KCN đã phát triển cơ sở hạ tầng	(59.687.121.574)	(283.352.854.415)
Doanh thu bán căn hộ	(1.426.528.780)	(620.414.235)
Doanh thu thuần	343.559.867.679	11.243.665.195
Trong đó:		
Doanh thu bán đất KCN đã phát triển cơ sở hạ tầng	90.082.631.700	(130.816.456.595)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.225.208.234	88.649.316.952
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	53.373.144.253	54.031.219.073
Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	81.181.542.620	-
Doanh thu bán căn hộ	5.697.340.872	(620.414.235)
Trong đó:		
Doanh thu với bên thứ ba	281.293.837.253	11.243.665.195
Doanh thu với bên liên quan	62.266.030.426	-
TỔNG CỘNG	343.559.867.679	11.243.665.195

24.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	122.902.333.989	179.432.492.060
Tiền lãi từ các khoản phải thu của hợp đồng thuê đất và nhà xưởng	20.641.507.138	28.203.472.074
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.348.379.220	3.828.615.470
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	2.624.244.237
Lãi tiền gửi ngân hàng	180.286.667	274.737.914
Thu nhập khác	37.352.064	1.834.473.002
TỔNG CỘNG	150.109.859.078	216.198.034.757

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn đất KCN đã phát triển cơ sở hạ tầng đã bán	32.082.710.143	5.578.962.961
Hoàn nhập giá vốn đất đã phát triển cơ sở hạ tầng trả lại	(45.805.426.163)	(84.632.479.168)
Giá vốn dịch vụ cung cấp	88.114.571.419	80.430.316.554
Giá vốn cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng	89.329.826.348	18.624.310.771
Giá vốn bán căn hộ	5.866.183.576	-
Hoàn nhập giá vốn bán căn hộ trả lại	(901.768.828)	(730.900.742)
TỔNG CỘNG	168.686.096.495	19.270.210.376

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	101.905.784.291	90.425.972.718
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	5.068.779.075	34.234.164.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.142.397.707	63.546.250
Các khoản khác	477.652.216	681.210.685
TỔNG CỘNG	110.594.613.289	125.404.893.977



27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	30.710.115.624	50.331.564.643
Thu nhập từ dịch vụ bảo trì hệ thống xử lý nước	22.400.000.000	8.539.448.888
Thu nhập từ việc hủy hợp đồng thuê	2.637.575.535	-
Hỗ trợ lãi suất nhận được	1.000.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	34.946.727.287
Khác	4.672.540.089	6.845.388.468
Chi phí khác	(13.467.829.912)	(17.819.721.073)
Giá trị còn lại tài sản cố định đã thanh lý	-	(5.206.699.127)
Khấu hao hệ thống xử lý nước thải	(4.500.846.537)	(2.548.878.097)
Chi phí phạt thuế TNDN chậm nộp	(4.913.233.793)	(6.621.627.006)
Khác	(4.053.749.582)	(3.442.516.843)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	17.242.285.712	32.511.843.570

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 22% lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức và Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 22% cho các năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức được miễn thuế TNDN trong 6 (sáu) năm từ 2006 đến 2012 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 (chín) năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1. Thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.754.944.784	7.753.888.435
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(3.491.209.878)	(43.060.739.013)
TỔNG CỘNG	6.263.734.906	(35.306.850.578)

28.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ kế toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lợi nhuận chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	151.034.984.325	54.977.622.567
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lỗ tính thuế	2.692.029.647	98.048.567.319
Thay đổi lợi nhuận từ việc bán đất đã phát triển cơ sở hạ tầng chịu thuế	4.543.466.863	29.398.773.630
Thay đổi dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	375.135.781	12.052.496.081
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.210.305.212	(5.364.877.877)
Thay đổi chi phí hoạt động phải trả	436.500.684	7.471.806.998
Phần lỗ trong công ty liên kết	2.629.993.794	1.540.327.219
Ảnh hưởng của khoản lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	5.154.174.768	-
Chi phí không được khấu trừ	3.920.257.459	7.696.834.793
Thu nhập từ cổ tức được miễn thuế	(122.426.665.000)	(179.432.492.060)
Khác	884.239.820	(250.237.204)
Lợi nhuận chịu thuế điều chỉnh	54.454.423.353	26.138.821.466
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	10.854.582.306	6.534.705.368
Thuế TNDN được giảm của công ty con	(931.869.642)	(1.007.494.641)
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu năm trước	(167.767.880)	2.226.677.708
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	9.754.944.784	7.753.888.435
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	41.309.076.775	79.780.687.374
Điều chỉnh khác	-	(2.827.051.773)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.536.302.130)	(43.398.447.261)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	41.527.719.429	41.309.076.775

28.3. Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 100.530.951.340 VNĐ (31 tháng 12 năm 2013: 98.002.400.690 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

			VNĐ	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2014	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2014
2013	2018	98.002.400.690	-	98.002.400.690
2014	2019	2.528.550.650	-	2.528.550.650
TỔNG CỘNG		100.530.951.340	-	100.530.951.340

Các khoản lỗ tính thuế trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y**
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y**28.4. Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lỗ tính thuế mang sang	22.116.809.295	21.560.528.152
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.813.332.251	3.679.413.802
Các khoản dự phòng	3.129.008.859	2.889.514.600
Trích trước chi phí hoạt động	2.249.500.987	2.153.470.837
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(5.662.020.261)	(6.808.287.407)
Lợi nhuận từ việc bán đất KCN đã phát triển cơ sở hạ tầng chưa chịu thuế	(110.426.254.022)	(110.745.472.753)
Các khoản khác	(14.511.140.931)	(14.511.140.931)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần	(98.290.763.822)	(101.781.973.700)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	3.491.209.878	43.060.739.013

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ Số tiền
Vinatexin Corp.	Công ty con	Chuyển đổi nợ thành vốn góp Cổ tức	3.000.000.000 2.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Mua lại đất Xóa nợ bằng việc mua lại đất Nhận tiền Chuyển tiền Góp vốn Chi tiền để mua lại đất	216.352.085.000 197.641.763.749 63.469.678.749 56.900.000.000 25.000.000.000 18.710.321.251
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Cổ đông lớn/Đồng sở hữu	Góp vốn Chuyển tiền Cần trừ công nợ phải thu và phải trả Nhận tiền	157.397.000.000 102.774.000.000 21.109.002.819 4.931.300.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo	Cổ đông lớn/Đồng sở hữu	Nhận chi viện Chuyển đổi nợ thành vốn chủ sở hữu Doanh thu từ bán đất Đất trả lại	528.294.000.000 456.683.719.800 104.997.255.426 42.731.225.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Tân Tạo	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Cổ tức Cần trừ công nợ phải thu và phải trả Góp vốn bằng tiền Nhận tiền	120.000.000.000 108.057.019.000 64.380.260.000 39.700.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Quảng Bình	Công ty liên kết	Chuyển đổi nợ thành vốn góp	13.000.000.000
Bệnh viện Tân Tạo	Công ty liên kết	Góp vốn bằng tiền	11.134.612.525
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận chi viện Chuyển đổi nợ thành vốn Cần trừ công nợ phải thu và phải trả	252.000.000.000 185.347.859.400 59.641.205.206
Công ty Cổ phần Năng Lượng Tân Tạo	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Phí san lấp Chuyển tiền Cần trừ công nợ phải thu và phải trả	172.569.050.000 159.100.000.000 108.057.019.000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	VNĐ Phải thu (phải trả)
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Bán đất	1.287.144.545.456
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo	Cổ đông lớn/ Đồng sở hữu	Bán đất	60.898.483.143
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Cổ đông lớn/ Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ	1.293.077.720
			1.349.336.106.319
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	47.740.567.163
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Cổ đông lớn/ Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ	1.451.043.749
			49.191.610.912
Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Cổ tức Tạm ứng	130.300.000.000 115.300.000.000
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Cổ đông lớn/ Đồng sở hữu	Tạm ứng	154.880.507.773
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức	46.644.621.854
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Tạm ứng	28.172.866.037
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức	20.000.300.000
Bên liên quan cá nhân	Bên liên quan	Khác	4.914.024.329
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Tạo	Công ty liên kết	Tạm ứng	3.994.086.881
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí và Sản xuất Media Ban Mai	Cổ đông lớn	Tạm ứng	987.353.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Tạm ứng	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Tân Tạo	Công ty liên kết	Tạm ứng	550.000
			505.694.309.874

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	VNĐ Phải thu (phải trả)
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Năng Lượng Tân Tạo	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Phí san lấp	(20.712.031.000)
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Cổ đông lớn/ Đồng sở hữu	Phí tư vấn	(2.051.780.589)
			(22.763.811.589)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo	Cổ đông lớn/ Đồng sở hữu	Nhận chi viện	(528.113.801.491)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận chi viện	(345.890.385.394)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Tân Tạo	Công ty liên kết	Nhận tạm ứng	(1.050.000.000)
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	(681.521.100)
			(875.735.707.985)
Chi phí phải trả			
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí và Sản xuất Media Ban Mai	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay	(37.059.116.640)

Các nghiệp vụ khác

Một phần giá trị quyền sử dụng đất của dự án E-City Tân Đức đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của một số công ty liên quan - Công ty Cổ phần Đầu tư Tín học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam trị giá 56.994.533.432 VNĐ.

Công ty cam kết sẽ điều chỉnh các thỏa thuận sử dụng tài sản đảm bảo nợ vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/TT-BTC “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012, sau ngày phát sinh các nghiệp vụ trên.

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.495.058.559	2.478.383.272
Trên 1 - 5 năm	5.281.804.375	5.198.427.942
Trên 5 năm	38.791.443.044	39.504.983.184
TỔNG CỘNG	46.568.305.978	47.181.794.398

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	45.944.250.164	44.409.825.096
Trên 1 - 5 năm	117.913.658.741	124.292.324.689
Trên 5 năm	129.515.095.607	146.454.539.043
TỔNG CỘNG	293.373.004.512	315.156.688.828

Các khoản cam kết chi phí đầu tư

Tập đoàn có các khoản cam kết theo hợp đồng cho các công trình xây dựng và dịch vụ phục vụ dự án tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giải phóng mặt bằng	243.063.516.081	56.087.800.000
Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng	167.832.591.620	671.656.785.652
Xây dựng nhà xưởng	29.639.914.360	53.015.698.227
Tư vấn nghiên cứu	9.094.604.822	29.523.389.360
Tư vấn thiết kế	656.326.269	1.700.011.426
Khác	121.364.499	2.953.729.900
TỔNG CỘNG	450.408.317.651	814.937.414.565

Các khoản cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty liên kết và các công ty liên quan khác được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ thấp hơn 20% như sau:

Công ty	Mối quan hệ	Vốn điều lệ		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Theo GCNĐKKD VNĐ	% sở hữu	Vốn điều lệ đã góp VNĐ	Vốn điều lệ chưa góp VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ dưới 20%	1.900.000.000.000	19,00	1.751.232.089.908	148.767.910.092
Công Ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2	Công ty được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ dưới 20%	1.000.000.000.000	10,00	416.655.820.290	583.344.179.710
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ dưới 20%	750.000.000.000	15,00	811.560.043.671	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	200.000.000.000	38,46	167.668.597.892	32.331.402.108
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tân Tạo	Công ty liên kết	147.000.000.000	49,00	124.741.111.449	22.258.888.551
TỔNG CỘNG		3.997.000.000.000		3.271.857.663.210	725.142.336.790

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phát triển và đầu tư khu công nghiệp và khu dân cư, cung cấp thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng, và cung cấp các dịch vụ có liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	VNĐ				
	Doanh thu bán các lô đất khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng trên đất	Doanh thu cho thuê nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán căn hộ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	90.082.631.700	134.554.686.873	5.697.340.872	113.225.208.234	343.559.867.679
Tổng doanh thu	90.082.631.700	134.554.686.873	5.697.340.872	113.225.208.234	343.559.867.679
Kết quả					
Lợi nhuận gộp	103.805.347.720	45.224.860.525	732.926.124	25.110.636.815	174.873.771.184
Chi phí không phân bổ					(23.838.786.859)
Lợi nhuận thuần trước thuế					151.034.984.325
Chi phí TNDN					(6.263.734.906)
Lợi nhuận thuần sau thuếTNDN					144.771.249.419
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	5.282.286.450.871	445.801.979.966	623.230.314.974	643.656.891.663	6.880.233.529.366
Tài sản không phân bổ					5.116.491.641.792
Tổng tài sản					11.996.725.171.158
Công nợ bộ phận	476.134.195.082	15.057.576.046	117.913.668.276	57.220.920.274	571.918.212.230
Công nợ không phân bổ					3.437.278.364.328
Tổng công nợ					4.009.196.576.558

Năm trước	VNĐ				
	Doanh thu bán các lô đất khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng trên đất	Doanh thu cho thuê nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán căn hộ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	(130.816.456.595)	88.649.316.952	(620.414.235)	54.031.219.073	11.243.665.195
Tổng doanh thu	(130.816.456.595)	88.649.316.952	(620.414.235)	54.031.219.073	11.243.665.195
Kết quả					
Lợi nhuận (lỗ) gộp	(51.762.940.388)	33.084.251.984	110.486.507	10.541.656.716	(8.026.545.181)
Lợi nhuận không phân bổ					63.004.167.748
Lợi nhuận thuần trước thuế					54.977.622.567
Lợi ích TNDN					35.306.850.578
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					90.284.473.145
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	3.671.052.709.356	258.892.174.270	1.385.780.019.159	580.918.089.331	3.617.748.333.452
Tài sản không phân bổ					7.148.853.516.436
Tổng tài sản					10.766.601.849.888
Công nợ bộ phận	373.172.859.841	12.103.175.878	94.605.252.362	191.509.436.608	532.727.786.328
Công nợ không phân bổ					3.080.072.474.138
Tổng công nợ					3.612.800.260.466



32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm trái phiếu, các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Tập đoàn bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm trái phiếu, các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- > độ nhạy của bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- > độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và nền kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Tập đoàn dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

		VNĐ	
	Tăng/giảm từ điểm mốc	Ảnh hưởng đến chi phí của các dự án (hàng tồn kho)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay			
VNĐ	+186	22.477.312.559	(11.816.226.459)
VNĐ	-186	(22.477.312.559)	11.816.226.459
Năm trước			
VNĐ	+500	68.256.188.969	(28.527.252.062)
VNĐ	-500	(68.256.188.969)	28.527.252.062

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi chủ yếu ảnh hưởng đến chi phí phát triển các dự án bất động sản do Tập đoàn vay các khoản vay này để phát triển dự án, bổ sung nhu cầu vốn lưu động và được trình bày như sau:

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Tập Đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn là 9.516.328.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.796.220.000 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 951.632.800 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 979.622.000 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 951.632.800 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 979.622.000 VNĐ).

Rủi ro về bất động sản

Tập đoàn đã xác định được rủi ro liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản bao gồm: (i) chi phí của các dự án có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình triển khai dự án và (ii) giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản có thể giảm sút do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua. Tập đoàn thiết lập Phòng Kế hoạch và Đầu tư nhằm lập các kế hoạch đầu tư chi tiết nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình triển khai các dự án.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Tập đoàn nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi Tập đoàn gặp khó khăn để thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn cũng bị ảnh hưởng vì các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VNĐ Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ	376.608.286.948	1.337.130.369.900	1.713.738.656.848
Trái phiếu	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Phải trả người bán	153.247.778.710	-	153.247.778.710
Phải trả khác và chi phí phải trả	441.109.522.906	-	441.109.522.906
	1.100.965.588.564	1.337.130.369.900	2.438.095.958.464
Số đầu năm			
Các khoản vay và nợ	631.593.950.941	1.174.227.869.677	1.805.821.820.618
Trái phiếu	-	130.000.000.000	130.000.000.000
Phải trả người bán	170.473.985.024	-	170.473.985.024
Phải trả khác và chi phí phải trả	374.766.345.229	-	374.766.345.229
	1.176.834.281.194	1.304.227.869.677	2.481.062.150.871

và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, khoản đầu tư dài hạn và các cổ phần vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức làm tài sản thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng (Thuyết minh số 15 và 22).

Ngoài ra, một phần giá trị quyền sử dụng đất của các dự án của Công ty được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của một số công ty liên quan (Thuyết minh số 29).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư	3.118.440.620.282	(66.025.150.511)	2.893.663.360.282	(60.956.371.436)	3.052.415.469.771	2.832.706.988.846
Phải thu bên liên quan	1.855.030.416.193	-	1.898.007.053.703	-	1.855.030.416.193	1.898.007.053.703
Phải thu khách hàng	693.251.914.533	(4.353.300.000)	688.315.185.399	-	688.898.614.533	688.315.185.399
Phải thu khác	61.345.373.492	(5.931.954.310)	41.851.799.809	(4.942.116.993)	55.413.419.182	36.909.682.816
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.658.823.934	-	60.108.301.683	-	48.658.823.934	60.108.301.683
TỔNG CỘNG	5.776.727.148.434	(76.310.404.821)	5.581.945.700.876	(65.898.488.429)	5.700.416.743.613	5.516.047.212.447

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	1.843.738.656.848	1.935.821.820.618	1.843.738.656.848	1.935.821.820.618
Phải trả bên liên quan	61.554.449.329	70.784.689.148	61.554.449.329	70.784.689.148
Phải trả bên thứ ba	130.483.967.121	140.749.425.024	130.483.967.121	140.749.425.024
Các khoản phải trả, phải nộp khác	402.318.885.166	333.706.216.081	402.318.885.166	333.706.216.081
	2.438.095.958.464	2.481.062.150.871	2.438.095.958.464	2.481.062.150.871

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



34. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2014, và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 0902/NQ-HĐQT-ITA-15 ngày 9 tháng 2 năm 2015 thông qua phương án phát hành 119.376.938 cổ phiếu riêng lẻ để cân trừ công nợ với các đối tác chi viện đặc biệt cho Công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu vào ngày 4 tháng 3 năm 2015 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành thêm là 119.376.938 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Theo đó, tại ngày này vốn cổ phần của Công ty tăng 1.193.769.380.000 VNĐ.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để điều chỉnh GCNĐKKDV về việc tăng vốn nói trên.

Ngoài sự kiện trên, không còn sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.


Nguyễn Viết Đoàn
Người lập


Phạm Thanh Thêm
Kế toán trưởng


Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



* Giám sát thực hiện quy trình sản xuất lúa theo Tiêu chuẩn Global Gap
Supervising process of rice production under Global Gap standards



Tan Tao Investment and Industry Corporation

Consolidated financial statements

31 December 2014

GENERAL INFORMATION

THE COMPANY

Tan Tao Investment and Industry Corporation ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate ("BRC") No. 4103001108 issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 15 July 2002 and the Amended BRC.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No. 68/UB-CK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

The principal activities of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group") are developing industrial park and infrastructure; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by the Company in industrial parks; providing logistical services in industrial parks, investment consulting, and science and technology transfer consulting; constructing, civil and transportation projects; providing forwarding and warehousing services; constructing electricity works up to 35 KV; trading residential houses (constructing or repairing houses for lease or sales).

The Company's registered head office is located at Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Mrs Dang Thi Hoang Yen	Chairwoman
Mr Nguyen Thanh Phong	Independent member
Mr Nguyen Tuan Minh	Member
Mr Tran Dinh Hung	Member
Mrs Nguyen Thi Lai	Member

MANAGEMENT

Members of the Management during the year and at the date of this report are:

Mr Thai Van Men General	Director
Mr Nguyen Tuan Minh	Deputy General Director
Mr Tran Dinh Hung	Deputy General Director

BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Mr Do Tuan Cuong	Head
Mrs Le Thi Phuong Chi	Member
Mr Nguyen Trong Dung	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Thai Van Men.

AUDITORS

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of Tan Tao Investment and Industry Corporation ("the Company") is pleased to present its report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group") for the year ended 31 December 2014.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- > select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- > make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- > state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- > prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

APPROVAL OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

We hereby approve the accompanying consolidated financial statements which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2014, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors:


Dang Thi Hoang Yen
 Chairwoman

30 March 2015



Reference: 60752657/16997388HN

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Tan Tao Investment and Industry Corporation

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Tan Tao Investment and Industry Corporation ("the Company") and its subsidiaries ("the Group") as prepared on 30 March 2015 and set out on pages 5 to 59, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2014, and the consolidated income statement and consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2014, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



Ernest Yoong Chin Kang
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1891-2013-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

30 March 2015

Pham Thi Cam Tu
Auditor
Audit Practicing Registration Certificate
No. 2266-2013-004-01



CONSOLIDATED BALANCE SHEET
as at 31 December 2014

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		6,735,871,231,273	5,860,848,410,746
110	I. Cash and cash equivalents	4	48,658,823,934	60,108,301,683
111	1. Cash		44,875,823,934	60,108,301,683
112	2. Cash equivalents		3,783,000,000	-
130	II. Current accounts receivable		2,372,589,217,249	2,356,384,748,698
131	1. Trade receivables	5	675,302,746,597	719,960,373,550
132	2. Advances to suppliers	6	535,558,871,341	418,897,461,726
135	3. Other receivables	7	1,172,012,853,621	1,222,469,030,415
139	4. Provision for doubtful debts		(10,285,254,310)	(4,942,116,993)
140	III. Inventories	8	4,303,915,007,111	3,417,475,513,080
141	1. Inventories		4,303,915,007,111	3,417,475,513,080
150	IV. Other current assets		10,708,182,979	26,879,847,285
151	1. Short-term prepaid expenses		189,093,648	16,778,859,431
152	2. Value-added tax deductible		422,824,975	59,241,675
154	3. Tax and other receivables from the State		433,057,581	-
158	4. Other current assets		9,663,206,775	10,041,746,179
200	B. NON-CURRENT ASSETS		5,260,853,939,885	4,905,753,439,142
210	I. Long-term receivable		1,367,285,274,255	1,264,843,673,690
211	1. Long-term trade receivables	5	1,367,285,274,255	1,264,843,673,690
220	II. Fixed assets		230,965,057,605	238,483,000,542
221	1. Tangible fixed assets	9	64,724,378,979	73,473,700,564
222	Cost		137,883,678,167	137,007,249,942
223	Accumulated depreciation		(73,159,299,188)	(63,533,549,378)
227	2. Intangible assets	10	16,327,195,461	15,677,116,031
228	Cost		20,992,324,940	20,992,324,940
229	Accumulated amortisation		(4,665,129,479)	(5,315,208,909)
230	3. Construction in progress	11	149,913,483,165	149,332,183,947
240	III. Investment properties	12	217,726,371,763	198,585,162,703
241	1. Cost		267,630,031,739	237,101,295,037
242	2. Accumulated depreciation		(49,903,659,976)	(38,516,132,334)
250	IV. Long-term investments	13	3,437,160,673,088	3,195,534,723,432
252	1. Investments in associates		384,745,203,317	362,827,734,586
258	2. Other long-term investments		3,118,440,620,282	2,893,663,360,282
259	3. Provision for long-term investments		(66,025,150,511)	(60,956,371,436)
260	V. Other long-term assets		7,716,563,174	8,306,878,775
261	1. Long-term prepaid expenses		7,716,563,174	8,306,878,775
270	TOTAL ASSETS		11,996,725,171,158	10,766,601,849,888

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	A. LIABILITIES		4,009,196,576,558	3,612,800,260,466
310	I. Current liabilities		2,488,273,488,356	2,155,691,487,905
311	1. Short-term loans	15	506,608,286,948	631,593,950,941
312	2. Trade payables	16	153,247,778,710	170,473,985,024
313	3. Advances from customers	17	100,039,020,794	81,200,887,725
314	4. Statutory obligations	18	60,769,026,206	65,754,013,514
315	5. Payables to employees		1,390,483,083	2,385,833,588
316	6. Accrued expenses	19	321,781,720,482	363,723,072,435
319	7. Other payables	20	1,344,360,102,133	840,482,674,678
323	8. Bonus and welfare fund		77,070,000	77,070,000
330	II. Non-current liabilities		1,520,923,088,202	1,457,108,772,561
333	1. Other long-term liabilities	21	85,501,954,480	50,841,908,958
334	2. Long-term loans and debts	22	1,337,130,369,900	1,304,227,869,677
335	3. Deferred tax liabilities	28.4	98,290,763,822	101,781,973,700
338	4. Unearned revenues		-	257,020,226
400	B. OWNERS' EQUITY	23	7,937,953,963,635	7,133,591,004,712
410	I. Capital		7,937,953,963,635	7,133,591,004,712
411	1. Share capital		7,190,479,110,000	6,190,479,110,000
412	2. Share premium		307,376,827,511	656,376,827,511
414	3. Treasury shares		(3,673,910,000)	(11,983,150,000)
418	4. Financial reserve fund		9,154,986,000	9,154,986,000
420	5. Undistributed earnings		434,616,950,124	289,563,231,201
439	C. MINORITY INTERESTS		49,574,630,965	20,210,584,710
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		11,996,725,171,158	10,766,601,849,888


Nguyen Viet Doan
Preparer/Chief Accountant

30 March 2015


Pham Thanh Them
General Director


Thái Văn Men
General Director



CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
for the year ended 31 December 2014

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenues from sale of goods and rendering of services	24.1	404,673,518,033	295,216,933,845
02	2. Deductions	24.1	(61,113,650,354)	(283,973,268,650)
10	3. Net revenues from sale of goods and rendering of services	24.1	343,559,867,679	11,243,665,195
11	4. Costs of goods sold and services rendered	25	(168,686,096,495)	(19,270,210,376)
20	5. Gross profit(loss) from sale of goods and rendering of services		174,873,771,184	(8,026,545,181)
21	6. Finance income	24.2	150,109,859,078	216,198,034,757
22	7. Finance expenses	26	(110,594,613,289)	(125,404,893,977)
23	In which: Interest expense		(101,905,784,291)	(90,425,972,718)
24	8. Selling expenses		(2,833,036,901)	(3,708,970,073)
25	9. General and administrative expenses		(75,133,287,665)	(55,051,519,310)
30	10. Operating profit		136,422,692,407	24,006,106,216
31	11. Other income	27	30,710,115,624	50,331,564,643
32	12. Other expenses	27	(13,467,829,912)	(17,819,721,073)
40	13. Other profit	27	17,242,285,712	32,511,843,570
45	14. Share of loss in associates	13.1	(2,629,993,794)	(1,540,327,219)
50	15. Profit before tax		151,034,984,325	54,977,622,567
51	16. Current corporate income tax expense	28.2	(9,754,944,784)	(7,753,888,435)
52	17. Deferred income tax benefit	28.4	3,491,209,878	43,060,739,013
60	18. Net profit after tax		144,771,249,419	90,284,473,145
61	Attributable to:			
	18.1 Equity holders of the Company		144,362,958,923	87,229,973,624
62	18.2 Minority interests		408,290,496	3,054,499,521
70	19. Basic and diluted earnings per share(VND/share)	23.4	202	146

Nguyen Viet Doan
Preparer/Chief Accountant

Pham Thanh Them
General Director



Thai Van Men
General Director

30 March 2015

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
for the year ended 31 December 2014

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	Profit before tax		151,034,984,325	54,977,622,567
	Adjustments for:			
02	Depreciation and amortisation	9,10,12	20,363,198,022	25,052,323,604
03	Provisions		10,411,916,392	36,680,161,053
04	Unrealised foreign exchange gains	24.2	(6,348,379,220)	(3,828,615,470)
05	Profit from investing activities		(120,452,626,862)	(207,906,930,915)
06	Interest expense	26	101,905,784,291	90,425,972,718
08	Operating profit (loss) before changes in working capital		156,914,876,948	(4,599,466,443)
09	(Increase)decrease in receivables		(61,872,905,970)	414,066,262,594
10	Increase in inventories		(767,159,423,614)	(377,265,142,321)
11	Decrease in payables		(15,185,335,932)	(100,614,885,324)
12	Decrease (increase) in prepaid expenses		(38,694,045,932)	(30,901,956,502)
13	Interest paid		(154,400,704,127)	(124,177,652,241)
14	Corporate income tax paid	28.2	(9,536,302,130)	(43,398,447,261)
20	Net cash flows used in operating activities		(857,568,423,441)	(266,891,287,498)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchase and construction of fixed assets		(2,970,037,443)	(1,211,369,762)
22	Proceeds from disposals of fixed assets		-	946,727,287
25	Payments for investments in other entities		(233,324,722,525)	(487,959,557,634)
27	Dividends and interest received		42,896,597,936	62,940,574,744
30	Net cash flows used in investing activities		(193,398,162,032)	(425,283,625,365)
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
	Special support received		1,215,272,000,000	813,531,593,291
	Operating advances received		23,508,710,000	-
	Capital contribution from minority interest		25,000,000,000	5,500,000,000
32	Capital redemption	23.1	-	(1,721,400,000)
34	Repayment of borrowings		(224,263,602,276)	(95,413,592,383)
40	Net cash flows from financing activities		1,039,517,107,724	721,896,600,908



VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
50	Net (decrease) increase in cash and cash equivalents		(11,449,477,749)	29,721,688,045
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	4	60,108,301,683	30,386,613,638
70	Cash and cash equivalents at end of year	4	48,658,823,934	60,108,301,683

Nguyen Viet Doan
Preparer/Chief Accountant

30 March 2015

Pham Thanh Them
General Director



Thai Van Men
General Director

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS as at and for the year ended 31 December 2014

1. CORPORATE INFORMATION

Tan Tao Investment and Industry Corporation ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Business Registration Certificate ("BRC") No. 4103001108 issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 15 July 2002 and the amended BRC.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No. 68/UB-CK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

The principal activities of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group") are developing industrial park and infrastructure; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by the Company in industrial parks; providing logistical services in industrial parks, investment consulting, and science and technology transfer consulting; constructing, civil and transportation projects; providing forwarding and warehousing services; constructing electricity works up to 35 KV; trading residential houses (constructing or repairing houses for lease or sales).

The Company's registered head office is located at Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Group's employees as at 31 December 2014 was 663 (31 December 2013: 583).

Corporate structure

The Company's corporate structure includes 7 subsidiaries which are consolidated into the Group's consolidated financial statements:

Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd.

This is a one-member limited liability company established in accordance with BRC No. 4104000027 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 12 September 2001 as amended. Its principal activities are buying, selling and leasing out residential houses, workshops, offices, warehouses; and providing repair services. Its principal activities are buying, selling and leasing out residential houses, workshops, offices, warehouses; and providing repair services. As at 31 December 2014, the Company owns 100% interest in this subsidiary.

Tan Duc Investment Corporation ("TAD")

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 5003000109 issued by the DPI of Long An province on 27 June 2005 as amended. Its principal activities are investing in construction and developing industrial parks, city and port and supporting services; space, workshop, office, hotel, restaurant and commercial center leasing. As at 31 December 2014, the Company owns 94% interest in this subsidiary.

Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103000408 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 8 May 2001 as amended. Its principal activities are forwarding goods overseas and domestically by sea, air, rail and land; providing agency services for delivery and transfer of import- export goods by air, sea, rail and land; warehouse leasing, loading and unloading, storing, packing good services and customs declaration services. As at 31 December 2014, the Company owns 94.5% interest in this subsidiary.

Tan Tao 276 Investment Corporation

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103008558 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 27 November 2007 as amended. Its principal activities are developing and managing office complexes, high-rise apartments and shopping centres, and provision of ancillary services such as waste disposal. As at 31 December 2014, the Company owns 51% interest in this subsidiary.

Tan Tao Mekong Sky Corporation

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103010071 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 21 April 2008 as amended. Its principal activities are construction and services. As at 31 December 2014, the Company owns 51% interest in this subsidiary.



Tan Tao Mekong City Investment and Trading Corporation

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103010034 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 17 April 2008 as amended. Its principal activities are constructing of civil, industrial projects and providing services. As at 31 December 2014, the Company owns 51% interest in this subsidiary.

Tan Tao Long Beach Joint Stock Company

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 1701391473 issued by the People Committee of Kien Giang Province on 17 June 2010. Its principal activities are providing the hotel and restaurant services. As at 31 December 2014, the Company owns 60% interest in this subsidiary.

2. BASIS OF PREPARATION

2.1. Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- > Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- > Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- > Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- > Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- > Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated balance sheet, consolidated income statement, consolidated cash flow statement and related notes, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2. Applied accounting documentation system

The applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.3. Fiscal year

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4. Accounting currency

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Group's accounting currency.

2.5. Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2014.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiaries are prepared for the same reporting year as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or loss resulting from intra-company transactions are eliminated in full.

Minority interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.2. Inventories

Inventories mainly comprise land, factories, properties in industrial parks, apartments in residential areas, completed or being constructed for sale in the ordinary course of business and other real estate projects, rather than to be held for rental or capital appreciation, and are measured at the lower of cost and net realizable value.

Cost includes:

- Planning and design costs, costs of land compensation, land lease fee, professional fees for legal services, property transfer taxes and other related costs;
- Construction and development cost; and
- Qualified borrowing costs.

The cost of inventory recognized in profit or loss on disposal is determined with reference to the specific costs incurred on the inventory sold and an allocation of any non-specific costs based on the relative size of the inventory sold.

Net realizable value represents the estimated selling price in the ordinary course of the business, based on market prices at the balance sheet date, less costs to completion and the estimated costs of sale.

3.3. Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the consolidated income statement.

3.4. Fixed assets

Tangible and intangible assets are stated at cost less accumulated depreciation or amortisation.

The cost of a fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the fixed asset to working condition for its intended use. Expenditures for additions, improvements and renewals are capitalised and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred. When fixed assets are sold or retired, their cost and accumulated depreciation/amortisation are removed from the consolidated balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the consolidated income statement.

Land use rights

Land use rights are recorded as intangible assets representing the value of the right to use the lands acquired by the Company. The useful lives of land use rights are assessed as either definite or indefinite. Accordingly, the land use right with definite useful lives representing the land lease are amortised over the lease term while the land use right with indefinite useful lives is not amortised.



3.5. Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	5 - 20 years
Machinery and equipment	4 - 10 years
Motor vehicles	5 - 10 years
Office equipment	3 - 6 years
Land use rights	20 - 47 years
Computer software	5 years

3.6. Investment properties

Investment properties are stated at cost including transaction costs less accumulated depreciation and amortisation.

Subsequent expenditure relating to an investment property that has already been recognized is added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

Depreciation and amortisation of investment properties are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Land	36 - 39 years
Buildings and factories	15 - 37 years

Investment properties are derecognised when either they have been disposed of or when the investment properties are permanently withdrawn from use and no future economic benefit is expected from its disposal. The difference between the net disposal proceeds and the carrying amount of the assets is recognised in the consolidated income statement in the year of retirement or disposal.

Transfers are made to investment properties when, and only when, there is a change in use, evidenced by ending of owner-occupation, commencement of an operating lease to another party or ending of construction or development. Transfers are made from investment properties when, and only when, there is change in use, evidenced by commencement of owner-occupation or commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the cost or the carrying value of the property for subsequent accounting at the date of change in use.

3.7. Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognized directly in the consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation. Goodwill is amortized over a two (2) year period on a straight-line basis.

3.8. Investments

Investments in associates

The Group's investments in its associates are accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence that are neither subsidiaries nor joint ventures. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Group's share of net assets of the associates. Goodwill (if any) arising on acquisition of the associate is included in the carrying amount of the investment and is amortized over a two (2) year period. The consolidated income statement reflects the share of the post-acquisition results of operation of the associate.

The share of post-acquisition profit (loss) of the associates is presented on the face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividends receivable from associates reduce the carrying amount of the investment.

The financial statements of the associates are prepared for the same reporting period as the parent company. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

Investments in securities and other investments

Investments in securities and other investments are stated at their acquisition costs.

Provision for diminution in value of investments

Provision is made for any diminution in value of the investments at the balance sheet date in accordance with the guidance under the Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 and Circular No. 89/2013/TT-BTC dated 28 June 2013 issued by the Ministry of Finance. Increases and decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

3.9. Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs are recognised as an expense when incurred, except when they qualify for capitalization. Capitalization of borrowing costs are applied for those that are directly attributable to the acquisition, construction or production of a qualifying asset.

3.10. Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated balance sheet and amortised over the year for which the amounts are paid or the year in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

3.11. Operating lease

Where the Group is the lessor

Assets subject to operating leases are included as the Group's investment property in the consolidated balance sheet. Initial direct costs incurred in negotiating an operating lease are recognised in the consolidated income statement as incurred.

Lease income is recognised in the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

Where the Group is the lessee

Rentals under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

3.12. Payables and accruals



Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

3.13. Accrual for severance pay

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting year for all employees who have been being inservice up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labour Code, the Law on Social Insurance and related implementing guidance. The average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Any change to the accrued amount will be taken to the consolidated income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 48 of the Labour Code.

3.14. Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Group's reporting currency of VND are recorded at the exchange rates ruling at the date of the transaction. At the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated at buying exchange rate announced by the commercial bank where the Group maintains bank accounts at the balance sheet date. All realised and unrealised foreign exchange differences are taken to the consolidated income statement.

3.15. Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognised at cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Group's own equity instruments.

3.16. Earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary shareholders, by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, where applicable.

Diluted earnings per share amount is calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Group (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.17. Appropriation of net profit

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval at the shareholders' meeting, and after making appropriations to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnamese regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the Annual General Meeting.

Financial reserve fund

This fund is set aside to protect the Group's normal operations from business risks or losses, or to prepare for unforeseen losses or damages for objective reasons and force majeure, such as fire, economic and financial turmoil of the country or elsewhere.

Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and

improvement of the employees' benefits, and presented as a liability on the consolidated balance sheet.

3.18. Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and other sales taxes or duty. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of industrial plots and related infrastructures

Revenue from the sale of industrial plots and related infrastructures are recorded at the present value of total consideration received and to be received when industrial plots and related infrastructure are transferred to the customers.

Revenue from finance lease of factories, warehouses and offices

Revenue from finance lease is recognised at the present value of minimum lease payments when the leased property has been transferred to the lessee.

Rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised as and when the services are rendered to the customers and are stated net of discounts, value-added tax and allowances.

Rental income

Rental income arising from operating leases is accounted for in the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

Interest income

Revenue is recognised as interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Group's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

3.19. Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted by the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes. Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax loss, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax loss can be utilised.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.



Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority.

3.20. Financial instruments

Financial instruments – initial recognition and presentation

> Financial assets

Financial assets within the scope of Circular No. 210/2009/TT-BTC dated 6 November 2009 issued by Ministry of Finance providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments ("Circular 210") are classified, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, as financial assets at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets as appropriate. The Group determines the classification of its financial assets at initial recognition.

All financial assets are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Group's financial assets include cash and cash equivalent, short-term deposits, trade and other receivables and other long-term investments.

> Financial liabilities

Financial liabilities within the scope of Circular 210 are classified, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, as financial liabilities at fair value through profit or loss or financial liabilities measured at amortised cost as appropriate. The Group determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.

All financial liabilities are recognised initially at cost net of directly attributable transaction costs.

The Group's financial liabilities include trade and other payables, bond, loans and borrowings.

Financial instruments – subsequent re-measurement

There is currently no guidance in Circular 210 in relation to subsequent re-measurement of financial instruments. Accordingly, the financial instruments are subsequently re-measured at cost.

Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the consolidated balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	413,795,098	218,280,698
Cash in banks	44,462,028,836	59,890,020,985
Cash equivalents	3,783,000,000	-
TOTAL	48,658,823,934	60,108,301,683

5. TRADE RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Related parties (Note 29)	1,349,336,106,319	1,288,686,217,674
Third parties, of which:	693,251,914,533	696,117,829,566
- Vietnamese Broadcasting Corporation	132,016,112,987	132,016,112,987
- Tan Duc Construction Investment Company Limited	87,251,423,436	86,179,731,950
- ITA Water Investment – Exploitation – Production & Supply Corporation	101,737,548,017	61,451,534,644
- Vietnam - US High Technology Dairy Corporation	19,232,389,354	41,467,301,194
- Others	353,014,440,739	375,003,148,791
TOTAL	2,042,588,020,852	1,984,804,047,240
Of which:		
Current portion		
- Related parties	270,901,683,440	264,956,313,173
- Third parties	404,401,063,157	455,004,060,377
	675,302,746,597	719,960,373,550
Non-current portion		
- Related parties	1,078,434,422,879	1,023,729,904,501
- Third parties	288,850,851,376	241,113,769,189
	1,367,285,274,255	1,264,843,673,690

The Group has pledged part of its receivables to secure for its long-term loans from banks (Note 22).

6. ADVANCES TO SUPPLIERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Related parties (Note 29)	49,191,610,912	48,145,416,162
Third parties, of which:	486,367,260,429	370,752,045,564
- Saigon-Mekong City Investment Corporation	222,303,440,000	-
- Tan Duc Construction Investment Company Limited	150,276,730,319	318,821,430,955
- Delta Mien Nam Corporation	44,798,191,394	24,786,482,665
- Others	68,988,898,716	27,144,131,944
TOTAL	535,558,871,341	418,897,461,726

7. OTHER RECEIVABLES

		VND
	Ending balance	Beginning balance
Related parties (Note 29)	505,694,309,874	609,320,836,029
Third parties, of which:	666,318,543,747	613,148,194,386
- Vietnam Land Development Corporation	589,273,170,255	570,325,836,493
- Tan Tao Rice Export and Development JSC	41,818,228,732	2,904,850,000
- Others	35,227,144,760	39,917,507,893
TOTAL	1,172,012,853,621	1,222,469,030,415

8. INVENTORIES

Detailed of inventories by the Group's projects as at the balance sheet dates are as follows:

		VND
	Ending balance	Beginning balance
Tan Duc Industrial Park (“IP”) - Phase I & II	1,137,961,154,603	1,021,786,822,843
E-City Tan Duc area	997,759,249,934	763,725,632,855
Tan Duc Apartment	366,728,789,489	363,890,607,582
Tan Tao IP - Expanding & Existing area	485,491,485,166	295,957,217,841
Tan Duc Entertainment area	329,148,898,538	266,969,020,356
Undeveloped land	214,384,560,000	214,384,560,000
Tan Duc IP - factories for lease	101,327,360,912	113,219,634,507
Kien Luong Energy and Power Center	391,391,240,961	157,325,056,553
Tan Tao Apartment Plaza	26,971,713,942	27,676,194,940
Tan Duc Residential area	74,155,434,369	79,498,302,483
Other	178,595,119,197	113,042,463,120
TOTAL	4,303,915,007,111	3,417,475,513,080

The Group used certain land use rights of these projects as collaterals for short-term and long-term loans from banks (*Notes 15 and 22*) and loans of certain related companies (*Note 29*).

9. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	Other assets	VND
Cost:						
Beginning balance	102,304,792,786	6,559,661,683	26,246,891,284	1,824,347,769	71,556,420	137,007,249,942
Increase	725,808,225	150,620,000	-	-	-	876,428,225
Ending balance	103,030,601,011	6,710,281,683	26,246,891,284	1,824,347,769	71,556,420	137,883,678,167
<i>In which:</i>						
Fully depreciated	5,776,848,792	3,651,807,887	6,155,601,994	1,572,894,544	30,480,000	17,187,633,217
Accumulated depreciation:						
Beginning balance	(32,884,400,115)	(6,125,513,801)	(22,766,614,523)	(1,685,464,519)	(71,556,420)	(63,533,549,378)
Depreciation for the year	(6,576,291,723)	(361,082,045)	(2,636,206,105)	(52,169,937)	-	(9,625,749,810)
Ending balance	(39,460,691,838)	(6,486,595,846)	(25,402,820,628)	(1,737,634,456)	(71,556,420)	(73,159,299,188)
Net carrying amount:						
Beginning balance	69,420,392,671	434,147,882	3,480,276,761	138,883,250	-	73,473,700,564
Ending balance	63,569,909,173	223,685,837	844,070,656	86,713,313	-	64,724,378,979



10. INTANGIBLE ASSETS

	VND		
	<i>Land use rights</i>	<i>Computer Software</i>	<i>Total</i>
Costs:			
Beginning and ending balances	16,696,109,435	4,296,215,505	20,992,324,940
Accumulated amortisation:			
Beginning balance	(1,018,993,404)	(4,296,215,505)	(5,315,208,909)
Amortisation for the year	(186,771,336)	-	(186,771,336)
Other decrease	836,850,766	-	836,850,766
Ending balance	(368,913,974)	(4,296,215,505)	(4,665,129,479)
Net carrying amount:			
Beginning balance	15,677,116,031	-	15,677,116,031
Ending balance	16,327,195,461	-	16,327,195,461

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Compensation, land clearance expense and land use right (*)	100,000,000,000	100,000,000,000
Workers' apartment plaza	36,806,398,106	36,806,398,106
SAP Software implementation	4,979,246,600	4,979,246,600
Waste water treatment plant	5,231,858,026	4,858,876,088
Others	2,895,980,433	2,687,663,153
TOTAL	149,913,483,165	149,332,183,947

(*) This amount represents the compensation, land clearance expense and land use right incurred related to the land lot located at 220 Bis Dien Ben Phu Street, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, for the purpose of constructing the office building for Tan Tao 276 Investment Corporation – the Company's subsidiary.

12. INVESTMENT PROPERTIES

	VND		
	<i>Land use rights</i>	<i>Buildings and structures</i>	<i>Total</i>
Cost:			
Beginning balance	21,909,795,907	215,191,499,130	237,101,295,037
Transfer from inventories	-	30,528,736,702	30,528,736,702
Ending balance	21,909,795,907	245,720,235,832	267,630,031,739
Accumulated depreciation:			
Beginning balance	(8,424,033,766)	(30,092,098,568)	(38,516,132,334)
Depreciation and amortisation for the year	(1,407,451,564)	(9,980,076,078)	(11,387,527,642)
Ending balance	(9,831,485,330)	(40,072,174,646)	(49,903,659,976)
Net carrying amount:			
Beginning balance	13,485,762,141	185,099,400,562	198,585,162,703
Ending balance	12,078,310,577	205,648,061,186	217,726,371,763

Additional disclosures:

- As at 31 December 2014, the fair value of investment properties hasnot been formally assessed. However, given the present high occupancy of these buildings and factories, and market value of land, it is management's assessment that these properties' marketvalues are higher than their carrying values at the balance sheet date.
- The future annual rental receivable under the operating lease is included in Note 30.

13. LONG-TERM INVESTMENTS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cost of investments		
Investments in associates (Note 13.1)	384,745,203,317	362,827,734,586
Other long-term investments	3,118,440,620,282	2,893,663,360,282
<i>Investments in listed shares (Note 13.2)</i>	<i>13,994,600,000</i>	<i>13,994,600,000</i>
<i>Investments in other entities (Note 13.3)</i>	<i>3,049,570,263,869</i>	<i>2,824,793,003,869</i>
<i>Other investments (Note 13.4)</i>	<i>54,875,756,413</i>	<i>54,875,756,413</i>
TOTAL	3,503,185,823,599	3,256,491,094,868
Provision for diminution in value of long-term investments		
Listed shares (Note 13.2)	(4,478,272,000)	(4,198,380,000)
Other entities (Note 13.3)	(61,546,878,511)	(56,757,991,436)
NET	3,437,160,673,088	3,195,534,723,432



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

13.1. Investments in associates

The Group has invested in the following associate of which business or services are related to its principal activities, with details of its interest as follows:

Name of associates	Business activities	Status	31 December 2014		31 December 2013	
			% of interest (*)	Carrying amount VND	% of interest (*)	Carrying amount VND
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Residential and industrial construction, and trading and investment consulting	Pre-operating	38.46	166,695,922,089	38.46	166,637,601,590
Tan Tao Hospital Corporation	Investing in construction of hospitals, import and export medicines and medical equipment and personnel training in health sector	Pre-operating	49.00	122,581,967,820	49.00	113,330,455,964
Tan Tao Cement Corporation	Manufacturing and trading of cement, building materials, packaging and construction	Pre-operating	42.00	82,328,744,318	42.00	82,859,677,032
Sai Gon - Quang Binh Tourist Company	Organizing domestic and international tours and running business of hotels and restaurants	Operating	20.00	13,138,569,090	-	-
TOTAL				384,745,203,317		362,827,734,586

(*) These are based on the latest BRC of the investee companies. These associates are not listed on any public stock exchange.

Details of movements of these investments in associates during the year are as follows:

	VND			
	Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Tan Tao Hospital Corporation	Tan Tao Cement Corporation	Sai Gon - Quang Binh Tourist Company
				Total
Cost of investment				
Beginning balance	188,625,256,784	113,606,498,924	84,000,000,000	-
Increase	412,850,000	11,134,612,525	-	13,000,000,000
Ending balance	189,038,106,784	124,741,111,449	84,000,000,000	410,779,218,233
Accumulated share in post-acquisition (loss) profit of the associates				
Beginning balance	(21,987,655,194)	(276,042,960)	(1,140,322,968)	-
Share in post-acquisition (loss) profit of the associates for the year	(354,529,501)	(1,883,100,669)	(530,932,714)	138,569,090
Ending balance	(22,342,184,695)	(2,159,143,629)	(1,671,255,682)	(26,034,014,916)
Net Carrying amount				
Beginning balance	166,637,601,590	113,330,455,964	82,859,677,032	-
Ending balance	166,695,922,089	122,581,967,820	82,328,744,318	13,138,569,090
				362,827,734,586
				384,745,203,317



13.2. Investments in listed shares

	Ending balance		Beginning balance	
	Amount VND	Number of shares	Amount VND	Number of shares
National Citizen Commercial Joint Stock Bank				
Cost of investment	13,994,600,000	1,399,460	13,994,600,000	1,399,460
Provision for diminution in value	(4,478,272,000)		(4,198,380,000)	
NET	9,516,328,000		9,796,220,000	

13.3. Investments in other entities

The Group has invested in the following entities, of which business or services are related to its principal activities, with details of its interests as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Amount VND	% of interest (*)	Amount VND	% of interest (*)
Cost of investment				
Tan Tao Energy Development Corporation	1,751,232,089,908	19.00	1,686,851,829,908	17.00
Tan Tao University Corporation ("TTUC")	811,560,043,671	15.00	654,163,043,671	15.00
Tan Tao Energy Corporation 2	416,655,820,290	10.00	416,655,820,290	10.00
Sai Gon Da Lat Joint Stock Company	25,519,500,000	15.95	25,519,500,000	15.95
Saigon - Nhon Hoi Industrial Park Corporation	16,000,000,000	16.00	16,000,000,000	16.00
Saigon Construction Materials Corp.	9,000,000,000	18.00	9,000,000,000	18.00
Vinatex - Tan Tao Investment Corporation	11,000,000,000	7.27	8,000,000,000	7.27
276 Mechanics Corporation	5,602,810,000	16.40	5,602,810,000	16.40
Tan Tao Agrimeco Mechannics- Energy Industrial Park Corporation	3,000,000,000	0.06	3,000,000,000	0.06
TOTAL	3,049,570,263,869		2,824,793,003,869	
Provision for diminution in value	(61,546,878,511)		(56,757,991,436)	
NET	2,988,023,385,358		2,768,035,012,433	

(*) These are based on the latest BRC of the investee companies.

13.4. Other long-term investments

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Bai Sao Project (i)	53,053,395,384	53,053,395,384
Others	1,822,361,029	1,822,361,029
TOTAL	54,875,756,413	54,875,756,413

(i) The amount represents the cost of 68,165 square meters of the land, which is located at Bai Sao, Ward 4, An Thoi Ward, Phu Quoc District, Kien Giang Province, Vietnam.

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Current portion of long-term loans (Note 22)	470,911,286,948	577,093,950,941
Short-term loans from banks	35,697,000,000	54,500,000,000
TOTAL	506,608,286,948	631,593,950,941



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Short-term loans from banks

Name of banks	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Vietnam Public Commercial Bank	24,000,000,000	31 December 2014 (*)	Fixed rate (11% p.a.)	Land use right of 931,366 m ² and attached assets on the land of area B of E-City Tan Duc with total amount of VND 1,974 billion	Financing the Group's working capital requirements
Vietnam Bank for Agricultural and Rural Development	11,697,000,000	31 December 2014 (*)	Fixed rate (12% p.a.)	Land use right of plot 1847 of Tan Duc Residential area with total estimated amount of VND 43.6 billion and land use right certificate No. T923649 of Tan Tao IP with total estimated amount of VND 35 billion	Financing the Group's working capital requirements
TOTAL	35,697,000,000				

(*) The Group plans to ask for the delay in settling these bank loans in 2015.

16. TRADE PAYABLES

	Ending balance	Beginning balance
Related parties (Note 29)	22,763,811,589	29,724,560,000
Third parties	130,483,967,121	140,749,425,024
TOTAL	153,247,778,710	170,473,985,024

17. ADVANCES FROM CUSTOMERS

Advances from customers represent the non-interest bearing advances for land lease contracts received from the Group's customers relating to land lots which has not been handed over as at the balance sheet date.

18. STATUTORY OBLIGATIONS

	Ending balance	Beginning balance
Corporate income tax (Note 28.2)	41,527,719,429	41,309,076,775
Value-added tax	16,164,176,052	19,828,558,985
Personal income tax	440,672,463	854,654,224
Other taxes	2,636,458,262	3,761,723,530
TOTAL	60,769,026,206	65,754,013,514

19. ACCRUED EXPENSES

	Ending balance	Beginning balance
Interest expense from banks and other parties	169,833,509,351	204,547,060,574
Cost-to-complete for the sold land and factories	109,580,955,126	117,541,851,975
Interest expense from loan with a related party (Note 29)	37,059,116,640	37,059,116,640
Operating expenses	1,618,024,506	4,287,363,883
Others	3,690,114,859	287,679,363
TOTAL	321,781,720,482	363,723,072,435

20. OTHER PAYABLES

	Ending balance	Beginning balance
Related parties (Note 29) (*)	875,735,707,985	799,564,183,799
Third parties, in which	468,624,394,148	40,918,490,879
- Tan Tao Rice Export and Development JSC(*)	170,175,150,000	-
- Delta Mien Nam Corporation (*)	164,785,000,000	-
- Tan Tao University (*)	73,893,000,000	-
- Others	59,771,244,148	40,918,490,879
TOTAL	1,344,360,102,133	840,482,674,678

(*) This amount mainly comprises advances received with the intention to convert into new shares of the Company in accordance with the relevant parties and the approval at the Annual General Shareholders Meeting.



21. OTHER LONG-TERM LIABILITIES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Interest expense	43,352,219,267	22,547,760,720
Long-term deposits (*)	40,094,936,538	26,870,233,577
Accrual for severance pay	2,054,798,675	1,423,914,661
TOTAL	85,501,954,480	50,841,908,958

(*) This amount represents the deposits received from the Group's customers for factory and land lease contracts in the industrial parks.

22. LONG-TERM LOANS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Long-term loans from banks (ii)	1,639,733,302,921	1,703,579,583,655
Issued bonds (i)	130,000,000,000	130,000,000,000
Other long-term loans (iii)	38,308,353,927	47,742,236,963
TOTAL	1,808,041,656,848	1,881,321,820,618
In which :		
Current portion (Note 15)	470,911,286,948	577,093,950,941
Non-current portion	1,337,130,369,900	1,304,227,869,677

The Group obtained these loans for the purpose of financing the construction and development of the Group's real estate projects.

(i) Issued bonds

On 10 December 2010, the Company issued bonds with principal amounting to VND 130 billion which will mature on 10 December 2015. The interest rate applied for the first year of issuance is 16% p.a and will be the average 12-month deposit rates of Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV") - Gia Dinh branch, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("VCB") - Ho Chi Minh branch, Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ("Vietinbank") - Ho Chi Minh branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Sai Gon Branch plus 4% p.a in the subsequent years (ranging from 10% to 10.75% p.a.). The bonds are guaranteed by the BIDV and are obtained for the purpose of financing the construction and development for the infrastructures of Kien Luong Energy and Power Center in Kien Giang Province. The Company has pledged 14,000,000 ITA shares of Mrs Dang Thi Hoang Yen and 7,500,000 ITA shares of Tan Dong Phuong Corporation and land use right of 14,614.8 square meters at Tan Tao Industrial Park in order to fulfil the collateral requirements.

(i) Long-term loans from banks				
Name of bank	Ending balance	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral Purpose
Bank for Investment and Development of Vietnam	VND			
	321,130,000,000	Quarterly repayment up to 25 November 2015	12-month saving rate + margin 3% - 6% p.a.(ranging from 11.5% to 13.9% p.a.)	Land use right No. T992375 of 41,786 m ² at Tan Tao IP; Land use right of 248.7 ha and infrastructure of Kien Luong Energy and Power Center; Land use right No. AI 212802 of 265,693 m ² at Tan Duc IP owned by TAD
	32,700,000,000	Quarterly repayment up to 25 November 2015		Financing Kien Luong project
	27,200,000,000	Quarterly repayment up to 25 November 2015		Financing working capital requirements
	29,275,384,000	Quarterly repayment up to 1 January 2020		Financing Tan Duc Residential area



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

(ii) Long-term loans from banks(continued)

Name of bank	Ending balance	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	177,400,000,000	Quarterly repayment up to 24 December 2015	12-month saving rate + fixed rate 4.2% p.a., and can be adjusted every 6 months (ranging from 12% to 13.9% p.a.)	Land use rights of area C of E-City Tan Duc project with total amount of VND 899.5 billion; Receivable from the E-City Tan Duc Project	Financing E-City Tan Duc Project
				Right to collect Receivable and Land use rights of Centre I and III of Tan Duc IP phase I	Financing Tan Duc IP phase I
Vietnam Maritime Joint Stock Bank	154,440,828,961	Quarterly repayment up to 20 October 2016	Prevailing interest rate applied by the Bank, can be adjusted every 6 months (ranging from 12% to 15% p.a.)	561,839 m ² of land and infrastructures at Tan Duc IP phase II owned by TAD	Financing Tan Duc IP phase II
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	130,378,000,000	25 December 2014 (*)	12-month saving rate + 3% p.a. and can be adjusted every 3 months (ranging from 9% to 10.5% p.a.)	Right to collect receivables from land and infrastructures sales and land use rights of phase I and II of Tan Duc IP	

Name of bank	Ending balance	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Vietnam Public Commercial Bank	202,148,208,334	Semi-annual repayment up to 15 August 2015	Average 12 month saving rate of BIDV, Vietcombank and Vietinbank + fixed rate 3% p.a. and can be adjusted every 6 months (average rate of 10.69% p.a.)	Land use right of 931,366 m ² and attached assets on the land of area B of E-City Tan Duc with total amount of VND 1,974 billion	Financing working capital requirements E-City Tan Duc Project
	155,944,284,305				
	129,957,305,556				
	50,568,930,556				
Vietnam Development Bank	9,437,688,745	Monthly repayment up to 1 June 2018	Fixed rate (6.9% p.a.)	Land use rights and total value of future finished assets from the project "Waste water treatment Plant" amounting to VND 59 billion	Financing construction of Waste water treatment Plant
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank	11,306,949,901	Monthly repayment up to 28 October 2018	12-month saving rate + 4.5% p.a., and applied until new interest rate announcement (ranging from 12% to 15% p.a.)	7,000,000 shares in TAD owned by the Company; Right to collect receivables and 10 warehouses owned by TAD	Financing Tan Duc IP phase I
National Citizen Commercial Joint Stock Bank	58,065,681,317	Semi-annual repayment up to 17 November 2017	12-month saving rate + 5.2% p.a., and can be adjusted every 3 months (average rate of 11% p.a.)	Land use rights No. BC1842 and BC1844at Tan Duc IP with total amount of VND 161.9 billion owned by TAD	Financing Kien Luong Project
	20,000,000,000	17 May 2016	12-month saving rate + 5.2% p.a., and can be adjusted every 3 months (average rate of 11% p.a.)	10,000,000 shares of TAD	Financing working capital requirements



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Name of bank	Ending balance	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
	VND				
National Citizen Commercial Joint Stock Bank (continued)	30,697,041,246 41,000,000,000 8,398,000,000	10 May 2013(*) 3 May 2013 (*) 3 February 2014(*)	Prevailing interest rate applied by the Bank, announced until new announcement(ranging from 12.5% to 13.5% p.a.)	Land use right no. BC 136290 of 2,486 m ² of Tan Duc Residential project owned by TAD and Land use right of 54,571 m ² of E-City Tan Duc projec owned by the Company	Financing working capital requirements
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	18,700,000,000	Monthly repayment up to 31 December 2018	12-month deposit rate + 3% p.a. and can be adjusted every 3 months (ranging from 12.5% to 13% p.a.)	Land use right of 28,934 m ² at Huu Thanh Ward, Duc Hoa District, Long An Province with total amount of VND 46 billion owned by TAD	Financing working capital requirements
	15,400,000,000	Monthly repayment upto 27 June 2016	12-month deposit rate + 3% p.a. and can be adjusted every 3 months (ranging from 12.5% to 13% p.a.)	Land use rights of 5,550 m ² at land No.1845 and attached assets on the land at Duc Hoa Ha Ward, Duc Hoa District, Long An Province with total amount of VND 33.3 billion owned by TAD	Financing working capital requirements
	618,000,000	Quarterly repayment up to 15 June 2015	12-month deposit rate + 3% p.a. and can be adjusted every 3 months (ranging from 12.5% to 13% p.a.)		Financing E-City Tan Duc Project
TOTAL	1,639,733,302,921				
In which:					
Current portion	461,359,392,050				

(*) The Group plans to ask for the delay in settling these bank loans in 2015.

(iii) Other long-term loans

Name of lenders	Ending balance	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
	VND				
Ho Chi Minh City Finance and Investment Stated-owned Company	18,593,750,000	Quarterly repayment up to 15 March 2021	Interest rate of 10-year Ho Chi Minh City's bond + 0.5% p.a. (average rate of 9.8% p.a.)	7,000,000 shares of TAD	Financing the construction of Tan Tao Apartment Plaza
	4,220,756,715	Quarterly repayment up to 15 Sep 2019		2,500,000 shares of TAD	Financing the construction of waste water treatment plant
Long An Province's Fund Investment and Development	9,714,000,000 5,779,847,212	Quarterly repayment up to 28 December 2017 Quarterly repayment up to 25 July 2021	Fixed rate (13% p.a.) Fixed rate (10% p.a.)	Land use right of 24,327 m ² and total value of future assets formed from the project "Vocational Training and Applications Tan Duc centres" owned by the Company amounting to VND 123 billion	Financing Tan Duc Residential area
TOTAL	38,308,353,927				
In which:					
Current portion	9,551,894,898				



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

23. OWNERS' EQUITY

23.1. Changes in owners' equity

	Share capital	Share premium	Treasury shares	Financial reserve fund	Undistributed earnings	VND Total
Previous year						
Beginning balance	4,451,518,800,000	937,452,057,511	(8,053,570,000)	9,154,986,000	501,229,837,577	5,891,302,111,088
Issuance of new shares	1,156,780,320,000	-	-	-	-	1,156,780,320,000
Bonus shares	301,071,470,000	(281,075,230,000)	-	-	(19,996,240,000)	-
Share dividends	281,075,230,000	-	-	-	(281,075,230,000)	-
Repurchase treasury shares	-	-	(1,721,400,000)	-	-	(1,721,400,000)
Bonus shares recovery	-	-	(2,208,180,000)	-	2,208,180,000	-
Other	33,290,000	-	-	-	(33,290,000)	-
Net profit for the year	-	-	-	-	87,229,973,624	87,229,973,624
Ending balance	6,190,479,110,000	656,376,827,511	(11,983,150,000)	9,154,986,000	289,563,231,201	7,133,591,004,712
Current year						
Beginning balance	6,190,479,110,000	656,376,827,511	(11,983,150,000)	9,154,986,000	289,563,231,201	7,133,591,004,712
Issuance of new shares (i)	1,000,000,000,000	(340,000,000,000)	-	-	-	660,000,000,000
Bonus shares recovery (ii)	-	-	(690,760,000)	-	690,760,000	-
Bonus shares (iii)	-	(9,000,000,000)	9,000,000,000	-	-	-
Net profit for the year	-	-	-	-	144,362,958,923	144,362,958,923
Ending balance	7,190,479,110,000	307,376,827,511	(3,673,910,000)	9,154,986,000	434,616,950,124	7,937,953,963,635

(i) In accordance with the Resolution of Shareholders dated 26 April 2013 and the Resolution of the Board of Directors No. 0201/NQ-HDQT-ITA-14 dated 2 January 2014, approving the issuance plan to net off the payables to other entities for their special support to the Company as at 31 December 2013, the Company completed the issuance of 100,000,000 new shares on 20 January 2014 at price of VND 6,600 per share to these entities. Accordingly, the Company's share capital increased by VND 1,000,000,000,000 and share premium decreased by VND 340,000,000,000 as at this date representing the aggregate difference between the issued price and the par value the shares.

(ii) In May 2014, the Company has recovered 69,076 bonus shares which were previously issued to employees under the Employee Share Option Plan from employees who resigned.

(iii) In accordance with the Resolution of Annual General Shareholders Meeting 2014, on 7 July 2014, the Company's management granted 900,000 treasury shares to reward for members of the Board of Management, the Executive Board, staff and employees, individuals and organizations for their dedication to the Company's development in 2013, which was covered by share premium.

Accordingly, the Company's share capital increased to VND 7,190,479,110,000 as at 31 December 2014 in accordance with the 17th amended BRC approved by the Planning and Investment of Ho Chi Minh city on 8 October 2014.

23.2. Capital transactions with owners and distribution of dividend, profit

	Current year	VND Previous year
Issued share capital		
Beginning balance	6,190,479,110,000	4,451,518,800,000
Increase, in which:	1,000,000,000,000	1,738,960,310,000
- Issued shares	1,000,000,000,000	1,156,813,610,000
- Bonus shares	-	301,071,470,000
- Stock dividends	-	281,075,230,000
Ending balance	7,190,479,110,000	6,190,479,110,000

23.3. Shares

	Number of shares	
	Ending balance	Beginning balance
Authorized shares	719,047,911	619,047,911
Issued shares	719,047,911	619,047,911
Issued and paid-up shares	719,047,911	619,047,911
Ordinary shares	719,047,911	619,047,911
Treasury shares		
Ordinary shares	(142,032)	(972,956)
Shares in circulation		
Ordinary shares	718,905,879	618,074,955

23.4. Earnings per share

	Current year	Previous year
Net profit attributable to ordinary equity holders of the parent (VND)	144,362,958,923	87,229,973,624
Weighted average number of ordinary shares	713,719,093	598,129,834
Basic and diluted earnings per share (VND)	202	146

There were no potential dilutive ordinary shares as at the balance sheet date.



24. REVENUES

24.1. Revenues from sale of goods and rendering of services

	VND	
	Current year	Previous year
Gross revenues	404,673,518,033	295,216,933,845
Of which :		
Sale of industrial plots and related infrastructures	149,769,753,274	152,536,397,820
Rendering of services	113,225,208,234	88,649,316,952
Finance lease of factories, warehouses and office	81,181,542,620	-
Operating lease of factories, warehouses and office	53,373,144,253	54,031,219,073
Sale of apartments	7,123,869,652	-
Sale return	(61,113,650,354)	(283,973,268,650)
Ofu which:		
Sale of industrial plots and related infrastructures	(59,687,121,574)	(283,352,854,415)
Sale of apartments	(1,426,528,780)	(620,414,235)
Net revenues	343,559,867,679	11,243,665,195
Of which :		
Sale of industrial plots and related infrastructures	90,082,631,700	(130,816,456,595)
Rendering of services	113,225,208,234	88,649,316,952
Operating lease of factories, warehouses and office	53,373,144,253	54,031,219,073
Finance lease of factories, warehouses and office	81,181,542,620	-
Sale of apartments	5,697,340,872	(620,414,235)
Of which :		
Sale from related parties	62,266,030,426	-
Sale from third parties	281,293,837,253	11,243,665,195
TOTAL	343,559,867,679	11,243,665,195

24.2. Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Dividend income	122,902,333,989	179,432,492,060
Interest income from land and factory rental contracts	20,641,507,138	28,203,472,074
Unrealised foreign exchange gains	6,348,379,220	3,828,615,470
Realised foreign exchange gains	-	2,624,244,237
Bank interest income	180,286,667	274,737,914
Others	37,352,064	1,834,473,002
TOTAL	150,109,859,078	216,198,034,757

25. COSTS OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	VND	
	Current year	Previous year
Cost of industrial plots and related infrastructures sold	32,082,710,143	5,578,962,961
Reversal of cost of industrial plots and related infrastructures returned	(45,805,426,163)	(84,632,479,168)
Cost of services rendered	88,114,571,419	80,430,316,554
Cost of factories, warehouses and office leased	89,329,826,348	18,624,310,771
Cost of residential apartments	5,866,183,576	-
Reversal of cost of residential apartments returned	(901,768,828)	(730,900,742)
TOTAL	168,686,096,495	19,270,210,376

26. FINANCE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Loan interest expense	101,905,784,291	90,425,972,718
Provision for diminution in value of investments	5,068,779,075	34,234,164,324
Realised foreign exchange loss	3,142,397,707	63,546,250
Others	477,652,216	681,210,685
TOTAL	110,594,613,289	125,404,893,977



27. OTHER INCOME AND EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Other income	30,710,115,624	50,331,564,643
Income from leasing out waste water treatment plant	22,400,000,000	8,539,448,888
Proceeds on disposal for cancellation of lease	2,637,575,535	-
Interest support received	1,000,000,000	-
Proceeds on disposal of fixed assets	-	34,946,727,287
Others	4,672,540,089	6,845,388,468
Other expenses	(13,467,829,912)	(17,819,721,073)
Net book value of disposed assets	-	(5,206,699,127)
Depreciation of water treatment systems	(4,500,846,537)	(2,548,878,097)
Tax penalty from CIT late payment	(4,913,233,793)	(6,621,627,006)
Others	(4,053,749,582)	(3,442,516,843)
NET OTHER PROFIT	17,242,285,712	32,511,843,570

28. CORPORATE INCOME TAX

The Company and its subsidiaries have the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 22% of taxable profit, except for Tan Duc Investment Corporation and Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd.

Tan Duc Investment Corporation is obliged to pay CIT at the rate of 10% for 15 years from commencement of its operations, and 22% for the years thereafter. Tan Duc Investment Corporation is entitled to an exemption from CIT for 6 years from 2006 to 2012, and a 50% reduction for the following 9 years.

Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd. is obliged to pay CIT at the rate of 20% of taxable profit.

The tax returns of the Company and its subsidiaries are subjects to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

28.1. CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current tax expense	9,754,944,784	7,753,888,435
Deferred tax income	(3,491,209,878)	(43,060,739,013)
TOTAL	6,263,734,906	(35,306,850,578)

28.2. Current tax

The current tax payable is based on taxable profit for the current year. Taxable profit of the Group for the period differs from profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

A reconciliation between the profit before tax and taxable profit for the year is presented below:

Net profit before tax	151,034,984,325	54,977,622,567
<i>Adjustments for:</i>		
Tax losses	2,692,029,647	98,048,567,319
Change in profit from sale of industrial plots and related infrastructures taxable	4,543,466,863	29,398,773,630
Change in provision for long-term investments	375,135,781	12,052,496,081
Change in unrealised foreign exchange differences	5,210,305,212	(5,364,877,877)
Change in accrued operating expenses	436,500,684	7,471,806,998
Shares of loss from associates	2,629,993,794	1,540,327,219
Effect of unrealised profit in consolidation	5,154,174,768	-
Non-deductible expenses	3,920,257,459	7,696,834,793
Exempted dividends income	(122,426,665,000)	(179,432,492,060)
Others	884,239,820	(250,237,204)
Adjusted net taxable profit	54,454,423,353	26,138,821,466
Estimated current CIT expense	10,854,582,306	6,534,705,368
CIT reduction of a subsidiary (Over) under accrued CIT from prior years	(931,869,642)	(1,007,494,641)
	(167,767,880)	2,226,677,708
Estimated current CIT expense	9,754,944,784	7,753,888,435
CIT payable at beginning of year	41,309,076,775	79,780,687,374
Other adjustment	-	(2,827,051,773)
CIT paid during the year	(9,536,302,130)	(43,398,447,261)
CIT payable at end of year	41,527,719,429	41,309,076,775

			VND	
Originating year	Can be utilized up to	Tax loss amount	Utilized at 31 December 2014	Unutilized at 31 December 2014
2013	2018	98,002,400,690	-	98,002,400,690
2014	2019	2,528,550,650	-	2,528,550,650
TOTAL		100,530,951,340	-	100,530,951,340

The above estimated tax losses have not been assessed by the local tax authority as of the date of these consolidated financial statements.



28.4 Deferred tax

The following are the deferred tax assets and deferred tax liabilities recognized by the Group, and the movements thereon, during the current and previous reporting year as follows:

	Consolidated balance sheet		Consolidated income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Tax losses carried forward	22,116,809,295	21,560,528,152	556,281,143	24,387,579,925
Unrealised profit in consolidation	4,813,332,251	3,679,413,802	1,133,918,449	(534,886,828)
Provisions	3,129,008,859	2,889,514,600	239,494,259	1,665,459,836
Accrual of operating expenses	2,249,500,987	2,153,470,837	96,030,150	(9,360,933,138)
Unrealised foreign exchange gains	(5,662,020,261)	(6,808,287,407)	1,146,267,146	3,655,958,273
Profit from sale of industrial plots and related infrastructures not yet taxable	(110,426,254,022)	(110,745,472,753)	319,218,731	21,279,773,656
Others	(14,511,140,931)	(14,511,140,931)	-	1,967,787,289
Net deferred tax liabilities	(98,290,763,822)	(101,781,973,700)	3,491,209,878	43,060,739,013
Net deferred CIT benefit				

29. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

Related parties	Relationship	Transactions	VND
			Amount
Vinatexin Corp.	Subsidiary	Capital contribution by debt	3,000,000,000
		Dividends	2,200,000,000
Tan Dong Phuong Corporation	Major shareholder	Repurchase of land	216,352,085,000
		Clearing debts for repurchase of land	197,641,763,749
		Operating advances received	63,469,678,749
		Cash transferred	56,900,000,000
		Capital contribution	25,000,000,000
		Payment for repurchase of land	18,710,321,251
Tan Tao University Corporation	Major shareholder/ Common owner	Capital contribution by cash	157,397,000,000
		Cash transferred	102,774,000,000
		Net off receivable and payable	21,109,002,819
		Operating advances received	4,931,300,000
Tan Tao Corp	Major shareholder/ Common owner	Special support received	528,294,000,000
		Converting debts into equity	456,683,719,800
		Sale of land	104,997,255,426
		Sales return	42,731,225,000
Tan Tao Energy Development Corporation	Common key management personnel	Dividend	120,000,000,000
		Net off receivable and payable	108,057,019,000
		Capital contribution in cash	64,380,260,000
		Cash received	39,700,000,000
Sai Gon - Quang Binh Tourist Company	Associate	Capital contribution by debt	13,000,000,000
Tan Tao Hospital	Associate	Capital contribution in cash	11,134,612,525
Tan Tao Infrastructure Corp	Related party	Special support received	252,000,000,000
		Converting debts into equity	185,347,859,400
		Net off receivable and payable	59,641,205,206
Tan Tao Energy Corporation	Common key management personnel	Ground clearing fee	172,569,050,000
		Cash transferred	159,100,000,000
		Net off receivable and payable	108,057,019,000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Amounts due from and due to related parties at the balance sheet date were as follows:

<i>Related parties</i>	<i>Relationship</i>	<i>Transactions</i>	<i>VND Receivable (payable)</i>
Trade receivables			
Tan Tao Energy Development Corporation	Common key management personnel	Sales of land	1,287,144,545,456
Tan Tao Corp	Major shareholder/ Common owner	Sales of land	60,898,483,143
Tan Tao University Corporation	Major shareholder/ Common owner	Service rendered	1,293,077,720
			1,349,336,106,319
Advances to suppliers			
Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	Common key personnel	Advance for service fee	47,740,567,163
Tan Tao University Corporation	Major shareholder/ Common owner	Advance for service fee	1,451,043,749
			49,191,610,912
Other receivables			
Tan Tao Energy Development Corporation	Common key management personnel	Dividends	130,300,000,000
		Advance	115,300,000,000
Tan Tao University Corporation	Major shareholder/ Common owner	Advance	154,880,507,773
Tan Tao Infrastructure Corp	Related party	Dividends	46,644,621,854
Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	Common key personnel	Advance	28,172,866,037
Tan Tao Land	Related party	Dividends	20,000,300,000
Other individual	Related party	Other	4,914,024,329
Tan Tao Cement Corporation	Associate	Advance	3,994,086,881
Twilight Communications - Entertainment & Media production Corporation	Major shareholder	Advance	987,353,000
Tan Dong Phuong Corporation	Major shareholder	Advance	500,000,000
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	Advance	550,000
			505,694,309,874

<i>Related parties</i>	<i>Relationship</i>	<i>Transactions</i>	<i>Receivable (payable)</i>
Trade payables			
Tan Tao Energy Corporation	Common key management personnel	Ground clearing fee	(20,712,031,000)
Tan Tao University Corporation	Major shareholder/Comm on owner	Consultant fee	(2,051,780,589)
			(22,763,811,589)
Other payables			
Tan Tao Corp	Major shareholder/ Common owner	Special supportreceived	(528,113,801,491)
Tan Tao Infrastructure Corp	Related party	Special supportreceived	(345,890,385,394)
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	Advance received	(1,050,000,000)
Other related party	Related party	Advance received	(681,521,100)
			(875,735,707,985)
Accrued expenses			
Twilight Communications - Entertainment & Media production Corporation	Major shareholder	Interest expense	(37,059,116,640)



30. COMMITMENTS AND CONTINGENCIES

Operating lease commitments

The Group is the lessee

The Group leases its office premises under operating lease arrangements. Future rental amounts due under operating lease as at the balance sheet date were as follows:

	Ending balance	Beginning balance	VND
Less than 1 year	2,495,058,559	2,478,383,272	
From 1 - 5 years	5,281,804,375	5,198,427,942	
More than 5 years	38,791,443,044	39,504,983,184	
TOTAL	46,568,305,978	47,181,794,398	

The Group is the lessor

The Group leases out assets under operating lease arrangements. The future minimum rental receivable as at the balance sheet date under the operating lease agreements is as follows:

	Ending balance	Beginning balance	VND
Less than 1 year	45,944,250,164	44,409,825,096	
From 1 - 5 years	117,913,658,741	124,292,324,689	
More than 5 years	129,515,095,607	146,454,539,043	
TOTAL	293,373,004,512	315,156,688,828	

Capital expenditure commitments

The Group has contractual commitments for the construction work and services for its projects as at the balance sheet date as follows:

	Ending balance	Beginning balance	VND
Ground clearing	243,063,516,081	56,087,800,000	
Construction of infrastructure systems	167,832,591,620	671,656,785,652	
Construction of warehouses	29,639,914,360	53,015,698,227	
Survey consultancy	9,094,604,822	29,523,389,360	
Design consultancy	656,326,269	1,700,011,426	
Others	121,364,499	2,953,729,900	
TOTAL	450,408,317,651	814,937,414,565	

Capital contribution obligation

As at 31 December 2014, the Group has also outstanding capital obligations for its investments in associates and other entities with direct interest less than 20% as follows:

Entities	As at 31 December 2014		Relationship	Charter capital		% of interest
	Contributed charter capital	Un-contributed charter capital		Amount as per BRC	VND	
Tan Tao Energy Development Corporation	1,751,232,089,908	148,767,910,092	Invested entity with interest less than 20%	1,900,000,000,000		19.00
Tan Tao Energy Corporation 2	416,655,820,290	583,344,179,710	Invested entity with interest less than 20%	1,000,000,000,000		10.00
Tan Tao University Corporation	811,560,043,671	-	Invested entity with interest less than 20%	750,000,000,000		15.00
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	167,668,597,892	32,331,402,108	Associate	200,000,000,000		38.46
Tan Tao Hospital Corporation	124,741,111,449	22,258,888,551	Associate	147,000,000,000		49.00
TOTAL	3,271,857,663,210	725,142,336,790		3,997,000,000,000		

31. SEGMENT INFORMATION

The primary segment reporting format is determined to be business segments as the Group's risks and rates of return are affected predominantly by differences in the products and services produced. The operating businesses are organised and managed separately according to the nature of the products and services provided, with each segment representing a strategic business unit that offers different products and serves different markets.

The Group is principally engaged in the development of industrial parks and in residential parks, provision of finance leases of factories, warehouses and offices, and rendering of related services.

Transfer prices between business segments are set on an arm's length basis in a manner similar to transactions with third parties. Segment revenue, segment expense and segment result include transfers between business segments. Those transfers are eliminated in preparation of the consolidated financial statements. The Group operates in one geographical segment which is Vietnam.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

The following tables present revenue, profit and certain assets and liability information regarding the Group's business segment:

	VND				
	Sale of industrial plots and related infrastructure	Finance lease of factories, warehouses and office	Sales of residential area	Other services	Eliminations
					Total
Current year					
Net revenue					
Sales to external customers	90,082,631,700	134,554,686,873	5,697,340,872	113,225,208,234	- 343,559,867,679
Total revenue	90,082,631,700	134,554,686,873	5,697,340,872	113,225,208,234	- 343,559,867,679
Results					
Gross profit	103,805,347,720	45,224,860,525	732,926,124	25,110,636,815	- 174,873,771,184
Unallocated expenses					(23,838,786,859)
Net profit before CIT					151,034,984,325
CIT expense					(6,263,734,906)
Net profit after tax					144,771,249,419
Assets and liabilities					
Segment assets	5,282,286,450,871	445,801,979,966	623,230,314,974	643,656,891,663	(114,742,108,108)
Unallocated assets					5,116,491,641,792
Total assets					11,996,725,171,158
Segment liabilities	476,134,195,082	15,057,576,046	117,913,668,276	57,220,920,274	571,918,212,230
Unallocated liabilities					3,437,278,364,328
Total liabilities					4,009,196,576,558

The following tables present revenue and profit and certain assets and liabilities information regarding the Group's business segment: (continued)

	Sale of industrial plots and related infrastructure	Finance lease of factories, warehouses and office	Sales of residential area	Other services	Eliminations	Total
Previous year						
Revenue						
Sales to external customers	(130,816,456,595)	88,649,316,952	(620,414,235)	54,031,219,073	-	11,243,665,195
Total revenue	(130,816,456,595)	88,649,316,952	(620,414,235)	54,031,219,073	-	11,243,665,195
Results						
Gross profit (loss)	(51,762,940,388)	33,084,251,984	110,486,507	10,541,656,716	-	(8,026,545,181)
Unallocated income						63,004,167,748
Net profit before CIT						54,977,622,567
CIT benefit						35,306,850,578
Net profit after tax						90,284,473,145
Assets and liabilities						
Segment assets	3,671,052,709,356	258,892,174,270	1,385,780,019,159	580,918,089,331	(2,278,894,658,664)	3,617,748,333,452
Unallocated assets						7,148,853,516,436
Total assets						10,766,601,849,888
Segment liabilities	373,172,859,841	12,103,175,878	94,605,252,362	191,509,436,608	(138,662,938,361)	532,727,786,328
Unallocated liabilities						3,080,072,474,138
Total liabilities						3,612,800,260,466



32. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES

The Group's principal financial liabilities comprise bond, loans and borrowings, trade and other payables. The main purpose of these financial liabilities is to finance the Group's operations. The Group has trade and other receivables, cash and cash equivalent, and short-term deposits that arise directly from its operations. The Group does not hold or issue derivative financial instruments.

The Group is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk.

Management reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below.

Market risk

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market prices comprise four types of risk: interest rate risk, currency risk, real estate risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include bond, loans and borrowings, deposits and available-for-sale investments.

The sensitivity analyses in the following sections relate to the position as at 31 December 2014 and 31 December 2013.

The sensitivity analyses have been prepared on the basis that the amount of net debt, the ratio of fixed to floating interest rates of the debt and the proportion of financial instruments in foreign currencies are all constant.

In calculating the sensitivity analyses, management assumed that:

- > the sensitivity of the balance sheet relates to available-for-sale debt instrument;
- > the sensitivity of the relevant income statement item is the effect of the assumed changes in respective market risks. This is based on the financial assets and financial liabilities held at 31 December 2014 and 31 December 2013.

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates. The Group's exposure to the risk of changes in market interest rates relates primarily to the Group's loans and debts with floating interest rates.

The Group manages its interest rate risk by keeping close watch on relevant market situation, including domestic and international money market and economy, in order to contemplate and adapt its leverage level as well as financing strategies to the prevailing situation.

Interest rate sensitivity

With all other variables held constant, the cost for development of property projects and the profit before tax of the Group are affected through the impact on floating rate borrowings because the Group obtained these loans for purposes of financing for the development of projects and its working capital requirements. The impact is disclosed as follows:

			VND
	Increase/decrease in basis points	Effect on cost of projects (inventories)	Effect on the profit before tax
Current year			
VND	+186	22,477,312,559	(11,816,226,459)
VND	-186	(22,477,312,559)	11,816,226,459
Previous year			
VND	+500	68,256,188,969	(28,527,252,062)
VND	-500	(68,256,188,969)	28,527,252,062

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates. The Group's exposure to the risk of changes in foreign exchange rates relates primarily to the Group's operating activities (when revenue or expense is denominated in a different currency from the Group's accounting currency).

The Group is exposed to foreign currency risk in relation to purchases and sales of goods which are denominated in currencies other than its accounting currency as disclosed in Note 2.4. The Group manages its foreign currency exposure by considering the prevailing and expected market situation when it plans for future purchases and sales of goods denominated in foreign currencies, other than increasing natural-hedged proportion. The Group does not employ any derivative financial instruments to hedge its foreign currency exposure.

The Group's exposure to foreign currency changes for foreign currencies is not material as at the balance sheet date.

Equity price risk

The Group's listed and unlisted equity securities are susceptible to market price risk arising from uncertainty about future values of the investment securities. The Group manages equity price risk by placing a limit on equity investments. The Group's Board of Directors reviews and approves all equity investment decisions.

At the reporting date, the exposure to listed equity securities at fair value was VND 9,516,328,000 (31 December 2013: VND 9,796,220,000). A decrease of 10% on the stock market index could have an impact of approximately VND 951,632,800 (31 December 2013: VND 979,622,000) on the Group's profit after tax, depending on whether or not the decline is significant or prolonged. An increase of 10% in the value of the listed securities would increase Group's profit after tax by VND 951,632,800 (31 December 2013: VND 979,622,000).

Real estate risk

The Group has identified the following risks associated with the real estate portfolio: (i) the cost of the development schemes may increase if there are delays in the planning process and (ii) the exposure of the fair values of the portfolio to market and occupier fundamentals. The Group established the Planning and Investment Department to prepare the detail investment plan in order to reduce the risks that may arise in the planning process.

Credit risk

Credit risk is the risk that counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Group is exposed to credit risk from its operating activities (primarily for trade receivables) and from its financing activities, including deposits with banks.

Bank deposits

The Group's bank balances are mainly maintained with well-known banks in Vietnam. Credit risk from balances with banks is managed by the Group's treasury department in accordance with the Group's policy. The Group's maximum exposure to credit risk for the components of the balance sheet at each reporting dates are the carrying amounts as illustrated in Notes 4. The Group evaluates the concentration of credit risk in respect to bank deposit is as low.

Trade receivables

Customer credit risk is managed by the Group based on its established policy, procedures and control relating to customer credit risk management. The Group evaluates the credit risk in respect to trade receivables as low.

Liquidity risk

The liquidity risk is the risk that the Group will encounter difficulty in meeting financial obligation due to shortage of funds. The Group encounters the liquidity risk due to the mismatches of maturities of financial assets and financial liabilities.

The Group monitors its liquidity risk by maintaining a level of cash and cash equivalents and bank loans deemed adequate by management to finance the Group's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Group's financial liabilities based on contractual undiscounted payments:

VND			
	Less than 1 year	From 1 to 5 years	Total
Ending balance			
Loans and borrowings	376,608,286,948	1,337,130,369,900	1,713,738,656,848
Issued bonds	130,000,000,000	-	130,000,000,000
Trade payables	153,247,778,710	-	153,247,778,710
Other payables and accrued expenses	441,109,522,906	-	441,109,522,906
	1,100,965,588,564	1,337,130,369,900	2,438,095,958,464
Beginning balance			
Loans and borrowings	631,593,950,941	1,174,227,869,677	1,805,821,820,618
Issued bonds	-	130,000,000,000	130,000,000,000
Trade payables	170,473,985,024	-	170,473,985,024
Other payables and accrued expenses	374,766,345,229	-	374,766,345,229
	1,176,834,281,194	1,304,227,869,677	2,481,062,150,871

The Group assessed the concentration of risk with respect to refinancing its debt and concluded it to be low. Access to sources of funding is sufficiently available and debt maturing within 12 months can be rolled over with existing lenders.

Collateral

The Group has pledged part of its land use rights, cash, trade receivables, long-term investments and shares in Tan Duc Investment Corporation in order to fulfil the collateral requirements for the bank loans (*Notes 15 and 22*).

In addition, certain land use rights of the Company's projects are used to secure certain loans of related companies (Note 29).

The Group did not hold collateral at 31 December 2014 and 31 December 2013.

Set out below is a comparison by class of the carrying amounts and fair value of the Group's financial instruments that are carried in the consolidated financial statements.

	Carrying amount		VND		Fair value	
	Ending balance	Provision	Beginning balance		Ending balance	Beginning balance
	Cost		Cost	Provision		
Financial assets						
Investments	3,118,440,620,282	(66,025,150,511)	2,893,663,360,282	(60,956,371,436)	3,052,415,469,771	2,832,706,988,846
Receivable from related parties	1,855,030,416,193	-	1,898,007,053,703	-	1,855,030,416,193	1,898,007,053,703
Trade receivables	693,251,914,533	(4,353,300,000)	688,315,185,399	-	688,898,614,533	688,315,185,399
Other receivables	61,345,373,492	(5,931,954,310)	41,851,799,809	(4,942,116,993)	55,413,419,182	36,909,682,816
Cash and cash equivalents	48,658,823,934	-	60,108,301,683	-	48,658,823,934	60,108,301,683
TOTAL	5,776,727,148,434	(76,310,404,821)	5,581,945,700,876	(65,898,488,429)	5,700,416,743,613	5,516,047,212,447
			VND			
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Financial liabilities						
Loans and borrowings			1,843,738,656,848	1,935,821,820,618	1,843,738,656,848	1,935,821,820,618
Payable to related parties			61,554,449,329	70,784,689,148	61,554,449,329	70,784,689,148
Trade payables to third parties			130,483,967,121	140,749,425,024	130,483,967,121	140,749,425,024
Other payables and accrued expenses			402,318,885,166	333,706,216,081	402,318,885,166	333,706,216,081
TOTAL			2,438,095,958,464	2,481,062,150,871	2,438,095,958,464	2,481,062,150,871

The fair value of the financial assets and liabilities are included at the amount at which the instrument could be exchanged in a current transaction between willing parties, other than in a forced or liquidation sale.

The fair values of cash and short-term deposits, trade receivables, trade payables and other current liabilities approximate their carrying amounts largely due to the short-term maturities of these instruments.



34. CORRESPONDING FIGURES

Certain figures in the consolidated balance sheet as at 31 December 2013 have been reclassified to conform with the current year's presentation.

35. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

The Resolution of Shareholders dated 26 April 2014 and the Resolution of the Board of Directors No. 0902/NQ-HDQT-ITA-15 dated 9 February 2015 approved the issuance plan of 119,376,938 shares to net off the payables to other entities for their special support to the Company as at 31 December 2014. The Company completed the issuance of 119,376,938 new shares on 4 March 2015 at price of VND 10,000 per share. Accordingly, the Company's share capital increased by VND 1,193,769,380,000 as at this date.

At the date of these consolidated financial statements, the Company is in the process of submitting relevant documents to Planning and Investment Department of Ho Chi Minh City to amend its BRC for this capital increase.

Except for the event above, there have been no other significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements.

Nguyen Viet Doan
Preparer/Chief Accountant

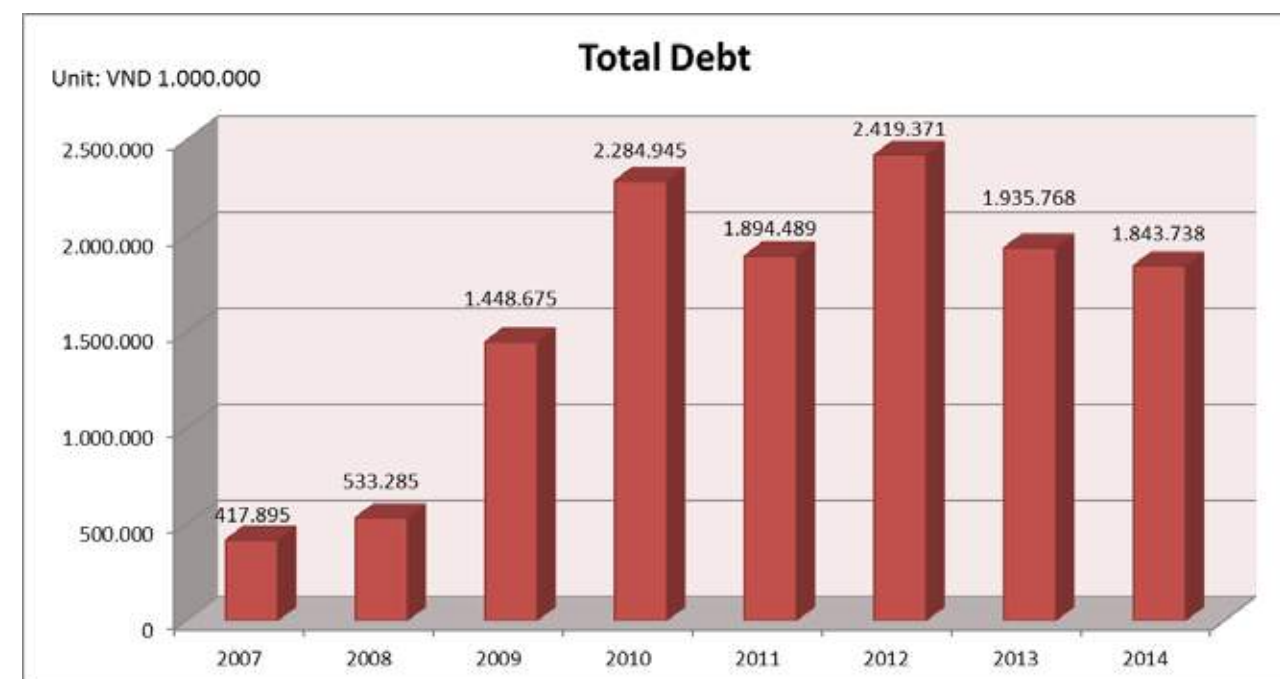
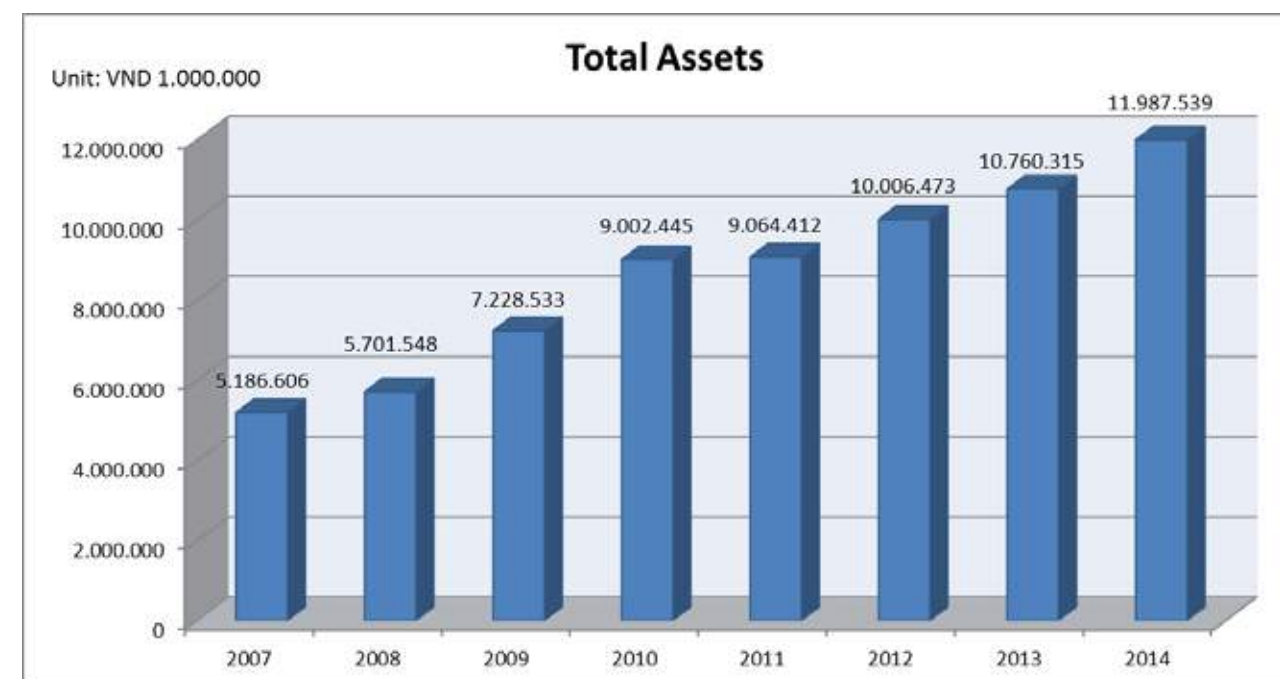
30 March 2015

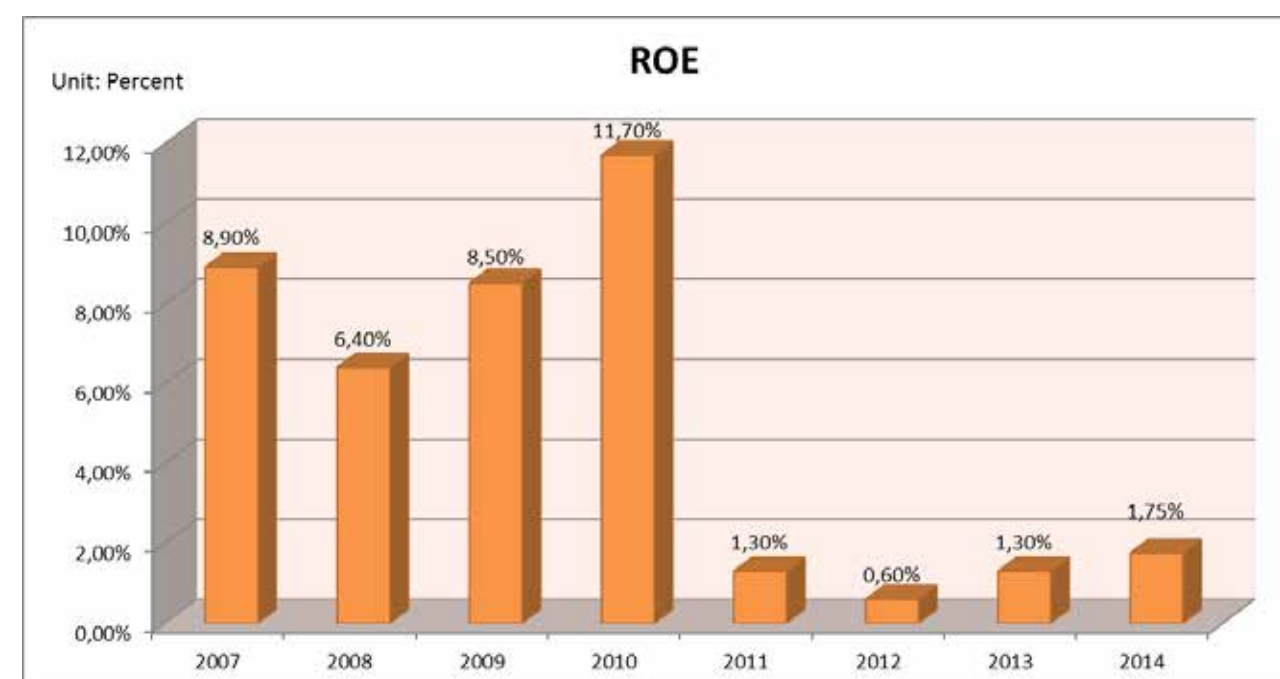
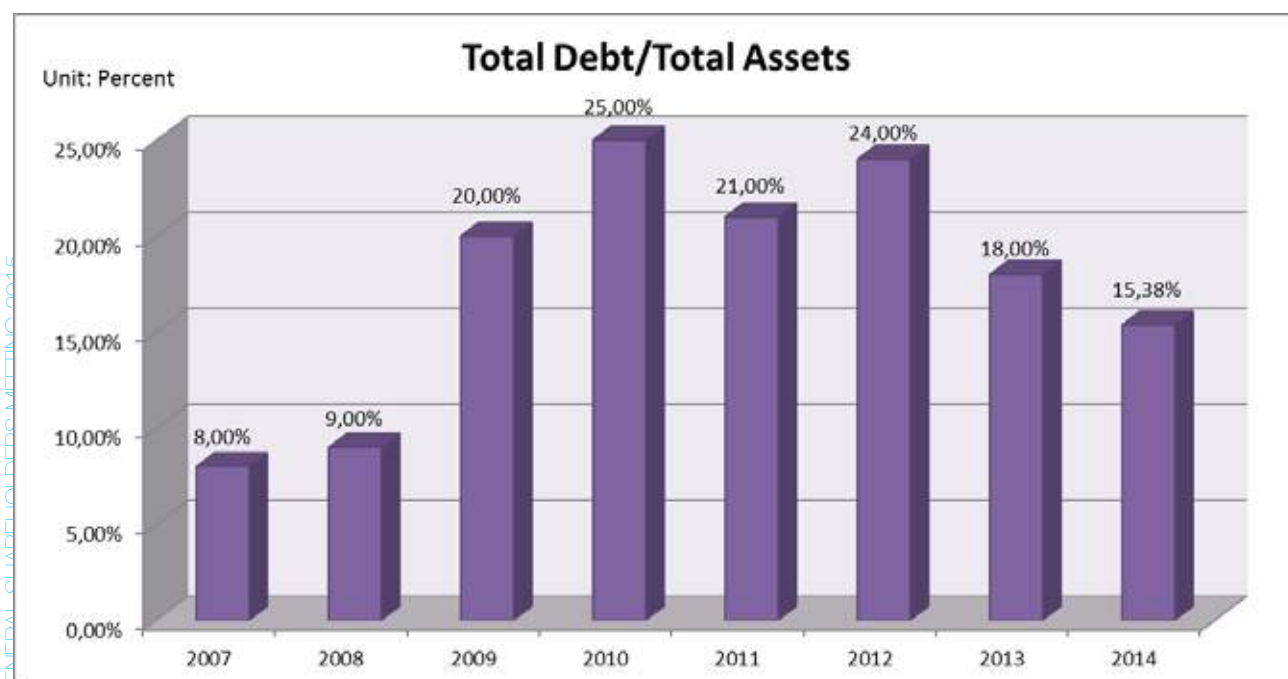
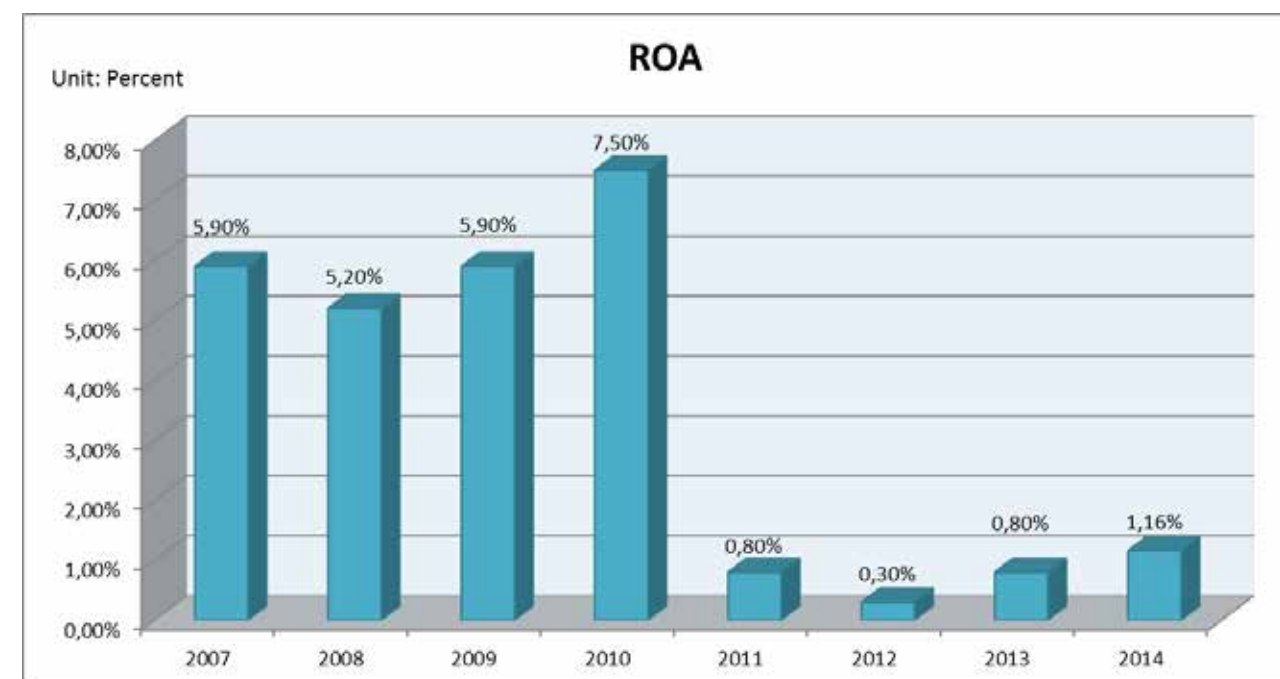
Pham Thanh Them
General Director

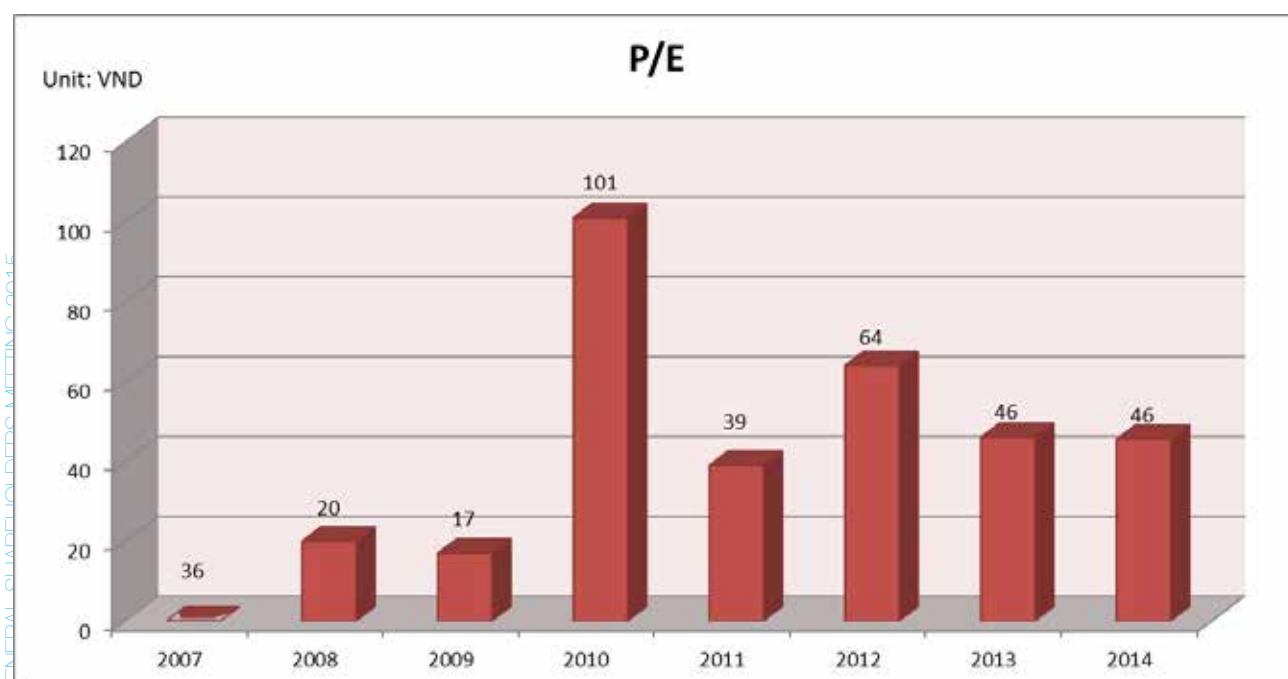
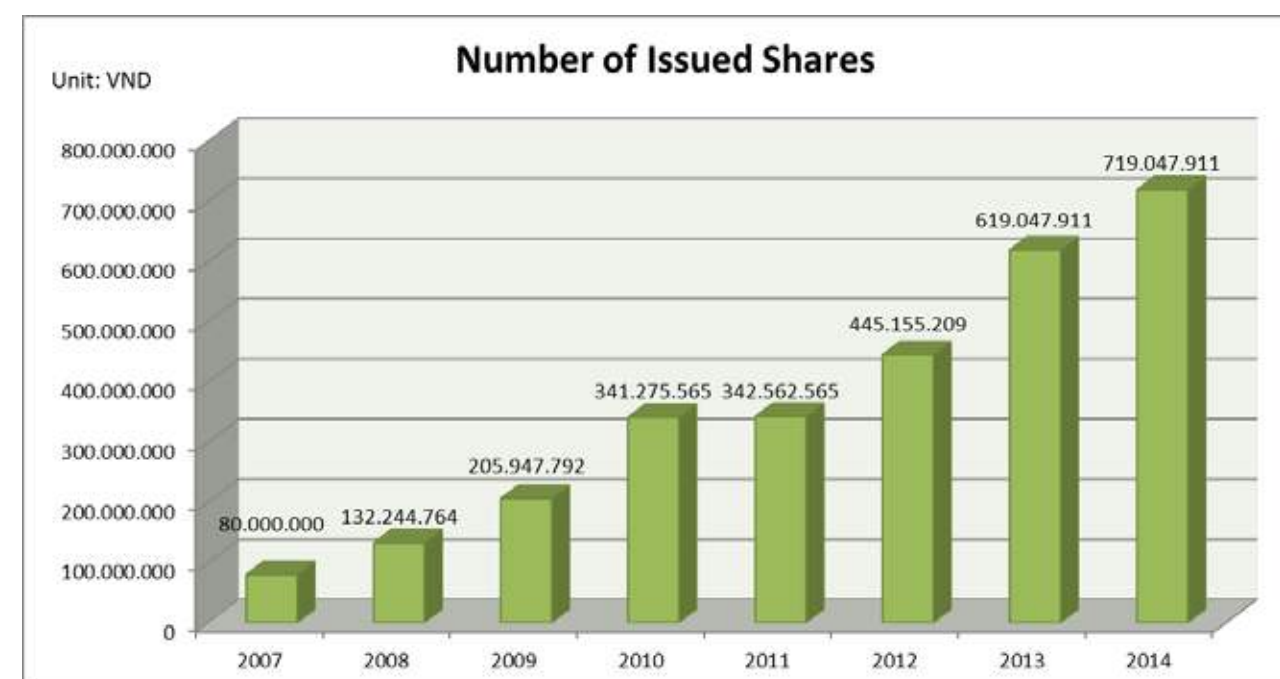
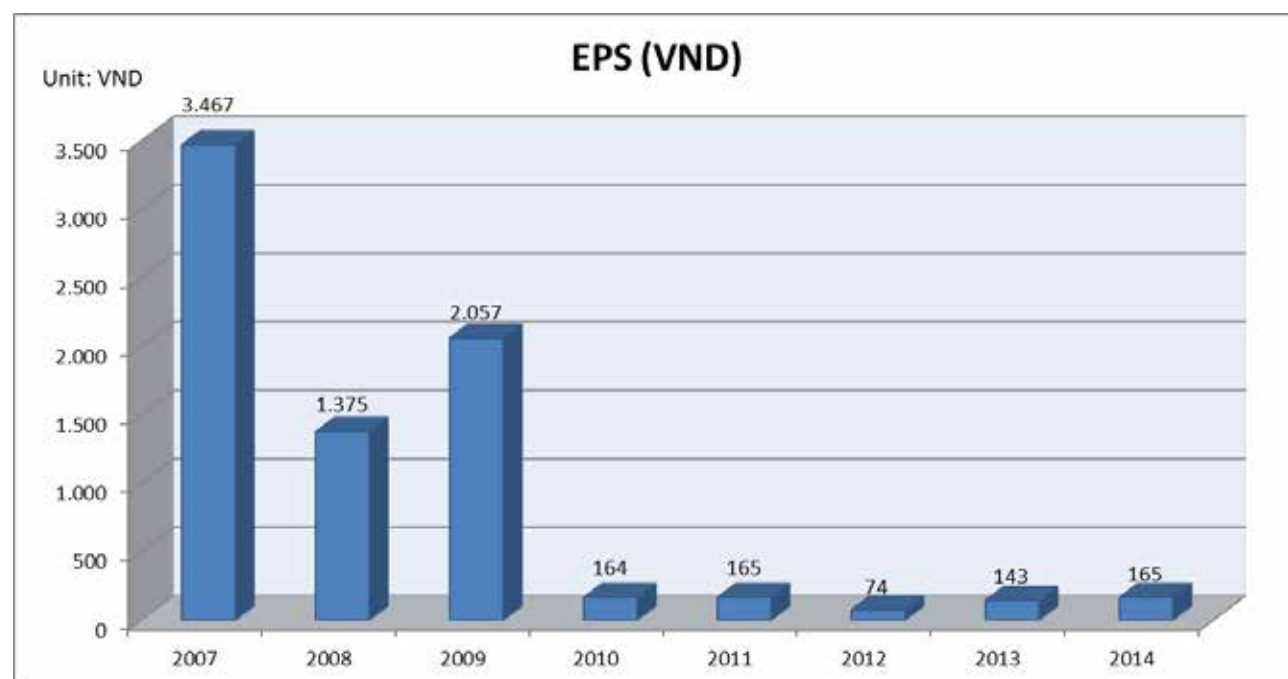


Thai Van Men
General Director

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH / FINANCIAL INDICATORS







* Nhà máy trong KCN Tân Đức
Factory in Tan Duc Industrial Park



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015

REPORT FOR FINANCING PERFORMANCE 2014 AND PLAN 2015

ĐVT/UNIT: 1.000.000 Đ					
STT No	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH MAINLY ITEM	Kế hoạch Plan 2014	Thực hiện Performance 2014	Kế hoạch Plan 2015	Tốc độ phát triển Growth ratios (%)
1	2	3		4	6
I	Doanh thu & thu nhập Revenue and income	591,200	585,492	1,587,700	271.2%
	- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính (cho thuê đất, văn phòng & nhà xưởng trong KCN, bán nhà, căn hộ...) - Revenuse from core business (leasing land, office & warehouse, selling house, Apartment in Ecity..	443,200	343,559	1,167,200	
	- Thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư (lãi từ việc cho thuê đất, nhà xưởng, lãi ngân hàng, cổ tức/lợi nhuận được chia) - Income from financing&investing activities (interest from leasing land/ factory,bank interest, dividend, shares)	80,000	150,109	345,000	
	- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cung cấp điện, nước, phí nước thải và các dịch vụ khác) - Revenues from other services:electricity supply, water supply, water treatment and other serives	65,000	61,114	71,500	
	- Các khoản thu nhập khác - Other income	3,000	30,710	4,000	
II	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	107,800	144,771	509,600	352.0%
III	Cổ tức & thưởng Dividend& bonus	10%	5%	10%	
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ Ending Balance Own's Equity	7,968,339	7,937,953	9,248,785	116.5%
	- Vốn cổ phần - Issued share capital	7,190,000	7,190,479	8,380,000	
	- Thặng dư vốn - Share premium	316,540	307,376	148,940	
	- Các quỹ - Funds	9,154	9,154	9,000	
	- Lợi nhuận chưa phân phối - Undistributed earnings	452,645	434,616	710,845	
V	Tổng tài sản cuối kỳ Ending Balance Total Assets	11,200,000	11,996,725	13,142,500	109.6%
	- Tài sản ngắn hạn - Current assets	5,950,000	6,735,872	6,842,500	
	- Tài sản dài hạn - Non Current assets	5,250,000	5,260,853	6,300,000	



NGÀY HỘI ĐI BỘ
CHUNG TAY VÌ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT
TẬP ĐOÀN TÂN TẠO NĂM 2014
TOP EVENTS OF TAN TAO GROUP IN 2014

* Lãnh đạo tỉnh Long An tham dự Chương trình "Chung tay vì Biển Đảo" do ITA phát động.
Leaders of Long An Province joint the event "Hand in Hand for Vietnam Island an Sea" held by ITA



01

Bà Đặng Thị Hoàng Yến được vinh danh Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh / *Mme. Dang Thi Hoang Yen honored as Outstanding Leader in Ho Chi Minh Era*



Ngày 27/4/2014, lễ trao giải thưởng “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh” được sự chỉ đạo và bảo trợ của Ban Tuyên giáo TW đã long trọng diễn ra tại Nhà hát lớn Hà Nội. Bà Đặng Thị Hoàng Yến, Chủ tịch Trường Đại học Tân Tạo và Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo đã được vinh danh là “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh”.

On April 24, 2014, the “Outstanding Leaders in Ho Chi Minh Era” award ceremony under the direction and sponsorship of the Central Popularization Committee was held at the Hanoi Opera House. Mme. Dang Thi Hoang Yen, Chairwoman of Tan Tao University and Tan Tao Group was presented “Outstanding Leader in Ho Chi Minh Era” Award.

Với sự giám sát chặt chẽ, minh bạch của các đơn vị Nhà nước trong ban tổ chức cùng với những tiêu chí bình chọn khắt khe nhằm đánh giá đúng năng lực, khả năng của các doanh nghiệp, các nhà lãnh đạo qua những thành tích nổi bật trong

năm như: tích cực tham gia các hoạt động xã hội, không ngừng học hỏi nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến các danh hiệu, bằng khen về những đóng góp chung cho sự phát triển của xã hội.

With close supervision and transparency of the organizing Board, businesses and leaders passed through the rigorous selection criteria for evaluation of true capabilities from active engagement in social activities, constant learning to improve quality of products and services to the title and merit certificates of contribution to the social development.

Giải thưởng “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh” là dịp để ban tổ chức đánh giá, ghi nhận và vinh danh



những thành công của doanh nghiệp, những nhà lãnh đạo xuất sắc trong thời kì đất nước đang chuyển mình ngày càng mạnh mẽ, ngày càng mạnh mẽ.

The Outstanding Leader in Ho Chi Minh Era Award is granted following thorough evaluation of the Organizing Board to acknowledge and honor the success of businesses, outstanding leaders in the process of integration and development of the country.

02

Tân Tạo đón nhận danh hiệu “Chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp phát triển bền vững 2014” / *ITACO honored with the “Trusted Brand 2014”*

Ngày 20/12/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công Nghiệp Tân Tạo đã vinh dự đón nhận biểu trưng Chỉ số tín nhiệm Doanh nghiệp Phát triển Bền vững 2014 tại “Hội nghị công bố chỉ số tín nhiệm và trao chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp phát triển bền vững 2014” do Viện Doanh Nghiệp Việt Nam, phối hợp Bộ Công Thương tổ chức.

On December 20, 2014, the Trusted and Sustainable Index 2014 award ceremony was held by the Vietnam Enterprise Institute at the T-78 Convention Center – Central Office (Politburo), Ho Chi Minh City. Ms. Nguyen Thi Ngoc Trang, Vice Chief of Southern Mission Agency of Ministry of Industry and Trade granted the Trusted Brand Award to ITACO represented by Mr. Thai Van Men, COO of ITACO.



Chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp là thước đo trung thực dành cho các doanh nghiệp xây dựng uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng đến phát triển bền vững phù hợp với đề án quốc gia “Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020”

The Trusted Brand Index serves to help businesses to build reputable brands, quality products and services. It also helps Vietnamese businesses to improve competitiveness towards sustainable development in accordance with the “Economic restructuring associated with the shift in growth model towards improvement of quality, efficiency and competitiveness during 2013 – 2020 period”.



03

Itarice nhận chứng nhận Global GAP, Haccp và giải vàng “sản phẩm đạt chất lượng và dịch vụ Châu Á” do tổ chức AQM cấp.

ITARice receives the Global GAP, HACCP certification and “Gold Prize for Prestigious and Quality Products in Asia” granted by the Asia Pacific Quality Organization.

Năm 2014, Ita Rice xây dựng hoàn thiện và đi vào vận hành nhà máy Sấy-Xay sát theo dây chuyền khép kín với công suất 45-50 tấn/mê theo tiêu chuẩn HC-CCP. Ita Rice đã khánh thành Trung tâm phân phối gạo sạch ITA-RICE tại số 19 Cao Bá Nhạ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1, TPHCM. Các sản phẩm Gạo sạch ITA-RICE: Nàng Đào, nàng Yến, Nàng Nga, Vua Liều... đã được phân phối qua hệ thống kênh tiêu thụ truyền thống, qua các quầy hàng siêu thị Saigon Coop, Foodco Mart, K Mart, Tera mart, Maximart, Lottemart... In 2014, ITARice built and completed the Drying- Milling plant with capacity of 45-50 tons per batch in accordance with the Halal Compliance Critical Control Point (HCCCP) standards. ITARice has opened a rice distribution center at No. 19 Cao Ba Nha, Nguyen Cu Trinh Ward, District 1, HCMC. ITARice's organic rice products include Nàng Đào, Nàng Yến, Nàng Nga, Vua Liều..., which are distributed through traditional marketing channels and Saigon Coop supermarket, foodco Mart, K Mart, Tera mart, Maximart, Lottemart ...

Đặc biệt, ngày 20/1/2015, ITA-RICE, đã tổ chức Lễ phát động dự án “Chung tay vì biển đảo quê hương”. Trong chương trình “Chung tay vì biển đảo quê hương” ITA-RICE sẽ trích 5% doanh số bán hàng tết gồm các sản phẩm ITA – RICE (gạo sạch Nàng Mai, gạo sạch Nàng Đào), để tặng cho quỹ ủng hộ các chiến sỹ vùng biển đảo. In particular, on January 20, 2015, ITARice held a ceremony to launch the “Hand in hand for Vietnam



islands and sea” program with the attendance of Chairman of the Spratly and the former captain of no-number vessel, and leaders of subsidiaries of Tan Tao Group, customers, partners and friends. The program has also been strongly supported by local authority and local people. In the “Hand in hand for Vietnam islands and sea” program, ITARice will offer 5% of its sales of ITARice's products (Nàng Mai rice, Nàng Đào rice products), to contribute to the foundation of supporting soldiers guarding the remote islands of the country.

Với sự nỗ lực, sáng tạo và không ngừng phát triển, sản phẩm Ita Rice được thị trường và người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn. Chính vì thế, Ita Rice đã đạt các danh hiệu: Top 10 “Thương hiệu-Nhãn hiệu nổi tiếng Đồng bằng Sông Cửu Long” năm 2014, do Liên hiệp Khoa học Doanh nhân Việt Nam và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế; danh hiệu “Sản phẩm, dịch vụ tốt cho gia đình và trẻ em” do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tặng; TOP 10 “THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU VIỆT NAM” năm 2014 do Tạp chí Công Thương – Bộ Công Thương tổ chức bình chọn trên toàn quốc; Cúp vàng “Sản phẩm, dịch vụ chất lượng Asean” và giấy Chứng nhận do Bộ Công Thương cùng tổ chức chứng nhận Asean cấp cùng nhiều giải thưởng cao quý khác.

With the efforts, creativity and constant expansion, ITARice's organic rice products have been widely accepted by markets and consumers. ITARice was granted the Top 10 famous Mekong Delta brand 2014 by the Vietnam Entrepreneurs Scientific Union and the International Intellectual Property Institute; “Top products and services for families and children” awarded by the Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs; Top 10 “LEADING VIETNAM BRANDS 2014” selected and granted by the Journal of Commerce - Ministry of Industry and Trade nationwide; ASEAN Gold Cup of product and service quality and Certificate issued by the Ministry of Industry and Trade in association with the ASEAN certification organization and other prestigious awards.

04

Trường Đại học Tân Tạo nhận giải thưởng Chu Văn An và Bằng khen vì sự nghiệp Xã hội hóa giáo dục / Tan Tao University granted Chu Van An Award and Certificate of Merit for socialization of education





Để đáp ứng mục tiêu dạy tốt - học tốt, năm 2014 đại học Tân Tạo đã không ngừng nghiên cứu, mở rộng và xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm: khoa Kinh Tế với dự án thành lập Trung tâm Tài Chính và phòng Giao dịch Điện Tử, Trung tâm Kinh Tế và Quản trị Kinh Doanh chuyên hỗ trợ kỹ năng mềm về tư duy lãnh đạo và thuyết trình.

Năm 2014, TTU tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề khoa học trong nước và quốc tế: Hội nghị vật lý quốc tế "The international workshop on theoretical approaches to correlations in nuclei at the limits of stability"; Hội thảo vật lý quốc tế "International colloquium on Nuclear Sciences and Engineering"; Hội nghị khoa học liên trường (lần 6) giữa các trường Đại học, Học viện khu vực phía Nam về lĩnh vực Điện tử, Viễn thông và Công nghệ thông tin; Cùng các buổi seminar khoa học được trình bày bởi các giáo sư đến từ các trường ĐH, viện nghiên cứu quốc tế như: ĐH Indiana, Hoa Kỳ; ĐH New Mexico, Hoa Kỳ; Viện RIKEN, Nhật Bản; ĐH Bordeaux, Pháp; ĐH Paris Sud, Pháp; ĐH Saskatchewan, Canada; ĐH British, Columbia, Canada; ĐH Chiangmai, Thái Lan...

In order to meet the objective of providing quality education, the Board of Trustees together with deans made relentless efforts to study, expand and build research centers, laboratories in 2014: School of Economics with the project of establishing a Financial Center and Electronic Transaction Office, Centre of Economics and Business Administration specializing in supporting soft skills of leadership and presentation. Besides, TTU regularly held domestic and international scientific seminars: "The international workshop on theoretical Approaches to correlations in nuclei at the limits of Stability"; "International colloquium on Nuclear Sciences and Engineering"; Scientific Intercollegiate Conference (6th) between Southern universities and institutes in the field of Electronics, Telecommunications and Information Technology and scientific seminars presented by professors from international universities and research institutes such as the University of Indiana, USA; University of New Mexico, USA; Riken Institute, Japan; University of Bordeaux, France; University of Paris Sud, France; University of Saskatchewan, Canada; University of British Columbia, Canada; Chiangmai University, Thailand ...

Năm 2014, các Khoa cũng đã công bố các công trình nghiên cứu, báo cáo khoa học mang tính đột phá. Như: Khoa Nhân Văn và Ngôn Ngữ với 3 công trình nghiên cứu khoa học (Tools for Quick English Vocabulary, Enhancing Listening Comprehension through Integrating Digital Authoring Tools, Bringing the Leisure World into the Classroom); khoa Công Nghệ Sinh Học với 2 nghiên cứu khoa học và 1 đề tài cấp Bộ "Lai tạo giống bò chất lượng cao tỉnh Long An thông qua các kỹ thuật công nghệ sinh học sinh sản hiện đại"; khoa Kỹ Thuật với 6 đề tài nghiên cứu khoa học.

The schools have also published various scientific studies and reports. Specifically, the School of Humanities and Languages published three scientific studies (Quick Tools for English Vocabulary, Listening Comprehension through integrating Enhancing Digital Authoring Tools, Leisure Bringing the World Into the Classroom); the School of Biotechnology published two scientific studies and one Ministry-level project for scientific research projects of Ministry; the School of Engineering had six scientific studies.

Với những thành tích nổi bật như trên, năm 2014 Trường Đại học Tân Tạo rất vinh dự nhận được nhiều bằng khen như: Bằng Vàng Vì Sự Phát Triển Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam - giải thưởng Chu Văn An; Bà Đặng Thị Hoàng Yến - Chủ tịch Hội Đồng Đại học Tân Tạo, GS. Bùi Duy Tâm - Trưởng khoa Y và TS. Nguyễn Quang Hưng - khoa Kỹ Thuật đã được UBND Tỉnh Long An cấp bằng khen "Vì sự nghiệp giáo dục và thành tích năm học 2013-2014".

With the above outstanding achievements in 2014, Tan Tao University was honored with certificates of merit from the State authorities such as: Gold Prize for development of Vietnam culture and education - Chu Van An Award; Mme. Dang Thi Hoang Yen - Chairman of the Board of Tan Tao University, Prof. Bui Duy Tam - Dean of the School of Medicine and Dr. Nguyen Quang Hung - School of Engineering were granted Certificates of Merit by Long An Province People's Committee for their contribution to the education and achievements during the school year 2013-2014.

05

Hoàn thành Bệnh viện Tân Tạo Completion of Tan Tao Hospital

Năm 2014, tòa nhà bệnh viện Tân Tạo đã chính thức hoàn thiện. Với tiêu chí chăm sóc sức khỏe bệnh nhân làm trung tâm, phục vụ người khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn Nhật Bản với trang thiết bị khám chữa bệnh được đầu tư hiện đại. Bệnh viện Tân Tạo cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh với 2 khoa chính là Nội Khoa và Sản Phụ Khoa với mũi nhọn là khám và tư vấn điều trị hiếm muộn với nhiều chuyên gia và bác sĩ có nhiều kinh nghiệm và sự hợp tác cùng Trung Tâm IVF Nhật Bản.

The Tan Tao Hospital provides health care services in accordance with the Japanese standards with advanced, international standard facilities. It has two main departments: Department of Internal Medicine and Department of Obstetrics. Besides, the Tan Tao Hospital also performs diagnosis and treatment of infertility with experienced and highly qualified doctors in cooperation with the Japanese IVF Center.

B Sau gần 3 năm tích cực chuẩn bị, ngày 09/ 01/2015, Bệnh Viện Đa Khoa Tân Tạo đã đón Đoàn đại biểu thẩm định bệnh viện của Bộ Y tế và Sở Y tế Tỉnh Long An do PGS.TS. Lương Ngọc Khuê – Cục Trưởng Cục quản



lý khám chữa bệnh làm trưởng đoàn. Đoàn đã đến làm việc và tiến hành thẩm định Bệnh Viện Đa Khoa Tân Tạo để cấp giấy phép cho phép bệnh viện Tân Tạo chính thức đi vào hoạt động. *After nearly three years of intense preparation, in the afternoon of January 09, 2015, Tan Tao Hospital welcomed the assessment delegation of the Ministry of Health and the Department of Health of Long An Province led by Vice Professor. Luong Ngoc Khue, PhD - Chief of the Administration of Medical Examination and Treatment. The delegation worked and appraised the Tan Tao Hospital to issue a permit for the Tan Tao Hospital to officially put into operation.*

06

ITACO phát hành thành công 119.376.938 cổ phiếu. ITACO's successful issuance of 119.376.938 shares

Căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014, Tập đoàn Tân Tạo đã tổ chức phát hành thành công 119.376.938 cổ phiếu ITA nhằm cân trừ công nợ với sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. *Pursuant to the Resolutions of the General Shareholders' Meeting 2014, Tan Tao Group successfully issued 119.376.938 shares to offset against debts with the approval of the State Securities Commission.*



07

Tân Đức hoàn thành chỉ tiêu 150.000m² nhà xưởng Tân Đức
Completion of 150,000m² factories in Tan Duc IP



Tiếp tục là đơn vị dẫn đầu về phát triển KCN về quy mô và chất lượng của tỉnh Long An. Với phương án kinh doanh linh hoạt cùng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ và thu hút nhà đầu tư. Khu công Nghiệp Tân Đức đã hoàn thành chỉ tiêu lấp đầy 150.000m² Nhà xưởng. Nâng tổng số nhà đầu tư đã đăng ký tại KCN Tân Đức lên 130 nhà đầu tư, trong đó có 53 nhà đầu tư nước ngoài, tổng vốn đăng ký đầu tư tại Tân Đức IP là 3.962,74 tỷ đồng và 186,8 triệu USD. Hiện đã có 110 nhà máy đã đi vào hoạt động.

The Group continues to take the lead in development of quality and large scale industrial park in Long An province. With flexible business plan with incentives and support for investors, Tan Duc Industrial Park has fully occupied 150,000m² factories, increasing the total number of registered investors in Tan Duc IP to over 130 investors, including 53 foreign investors with a total registered capital investing in Tan Duc IP of VND 3,962.74 billion and US\$ 186.8 million. There have been 110 operational factories.

08

Tân Tạo hoàn thành hệ thống van ngăn triều cường chống ngập KCN Tân Tạo / Completion of flap valves to prevent tidal flooding for Tan Tao Industrial Park



Năm 2014, để khắc phục tình trạng ngập úng tại KCN Tân Tạo trong mùa mưa hoặc do triều cường dâng cao, ITACO đã xây dựng hoàn thành việc cải tạo, lắp đặt hệ thống van ngăn triều cường tại các khu vực cửa xả thoát nước mưa với cao độ an toàn là 2.5m (so với mốc cao độ quốc gia), Hiện tại mực triều cường trung bình ở khu vực TP HCM là 1,6-1,7 mét gây ngập nặng cục bộ một số vị trí trong thành phố, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh

hoạt và sản xuất. Việc Itaco xây dựng hoàn thành hệ thống van ngăn triều cường đã giải quyết tình trạng ngập nước khi mùa mưa hoặc do triều cường cho toàn bộ KCN Tân Tạo.

Currently, the average tide level in HCMC is 1.6 to 1.7 meters, which causes severe flooding for some areas in the city, affecting daily life and production. In order to prevent flooding in the Tan Tao IP from rain or tidal surge, ITACO completed the renovation and installation of valves to prevent tidal surges in the drainage area at a safe elevation level of 2.5 meters (compared to the national level), to prevent flooding from rain or tidal surge for the entire Tan Tao IP.

09

Xây dựng và đưa vào hoạt động trường Mầm non Mặt Trời Đỏ tại KCN Tân Tạo / Completion of construction of Red Sun Kindergarten in Tan Tao IP

Nhằm tạo điều kiện chăm sóc con em các gia đình công nhân viên làm việc trong Khu công nghiệp Tân Tạo một cách tốt nhất, tháng 10/2014, Tập Đoàn Tân Tạo đã xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động trường mầm non Mặt Trời Đỏ với quy mô ban đầu là 100 bé tại Khu Tân Tạo Plaza, quận Bình Chánh, TP HCM.

In order to provide the best care to children of staff and employees in the Tan Tao IP, in May 2014, Tan Tao Group completed and put into operation the Red Sun Kindergarten with an initial size of 100 babies located in the Tan Tao Plaza, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.



Trường Mặt Trời Đỏ được thiết kế chương trình học dựa theo chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp phương pháp giảng dạy của Hoa Kỳ nhằm tạo điều kiện cho các bé có không gian học tập, sinh hoạt và vui chơi khoa học giúp phát triển đồng đều thể chất và trí tuệ các cháu lứa tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo.

The Red Sun Kindergarten's program is designed according to the standards of the Ministry of Education and Training in combination with the US teaching methodology to help children to have a fun and loving environment to develop their physical and intellectual capacities.

Với đội ngũ giáo viên giàu chuyên môn, tận tâm, yêu nghề mến trẻ, trường đã tạo được sự tin yêu của các bậc phụ huynh về một trường mầm non chất lượng cao của KCN. Mầm non Mặt Trời Đỏ đã và đang tích cực đóng góp sức mình trong trong sự nghiệp nuôi dưỡng mầm non tương lai.

With professional and caring teachers, the kindergarten has been trusted by parents as a high quality pre-school in the Industrial Park. The Kindergarten has made active contributions to the nurturing of future generations of the country.



* Lãnh đạo tỉnh Long An tham dự Chương trình “Chung tay vì Biển Đảo” do ITA phát động.
Leaders of Long An Province joined the event “Hand in Hand for Vietnam Islands and Sea” held by ITA.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

RESOLUTION OF ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS MEETING
2015 OF TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

Căn cứ: Pursuant to:

Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

The Enterprise Law No. 60/2005/QH11 dated November 29, 2005 of the National Assembly Term XI of the Socialist Republic of Vietnam;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

The Securities Law No. 70/2006/QH11 dated June 29, 2006 of the National Assembly Term XI of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo;

The Charter on organization and operation of Tan Tao Investment & Industry Corporation;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo, ngày 26/04/2014;

The Minutes of the Annual Shareholders Meeting 2014 on April 26, 2014 of Tan Tao Investment & Industry Corporation

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo được tiến hành từ 14h00 đến 19h 00 ngày 24/04/2015, tại Đại học Tân Tạo, Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Đại hội có mặt đại biểu tham dự, tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là cổ phần chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ, đủ điều kiện để tổ chức đại hội theo qui định của pháp luật hiện hành. Sau gần 05 giờ làm việc khẩn trương, đại hội tập trung nghe, thảo luận các nội dung, các văn kiện chủ yếu của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo, và thống nhất:

The Annual General Shareholders Meeting 2015 of Tan Tao Investment & Industry Corporation was held from 14.00 pm to 19.00 pm on April 24, 2015 at TTU, Tan Tao University Avenue, Tan Duc Ecity, Duc Hoa Dist., Long An Province. The General Shareholders Meeting had the attendance of delegates, representing outstanding and authorized shares, accounting for % of chartered capital, which is adequate for holding the Annual General Shareholders Meeting in accordance with the current laws. After 05 tense working hours, the General Meeting had attentively listened to, discussed the main contents and documents of the Annual General Shareholders Meeting 2015 of Tan Tao Investment & Industry Corporation and agreed on:



NGHỊ QUYẾT RESOLUTION

Điều 1. THÔNG QUA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐÃ ĐƯỢC E&Y THỰC HIỆN CHO NĂM 2014 NHƯ SAU:

Article 1. RATIFICATION OF THE BUSINESS OPERATIONS OF THE COMPANY AND THE COMPANY'S AUDIT REPORT OF E&Y FOR 2014 AS FOLLOWS:

- 1.1. Doanh thu và thu nhập năm 2014 đạt: 585,4 tỷ đồng, bằng 105 % so với năm 2013.
Revenue & income of 2014 reached VND 585.4billion, achieving 105 % compared to 2013.
- 1.2. Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt: 144,7 tỷ đồng, bằng 160 % so với năm 2013.
Profit after-tax is VND 144.7 billion, achieving 160 % compared to 2013.
- 1.3. Lợi nhuận tích lũy sau thuế và thặng dư vốn chưa chia đến 31/12/2014: 741,9 tỷ đồng.
Accumulated non-distributed Profit after-tax as of December 31, 2014: VND 741.9 billion.
- 1.4. Chi trả cổ phiếu thưởng và cổ tức năm 2014 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tối đa 5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2014 bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền tùy theo tình hình hoạt động của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
Payment of dividend and bonus shares of 2014 to the existing shareholders at the maximum rate of 5% from the capital surplus and non-distributed profit as of December 31, 2014 in share or cash depending on the operation of the Company and approved by the Board of Management.
- 1.5. Thông qua kết quả phát hành và niêm yết bổ sung thành công 119.376.938 cổ phiếu cho các đơn vị và cá nhân đã chi viện đặc biệt cho ITACO để cân trừ công nợ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2014 ngày 26/04/2014 thông qua và Thông báo số 768/UBCK-QLPH ngày 12/02/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
Approval of the successful additional issuance and listing of 119,376,938 shares to institutions and individuals which had specially provided support to ITACO to offset against debts in accordance with the Resolution of Annual General Shareholders 2014 on April 26, 2014 and Announcement No 768/UBCK-QLPH dated February 12, 2015 of the State Securities Commission of Viet Nam.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 2. THỐNG NHẤT BẦU BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN LÀ ÔNG HUỖNH HỒ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY THẾ CÁC THÀNH VIÊN ĐÃ TỪ NHIỆM VÀ PHÊ CHUẨN DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

Article 2. APPROVAL OF THE ELECTION OF 01 COMPLEMENTARY MEMBER, MR. HUYNH HO, TO THE BOARD OF MANAGEMENT TO REPLACE THE RESIGNED MEMBER AND RATIFICATION OF THE LIST OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT AS FOLLOWS:

TT NO.	Họ và Tên Full name	Chức vụ trong ITACO Position in ITACO
1.	Bà Đặng Thị Hoàng Yến Ms. Dang Thi Hoang Yen	Chủ tịch HĐQT - Người Sáng lập, đại diện phần vốn góp của Công ty Tập đoàn Tân Tạo Chairwoman - Founder, Representative of contribution capital of Tan Tao Group Corporation
2.	Ông Nguyễn Thanh Phong Mr. Nguyen Thanh Phong	Ủy viên độc lập Independent Member of the Board of Management
3.	Ông Huỳnh Hồ Mr. Huynh Ho	Ủy viên Độc lập Independent Member of the Board of Management
4.	Ông Nguyễn Tuấn Minh Mr. Nguyen Tuan Minh	Ủy viên HĐQT Member of the Board of Management
5.	Bà Nguyễn Thị Lại Ms. Nguyen Thi Lai	Ủy viên HĐQT Member of the Board of Management

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 3. THỐNG NHẤT BẦU VÀ PHÊ CHUẨN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

Article 3. APPROVAL OF THE ELECTION AND RATIFICATION OF THE LIST OF MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD AS FOLLOWS:

TT No.	Họ và Tên Full name	Chức vụ trong ITACO Position in ITACO
1.	Ông Đỗ Tuấn Cường Mr. Do Tuan Cuong	Trưởng ban kiểm soát Chairman of the Supervisory Board
2.	Ông Võ Tấn Phong Mr. Vo Tan Phong	Ủy viên độc lập Ban Kiểm soát Independent member of the Supervisory Board
3.	Bà Lê Thị Phương Chi Ms. Le Thi Phuong Chi	Ủy viên Ban Kiểm soát Member of the Supervisory Board



Điều 4. THỐNG NHẤT CHỦ TRƯỞNG CỤ THỂ HÓA KẾ HOẠCH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO TRONG NĂM 2015 NHƯ SAU:

Article 4. APPROVAL OF MATERIALIZATION OF PLAN OF TAN TAO INVESTMENT AND INDUSTRY CORPORATION IN 2015 AS FOLLOWS:

- 4.1 Giao kế hoạch năm 2015: Doanh thu và thu nhập **1.588** tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt **510** tỷ đồng và tỷ lệ chi trả cổ tức+cổ phiếu thưởng là **10%** bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền tùy theo tình hình hoạt động của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

To entrust the 2015 plan to attain a revenue & income of VND 1,588 billion, a net profit of VND 510 billion and the payment of stock dividend and bonus shares of 10% in share or cash depending on the operation of the Company and as per approval by the Board of Management.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 4.2 Cho phép trích thưởng bằng cổ phiếu cho thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, cán bộ công nhân viên, các đơn vị, tổ chức, cá nhân, các cổ đông có đóng góp tích cực vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ trích thưởng này không vượt quá 2% lợi nhuận thuần và phải đảm bảo chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông ít nhất bằng 10% vốn điều lệ.

Members of the Board of Management, managerial staff, employees, organizations and individuals having actively contributed to the Company's business activities will be rewarded with bonus shares. The bonus percentage will not exceed 2% of the net profit and the payment of stock dividend and bonus shares of at least 10% of the chartered capital must be assured.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 4.3 ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT cân nhắc quyết định đầu tư tiếp hoặc thoái vốn các dự án Công ty đang tham gia.

The Shareholders Meeting approves and authorizes the Board of Management to consider for investment or divestiture of the Company's projects

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 4.4 Thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư vào dự án nhà máy xi măng Tân Tạo tại Hà Nam và dự án Tân Tạo 276 tại 220 Bis Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, TP.HCM nhằm tập trung đầu tư vào Ecity Tân Đức, nhà máy nhiệt điện Kiên Lương 1 và trường chuyên cấp 1,2,3 tại khu dân cư Tân Tạo trong năm 2015 để đưa vào khai thác.

To withdraw the entire investments from the Tan Tao cement project in Ha Nam province and the Tan Tao 276 project in 220 Bis Dien Bien Phu Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCMC to invest in Tan Duc E.city project, Kien Luong 1 thermal power plant project and Tan Tao talented high school, secondary school and elementary school in Tan Tao residential area in 2015 to put into operation.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 4.5 Tiếp tục thực hiện góp vốn đầu tư và hợp tác để đưa vào khai thác Bệnh Viện Tân Tạo trong năm 2015 nhằm phục vụ cho các nhà đầu tư, CBCNV của KCN và nhân dân trong khu vực.

To continue contributing capital and enhancing cooperation to put the Tan Tao Hospital in operation in 2015 to serve investors, staff and employees in the Industrial Park and local people.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 5. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CƠ BẢN

Article 5. BASIC CONSTRUCTION PLAN

- 5.1 Tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 30.000 m2 nhà xưởng để nâng tổng số diện tích nhà xưởng đưa vào khai thác là 180.000 m2 trong KCN Tân Đức giai đoạn 01 và hoàn thiện 40.000 m2 hệ thống hạ tầng giao thông trong KCN Tân Đức giai đoạn 2 để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước khi TPP được ký kết.

To continue to invest in the completion more of 30.000m2 factories to raise the total area of operational factories to 180,000 m2 in Tan Duc Industrial Park Phase 01 and invest in the completion of 40.000 m2 traffic and infrastructure systems of Tan Duc Industrial Park phase 2 to attract foreign and domestic investors when the TPP is signed.

- 5.2 Hoàn thiện 03 Block chung cư Tân Đức Plaza 3,4,5 từ gói hỗ trợ 30.000 tỷ của Chính Phủ và tập trung hoàn thiện 20 căn nhà phố liền kề để đưa vào kinh doanh khi Luật Nhà Ở nới lỏng các điều kiện cho phép người nước ngoài được mua nhà có hiệu lực.

To complete the construction of Tan Duc Plaza's Apartment Block 3,4,and 5 from VND 30,000



billion of Government support package and focus on completion of 20 townhouses in order to prepare it for possible market opportunities once the revised Housing Law will be implemented making it easier for foreigners to buy real property in Vietnam.

- 5.3 Triển khai xây dựng trường chuyên cấp 1,2,3 Tân Tạo tại khu dân cư Tân Tạo nhằm nâng cao giá trị tiện ích cho các nhà đầu tư vào KCN Tân Tạo và phục vụ cho nhân dân trong khu vực.

To build the Tan Tao talented schools at elementary, secondary and high level in the Tan Tao residential area to enhance the utility value for investors in Tan Tao IP and serve the people in the region.

- 5.4 Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dự án Kiên Lương cho Công ty CP năng lượng Tân Tạo để kịp giao mặt bằng cho nhà thầu EPC xây dựng Trung tâm điện lực Kiên Lương 1 và 2 công suất 2.400MW.

To focus on completion of infrastructure of Kien Luong project for Tan Tao Energy Corporation in order to deliver the site to EPC contractor on time for construction of Kien Luong 1&2 plants with capacity of 2,400MW.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 6. ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU TRÊN NHU CẦU VỐN CẦN HUY ĐỘNG THÊM CHO NĂM 2014 KHOẢNG 3.000 TỶ ĐỒNG. ĐHĐCĐ THỐNG NHẤT HUY ĐỘNG VỐN BẰNG CÁCH:

Article 6. IN ORDER TO ACCOMPLISH THE ABOVE GOALS, IT WILL REQUIRE THE MOBILIZATION OF ADDITIONAL CAPITAL OF VND 3,000 BILLION FOR 2014. THE GENERAL SHAREHOLDERS MEETING HAS RATIFIED THE CAPITAL MOBILIZATION PLAN AS FOLLOWS:

- 6.1 Cho phép Hội đồng quản trị được quyết định giữ lại một phần hoặc hoàn toàn lợi nhuận của năm 2014 để bổ sung nguồn vốn lưu động và nâng vốn điều lệ bằng cách chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2014 bằng cổ phiếu.

The Board of Management is allowed to retain part or whole of the 2014 profit to supplement the working capital and to raise the Company's chartered capital by paying 2014 dividends in shares and in bonus shares.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 6.2 ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để hoàn tất việc phát hành thêm không quá

300 triệu cổ phiếu cần trừ công nợ cho các đơn vị, cá nhân đã chi viện đặc biệt cho ITACO bao gồm nợ gốc và toàn bộ lãi phát sinh đến thời điểm cần trừ bằng giá giao dịch trong 05 phiên liên tục tại thời điểm cần trừ. Trong trường hợp giá giao dịch 05 phiên liên tục thấp hơn mệnh giá thì sẽ phát hành bằng mệnh giá.

The Shareholders Meeting approves and authorizes the Board of Management to carry out necessary tasks in accordance with the current laws to complete the issuance of not more than 300 million shares to set-off debts for institutions and individuals which (had specially provided support to ITACO including principal and interest incurred up to set-off time at the average trading price in the 05 consecutive stock exchange sessions preceding the set-off time. In case the average trading price in the 05 consecutive stock exchange sessions preceding the set-off time is lower than the face value, the shares will be issued at the face value.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 6.3 ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành nêu trong điều 1.4, 4.1, 4.2, 6.1 và 6.2 cũng như việc tăng vốn điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành.

The Shareholder Meeting approves and authorizes the Board of Management to carry out necessary formalities in accordance with the laws to list the entire issued shares according to Article 1.4, 4.1, 4.2, 6.1 and 6.2 and to increase the chartered capital after completing the issuance.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 7. ĐHĐCĐ PHÊ CHUẨN VÀ THỐNG NHẤT ỦY QUYỀN CHO CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC PHÁP LÝ CẦN THIẾT THEO QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN CŨNG NHƯ CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG KHÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Article 7. THE SHAREHOLDERS MEETING APPROVES AND AUTHORIZES CHAIRMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT TO FULFILL ALL NECESSARY LEGAL FORMALITIES IN COMPLIANCE WITH ALL DECISIONS AND REGULATIONS OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND ALSO OF OTHER DOMESTIC AND FOREIGN ADMINISTRATIVE AUTHORITIES IN ORDER TO SUCCESSFULLY IMPLEMENT THE SHAREHOLDERS MEETING RESOLUTIONS.



ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 8. ĐHĐCĐ PHÊ CHUẨN VÀ THỐNG NHẤT ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN TRONG NƯỚC VÀ/HOẶC CÔNG TY KIỂM TOÁN QUỐC TẾ CÓ UY TÍN TRONG DANH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ ĐỦ TIÊU CHUẨN KIỂM TOÁN CHO CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TIẾN HÀNH KIỂM TOÁN NĂM 2014 CHO CÔNG TY.

Article 8. THE SHAREHOLDERS MEETING APPROVES AND AUTHORIZES THE BOARD OF MANAGEMENT TO CHOOSE A DOMESTIC AND/OR PRESTIGIOUS INTERNATIONAL AUDIT COMPANY IN THE LIST OF APPROVED COMPANIES WHICH ARE QUALIFIED TO AUDIT LISTED COMPANIES BY THE STATE SECURITIES COMMITTEE IN ORDER TO AUDIT THE COMPANY'S ACCOUNTING IN 2014.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Nghị quyết này sẽ có hiệu lực ngay sau khi được ký dưới đây.
This resolution shall immediately take effect upon signing hereof.

Nơi nhận:

- Các cổ đông - Công bố trên Website;
Shareholders – Announcement on website;
- Các thành viên HĐQT; Members of the Board of Management;
- Các thành viên BGD; Members of the Board of Directors;
- Lưu HC- TH; Archived in the office.

Tp.HCM, ngày tháng 04 năm 2015
Ho Chi Minh city, date month 04 year 2015

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF MANAGEMENT
CHỦ TỊCH
CHAIRWOMAN

ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

SƠ YẾU LÝ LỊCH ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CV OF CANDIDATE OF THE BOARD OF MANAGEMENT

SƠ YẾU LÝ LỊCH / CURRICULUM VITAE

- Họ và tên : **HUỖNH HỔ** - Giới tính: Nam / Full name : **HUỖNH HỔ** - Gender: Male
- Sinh ngày / Date of birth: 15/04/ 1951
- Quê quán: Xã Tam quan bắc, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định / Place of birth: Tam Quan Bac commune, Hoài Nhơn Dist, Binh Dinh Province
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh / Nationality: Vietnamese
- Tôn giáo: (không có)/Religion: Local
- Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: C4/11 – 189C đường Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/Address: C4/11 – 189C Cong Quynh, Nguyễn Cư Trinh ward, Dist. 1, Hồ Chí Minh City.
- Nghề nghiệp khi được tuyển dụng vào cơ quan nhà nước: dạy học / Occupation: Teaching
- Ngày vào ngành giáo dục: Tháng 12 năm 1970 / Date of joining teaching career: December 1970
- Ngày nghỉ hưu cơ quan nhà nước: Nghỉ hưu từ 01/ 05/ 2011 / Date of retirement: May 01, 2011
- Công việc chính được giao trước khi nghỉ hưu: Phó Hiệu trưởng trường Nghiệp vụ và Quản lý giáo dục Trung ương 2, nay là trường CBQLGD.T.P Hồ Chí Minh (Trực thuộc Bộ GD và ĐT). / Position before retirement: Vice Provost for National Institute of Profession and Education Management (HCMC Institute of Education Management).
- Ngạch công chức nhà nước khi nghỉ hưu : Chuyên viên cao cấp / Occupation level before retirement: Senior specialist.
- Đơn vị công tác hiện nay: Trường Đại học Tân Tạo và Trường THPT năng khiếu Đại học Tân Tạo. / Current employer: Tan Tao University and Tan Tao University Talented High School.
- Thời gian làm việc cho đơn vị hiện nay: Từ 01 tháng 12 năm 2011 cho đến nay / Time: Since December 01, 2011 to present.
- Chức vụ hiện tại: + Phó Hiệu trưởng trường Đại học Tân Tạo / Vice Provost of Tan Tao University
Current position + Hiệu trưởng trường THPT năng khiếu Đại học Tân Tạo / Principal of Tan Tao University Talented High School.
- Trình độ / Qualifications:
 - Trình độ giáo dục phổ thông : Tú Tài 2 / High school level: finished
 - Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao nhất: Trung cấp chuyên nghiệp cơ khí ô tô trường Kỹ thuật Việt-Đức Sài Gòn ; Đại học sư phạm Toán Sài Gòn + 5 chứng chỉ chuyên khoa Toán ĐH khoa học Sài Gòn; 5 học phần cao học Toán Đại học tổng hợp TP. HCM; Thạc sỹ Quản lý giáo dục Học viện QLGD – ĐHSP Hà Nội. / Highest degrees: Bachelor of Maths (Saigon University of Pedagogy); 5 courses of advanced math (HCMC University of Sciences); Masters on Education Management at Institute of Education Management and Hanoi University of Pedagogy.
 - Lý luận chính trị: Cao cấp / Level of political science: Advanced
 - Quản lý nhà nước: Trung – Cao cấp Quản lý Nhà nước. Chuyên viên cao cấp / Level of state management: Intermediate - Advanced. Senior specialist.
 - Ngoại ngữ: Anh văn C / Foreign language: English level C
 - Tin học: A – Tin học văn phòng / Computer skill: A level – MS office.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 27 / 5 / 1980 , Ngày chính thức: 27 / 5 / 1981 / Date of joining Communist Party: 27 / 5 / 1980 , Officially approved date: 27 / 5 / 1981
- Ngày nhập ngũ: (không); Ngày xuất ngũ: (không); Quân hàm cao nhất: (không). / Date of joining the Army: (No); Date of exit: (No); Highest level: (No).
- Danh hiệu được phong tặng cao nhất: Hội đồng nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú



SƠ YẾU LÝ LỊCH ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CV OF CANDIDATE OF THE BOARD OF MANAGEMENT

- năm 1990/Highest title awarded by the National Council: Outstanding teacher (awarded in 1990).
19. Sở trường công tác: Dạy học (môn Toán); Quản lý giáo dục; Quản lý trường học (Trung học, Cao đẳng, Đại học); Quản lý giáo dục và đào tạo cấp tỉnh (Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo) / *Expertise: Teaching (Math); Education Management; School management (Secondary, Vocational school, university level);*
20. Khen thưởng: + Nhà giáo ưu tú – năm 1990/Outstanding teacher – in 1990
Awards: + 10 Huy chương vì sự nghiệp của các Bộ, Ngành trung ương/10 medals granted by the Ministries, Departments
+ Hơn 20 năm đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp; nhiều bằng khen của các Bộ, Ngành trung ương và cấp tỉnh. / *Employee of the year for more than 20 years; many other rewards and appreciation certificates granted by different Ministries and provincial departments.*
+ Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng (nhận năm 2011) / *30 year-medal for joining Communist Party (received in 2011).*
21. Kỷ luật: (không có) /Discipline: (No)
22. Tình trạng sức khỏe: Tốt , Cao: 1m 65, Cân nặng: 68 (kg). / *Health condition: Good , Height: 1m 65, Weight: 68 (kg).*
23. Là con gia đình chính sách: + Con Liệt sỹ (Mẹ là liệt sỹ) / *Son of martyr (Mother is martyr).*
Belong to family with in preferential treatment policy + Con thương binh (Cha là thương binh) / *Son of wounded soldier (Father is wounded soldier).*
24. Số chứng minh nhân dân: 334228938 , Ngày cấp: 03 / 05 / 2001 , Nơi cấp: Công an tỉnh Trà Vinh. / *Number of Identity Card: 334228938 , Date of issue: 03/05/2001 , Issue by: Trà Vinh Police.*

25. ĐÀO TẠO VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC / QUALIFICATIONS AND TRAININGS

Tên trường đào tạo <i>Names of Schools</i>	Chuyên ngành đào tạo <i>Subject/Field</i>	Từ tháng, năm- Đến tháng, năm/ <i>From - to date</i>	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gi/Degrees/ Certificates
Trường Kỹ thuật Việt Đức Sài Gòn/ <i>Viet Duc Technical School - SaiGon</i>	Sửa chữa cơ khí ô tô <i>Auto mechanics</i>	1965-1968	Trung cấp THCN <i>Vocational school diploma</i>
Đại học Sư phạm Sài Gòn / <i>Sai Gon University of Pedagogy</i> ĐH khoa học Sài Gòn/ <i>Sai Gon University of Sciences</i>	Toán (SP)/ <i>Math (teacher training)</i> Toán (Cử nhân Toán) <i>/Math (bachelor</i>	1970-1975	Đại học GSTHĐIC + 5 C/c cử nhân chuyên khoa toán ĐHKH <i>Masters</i>
Trường CBQLGD TW + ĐHSP Hà Nội/ <i>Institute of Education Management + Hanoi University of Pedagogy</i>	Cao học QLGD <i>Master of Education Management</i>	1995-1997	Thạc sỹ QLGD. <i>Master</i>

Nguyễn Ái Quốc 9/ <i>Nguyễn Ái Quốc 9</i>	Lý luận chính trị/ <i>Political science</i>	4 tháng 1977 <i>4 months in 1977</i>	Chứng nhận/ <i>Certificate</i>
ĐH tổng hợp TP.HCM/ <i>HCM University of Sciences</i>	Toán (Sau đại học) <i>Math (graduate)</i>	1986-1988	5 học phần SĐH <i>5 courses in advanced math at graduate level</i>
Học viện Hành chính quốc gia/ <i>National Academy of Public Administration</i>	Quản lý Nhà nước (Trung - Cao cấp) <i>State management (Intermediate - Advanced)</i>	1994	Giấy Chứng nhận Trung–cao cấp QLNN <i>Certificate for Intermediate and Advanced level</i>
Học viện chính trị <i>Academy of Politics</i>	Lý luận chính trị <i>Political science</i>	1995	Cao cấp chính trị <i>Certificate of Advanced level</i>
Trường CBQLGD TW2 <i>Institute of Education Management No 2</i>	QLGD THPT (Lớp Hiệu trưởng trường Trung học) <i>Secondary school management (Principals' training)</i>	1989	Chứng nhận <i>Certificate</i>

26. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC / WORK HISTORY:

Từ tháng, năm đến tháng, năm/ <i>From date to date</i>	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ... <i>Position, place of work (communist party, government, social affairs organizations), including training time...</i>
1971 - 4/1973	Tham gia hoạt động bí mật, làm cơ sở cho Ban tuyên huấn huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Đi dạy học tại trường Tổng Phước Hiệp Vĩnh Long/ <i>Working for the secret agence at Vinh Long province. Teaching at Tổng Phước Hiệp school - Vinh Long province</i>
1973 - 4/1975	Giáo viên trường Trung học Phước Hiệp - Củ Chi - Gia Định/ <i>Teacher at Phước Hiệp high school - Củ Chi Dis- Gia Định Pro.</i>
5/1975 - 7/1975	Hiệu trưởng trường Trung học Phước Hiệp - Củ Chi - Gia Định. Xin chuyển về Vĩnh Long / <i>Principal of Phước Hiệp high school - Củ Chi - Gia Định.</i>
7/1975 - 9/1975	Cán bộ phòng phổ thông Ty giáo dục Vĩnh Long./ <i>Officer at Vinh Long Department of Education and Training</i>
9/1975 - 5/1977	Phó Hiệu trưởng trường Phổ thông cấp 2 - 3 Vũng Liêm-Vĩnh Long./ <i>Vice Principal of Vung Liem Lower and Upper Secondary school - Vinh Long.</i>
5/1977 - 8/1977	Học viên trường Chính trị Nguyễn Ái Quốc 9 Thủ Đức/ <i>Student at Nguyễn Ái Quốc 9 Politics School - Thu Duc - HCMC</i>



8/1977 - 2/1990	Hiệu trưởng trường PTTH Càng Long. Vào Đảng tháng 5/1980; Chi ủy viên chi bộ phòng giáo dục Càng Long; Phó bí thư chi bộ trường PTTH Càng Long. Đại biểu HĐND tỉnh Cửu Long khóa 3; Đại biểu HĐND Huyện Càng Long khóa 4 và khóa 6/ <i>Principal of Cang Long high school. Entering Communist Party in May 1980; Representative of 3rd and 5th Cuu Long Pro People's Council; Representative of 4th and 6th Cang Long Dis People's Council</i>
3/1990 - 5/1992	Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở GDĐT Cửu Long. Phó bí thư chi bộ. Được Hội đồng Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú vào tháng 10/1990. <i>Manager of Division of Professional and Specilization - Cuu Long Department of Education and Training. Awarded the Outstanding teacher title by the National Council in 10/1990.</i>
5/1992 - 8/1996	Phó Giám đốc Sở GDĐT Trà Vinh. Bí thư Đảng ủy Sở GDĐT. Đảng ủy viên Đảng ủy Dân-Chính-Đảng tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 1993-1996. Phó bí thư Ban Cán sự Đảng Sở GDĐT 1993. <i>Vice Director of Tra Vinh Pro Department of Education and Training . Secretary of Tra Vinh Dept of Education and Training Communist Party.</i>
8/1996 đến 6/2008	Giám đốc Sở GDĐT Trà Vinh. Đảng ủy viên Đảng ủy Dân – Chính – Đảng tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 1996-2000. Phó Chủ tịch Hội khuyến học tỉnh Trà Vinh. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Trà Vinh 2002-3/2008. Tỉnh ủy viên tỉnh ủy Trà Vinh hai nhiệm kỳ 2000-2005 và 2005-2010. Đại biểu HĐND tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2004-2011. Phó Thường trực Ban tuyên giáo tỉnh ủy Trà Vinh 3/2008 đến 6/2008. <i>Director of Tra Vinh Department of Education and Training. Vice Chairman of Tra Vinh Association for Study Encouragement</i> <i>Director of Tra Vinh Languages and Informatics Center 2002-3/2008.</i> <i>Representative of Tra Vinh People's Council period of 2004-2011. Vice Director of Tra Vinh Commission for Ideology and Culture from 3/2008 to 6/2008.</i>
7/2008 - đến 30/04/2011	Phó Hiệu trưởng thường trực trường Nghiệp vụ và QLGD TW2, nay là trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh (trực thuộc Bộ). Nghỉ hưu từ 01/05/2011/ <i>Standing Vice Provost of Institute of Education Management No 2.</i>

Long An, ngày 10 tháng 03 năm 2015 / Long An, Marh 10, 2015

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật / I certify that all above information is true and correct.

Huỳnh Hồ



TAN TAO GROUP
DEVELOPER OF CHOICE

HEAD OFFICE

Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84.8) 37 505 171/2/3/4 - 37 508 235/6 - Fax: (84.8) 37 508 237
E-mail: contact@itagroup-vn.com
Web site: www.itaexpress.com.vn